

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19150CL0A (Số S' : 12) - Khoa: n T chBilE ng cao

Tuần bđLlFu h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

L-Q I: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dñ n tđ cho m, t tuần l .

Kĩ t 1 LlFu tñ n dñ n tđ tuần th nhBil c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJtiJp (nJl c) dñ n tđ tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	ADMO138685_01 CLC		Tin h c vln ph, ng nng cao	3	LT	Hu8nh T¹ n Nghø	Th. Hai	1234_____	A4-101	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_28 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th' Tr' My	Th. Bly	_____9_____	A3-403	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
3	EHQT130137_28 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th' Tr' My	Th. Bly	_____9012_____	A3-403	_____67890123456_____ (28/09/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_25 CLC		Ho§ Lũ cng	3	LT	ñ Hg ñ³nh Kh¹ i	Th. Hai	_____789_____	A2-402	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_19 CLC		Phşp luđt Lũ cng	2	LT	V» Th' M: H-cng	Th. Sşu	_____78_____	A2-201	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
6	GELA220405_19 CLC		Phşp luđt Lũ cng	2	LT	V» Th' M: H-cng	Th. Bly	12345_____	A2-202	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
7	ITET130110_01C LC		Nhđp m¹ n ngñnh CNKT M¹ i tr-cng	3	LT	Nguy, n M: Linh	Th. Bly	_2345_____	A4-302	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_31 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n ñ í p	Th. T-c	123_____	A2-401	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110513_32 CLC		Gişo đ, c thVchBil 1	1	LT	Trñh Phong Vinh	Th. Nlm	___45_____	05SVD2	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
10	TEDG130120_03 CLC		VÊ k: thuđt 1	3	LT	H' Ng c B' n	Th. Nlm	_____012_____	A2-301	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN LẬP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19150CL0B (Số S: 10) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên đơn vị: Trường (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kiểm tra, a d<y 12345678901234567... (trong c, t tuấn h, c) d, n t, cho m, t tuấn l, .

Kiểm tra 1 lần t, n d, n t, tuấn th, nh, c, a h, c k8. Csc kiểm tra 1 k/ta/ (n/ta c) d, n t, tuấn th, 11, 21 c, a h, c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti/	Phòng	Tuấn h, c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ADMO138685_01 CLC		Tin h, c vln ph, ng nng cao	3	LT	Hu8nh T¹ n Nghø	Th, Hai	1234_____	A4-101	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_28 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th' Tr' My	Th, Bly	_____9_____	A3-403	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
3	EHQT130137_28 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th' Tr' My	Th, Bly	_____9012_____	A3-403	_____67890123456_____ (28/09/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_26 CLC		Ho§ L' cng	3	LT	h Hg n³nh Kh¹ i	Th, T-e	_____789_____	A2-402	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_19 CLC		Phsp luđt L' cng	2	LT	V» Th' M: H-cng	Th, Ssu	_____78_____	A2-201	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
6	GELA220405_19 CLC		Phsp luđt L' cng	2	LT	V» Th' M: H-cng	Th, Bly	12345_____	A2-202	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
7	ITET130110_01C LC		Nhđp m¹ n ng' nh CNKT M¹ i tr-e ng	3	LT	Nguy, n M: Linh	Th, Bly	_2345_____	A4-302	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_31 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n n' i p	Th, T-e	123_____	A2-401	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110513_32 CLC		Gi§o đ, c thVchđt 1	1	LT	Trfn Phong Vinh	Th, Nlm	___45_____	05SVD2	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
10	TEDG130120_03 CLC		V&k: thuđt 1	3	LT	H' Ng' c B' n	Th, Nlm	_____012_____	A2-301	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19116CL1A (Số S' : 21) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh của phiếu)

Kiểm tra 1 lần theo nội dung của phiếu học sinh. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ADMO138685_02 CLC		Tin học văn phòng, ứng dụng cao	3	LT	Huỳnh Tấn Nghĩa	Th. TĐ	1234_____	A4-101	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_08 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. Ba	_____789_____	E2-113	67890123456 (24/09/2019->03/12/2019)
3	EHQT130137_08 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. SĐ	_____789_____	E2-104	6789 (27/09/2019->18/10/2019)
4	GCHE130603_04 CLC		Học Lý Công	3	LT	Vũ Thị Thu Huệ	Th. Hai	234_____	A4-202	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_24 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Huệ	Th. Ba	12345_____	A2-201	7 (10/12/2019->10/12/2019)
6	GELA220405_24 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Huệ	Th. Năm	12_____	E1-402	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	INFT330150_01C LC		Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	3	LT	Trần Khánh Sơn	Th. Năm	_____7890_____	A111	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_11 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Huệ	Th. Ba	123_____	A4-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
9	OCHE220203_01 CLC		Học tập thực	2	LT	Hoàng Minh Huệ	Th. BĐ	_____12_____	A2-303	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110613_22 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Giáp	Th. TĐ	_____01_____	05SVD13	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
11	PHYS130902_27 CLC		Vật lý 1	3	LT	Bà Thị Huệ	Th. TĐ	_____789_____	A4-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
12	TEDG130120_01 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Nguyễn Trần Kim Quyển	Th. SĐ	123_____	A2-403	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)

TH' I KHč A BIqU L, P

H' c k8: 01 - Nłm h' c: 2019-2020

L. p: 19116CL1B (S_qS' : 21) - Khoa: T chĩ ĩng cao

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩc̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	ADMO138685_02 CLC		Tin h c vEn ph, ng n@ng cao	3	LT	Hu8nh T' n Nghp	Th T-e	1234_____	A4-101	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_08 CLC		Anh vEn 1	3	LT	D@ng Th' Thanh Th1/4	Th Ba	_____789_____	E2-113	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
3	EHQT130137_08 CLC		Anh vEn 1	3	LT	D@ng Th' Thanh Th1/4	Th S@u	_____789_____	E2-104	_____6789_____ (27/09/2019->18/10/2019)
4	GCHE130603_04 CLC		Ho\$ L@ c@ng	3	LT	V» Th' Thu Nh-e	Th Hai	_234_____	A4-202	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_24 CLC		Ph\$ p lu@t L@ c@ng	2	LT	V» Th' M: H@ng	Th Ba	12345_____	A2-201	_____7_____ (10/12/2019->10/12/2019)
6	GELA220405_24 CLC		Ph\$ p lu@t L@ c@ng	2	LT	V» Th' M: H@ng	Th N@m	12_____	E1-402	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	INFT330150_01C LC		Nh@p m' n ng' nh C' ng ngh' th c phXn	3	LT	Tr' nh Kh\$nh \$hn	Th N@m	_____7890_____	A111	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_11 CLC		Toán 1	3	LT	L° Th' Thanh H@	Th Ba	123_____	A4-301	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	OCHE220203_01 CLC		H· a h u ch	2	LT	Ho"ng Minh H@o	Th B@y	_____12_____	A2-303	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110613_22 CLC		Gi\$ o đ c thWch@ 2	1	LT	η H@g VEn Gi\$ p	Th T-e	_____01_____	05SVD13	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	PHYS130902_05 CLC		V@t l@ 1	3	LT	Phan Gia Anh V@	Th Hai	_____012_____	A4-401	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
12	TEDG130120_01 CLC		V@ k: thu@t 1	3	LT	Nguy n Tr' Kim Quy°n	Th S@u	123_____	A2-403	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19116CL1C (Số S' : 21) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh (trong cột mã số học sinh) để nhận học bổng.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh (theo cột kiểm tra) để nhận học bổng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ADMO138685_03 CLC		Tin học viên phụ, ngành cao	3	LT	Huỳnh Tấn Nghĩa	Th. Sầu	1234_____	A4-101	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_09 CLC		Anh viên 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. T-Đ	1234_____	E2-111	6789012345 (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_09 CLC		Anh viên 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. T-Đ	12345_____	E2-111	6 (04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_05 CLC		Học sinh 1	3	LT	Nguyễn Văn Dũng	Th. Ba	_____789_____	A4-402	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_11 CLC		Pháp luật 1	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th. Sầu	12345_____	A2-201	7 (13/12/2019->13/12/2019)
6	GELA220405_11 CLC		Pháp luật 1	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th. Bly	12_____	PH5	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
7	INFT330150_02C LC		Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Th. Sầu	_____01_____	A2-404	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	INFT330150_02C LC		Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Th. Bly	_____12_____	A2-403	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_32 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Văn Tâm	Th. Năm	_____789_____	E1-502	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
10	OCHE220203_02 CLC		Học sinh 1	2	LT	Hoàng Minh Hoàng	Th. Ba	_____01_____	A4-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
11	PHED110613_23 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Giáp	Th. T-Đ	_____78_____	05SVD13	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
12	PHYS130902_24 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị Nguyễn	Th. Năm	_____012_____	E1-502	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
13	TEDG130120_04 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Mai Nguyễn Thị	Th. Ba	1_____	E1-405	3 (12/11/2019->12/11/2019)

THẺ KHẨU A B C D E F
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19116CL1C (Số: 21) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mã số quê: 12345678901234567... (trong cột họ và tên) để nhận thông tin.

Kiểm tra 1 lần thông tin nhận thông tin, a, b, c, d, e, f, g, h, i, j, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z, 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ và tên
14	TEDG130120_04 CLC		Vết: vết 1	3	LT	Mai số: số	Thị Ba	1234_____	E1-405	123456789012345678901234 _23456789012_____ (27/08/2019->05/11/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Họ và tên: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19150CL0C (Số S: 10) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Chức vụ: M, kỹ thuật, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ADMO138685_03 CLC		Tin học văn phòng, công nghệ cao	3	LT	Huỳnh Tấn Nghĩa	Thị Sáu	1234_____	A4-101	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_28 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Trâm My	Thị Bảy	_____9_____	A3-403	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
3	EHQT130137_28 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Trâm My	Thị Bảy	_____9012_____	A3-403	_____67890123456_____ (28/09/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_26 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Anh Khôi	Thị Thế	_____789_____	A2-402	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sáu	_____78_____	A2-201	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
6	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Bảy	12345_____	A2-202	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
7	ITET130110_01C LC		Nhập môn ngành CNTT M1 và thực hành	3	LT	Nguyễn M: Linh	Thị Bảy	2345_____	A4-302	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_34 CLC		Toán 1	3	LT	Mai Thị Thanh Huệ	Thị Hai	__345_____	E1-402	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110513_35 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Tổng Vệ Long	Thị Năm	__45_____	05SVD4	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
10	TEDG130120_04 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Mai Nguyễn Thị Huệ	Thị Ba	1_____	E1-405	_____3_____ (12/11/2019->12/11/2019)
11	TEDG130120_04 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Mai Nguyễn Thị Huệ	Thị Ba	1234_____	E1-405	23456789012 (27/08/2019->05/11/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19116CL2A (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Địa chỉ: Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần để nhận diện nhận diện học sinh. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận diện học sinh 11, 21 và các học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	ADMO138685_04 CLC		Tin học văn phòng, ứng dụng cao	3	LT	Nguyễn Huệ Trung	Thị Lâm	_____7890_____	A4-102	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137_09 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Thị Thanh	1234_____	E2-111	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_09 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Thị Thanh	12345_____	E2-111	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_05 CLC		Học Lịch sử	3	LT	Nguyễn Văn Dũng	Thị Ba	_____789_____	A4-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Sầu	12345_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
6	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Bình	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	INFT330150_02C LC		Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Thị Sầu	_____01_____	A2-404	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	INFT330150_02C LC		Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Thị Bình	_____12_____	A2-403	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_12 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Huyền	Thị Thanh	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	OCHE220203_02 CLC		Hành chính	2	LT	Hoàng Minh Hoàng	Thị Ba	_____01_____	A4-401	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
11	PHED110613_22 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Giáp	Thị Thanh	_____01_____	05SVD13	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
12	PHYS130902_05 CLC		Vật lý 1	3	LT	Phan Gia Anh Việt	Thị Hai	_____012_____	A4-401	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
13	TEDG130120_02 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Nguyễn Trần Kim Quyên	Thị Bình	_____789_____	E1-405	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19116CL2B (Số S: 21) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh của phiếu)

Kiểm tra 1 lần theo nội dung của phiếu, các bài kiểm tra 1 lần (nếu có) của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ADMO138685_04 CLC		Tin học văn phòng, ứng dụng cao	3	LT	Nguyễn Huệ Trung	Th. NLM	_____7890_____	A4-102	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137_09 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. TĐ	1234_____	E2-111	_____6789012345_____
										(25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_09 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thanh Thủy	Th. TĐ	12345_____	E2-111	_____6_____
										(04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_05 CLC		Học Lý thuyết	3	LT	Nguyễn Văn Dũng	Th. Ba	_____789_____	A4-402	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th. SĐ	12345_____	A2-201	_____7_____
										(13/12/2019->13/12/2019)
6	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th. BĐ	12_____	PH5	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
7	INFT330150_02C LC		Nhập môn công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Th. SĐ	_____01_____	A2-404	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
8	INFT330150_02C LC		Nhập môn công nghệ thông tin	3	LT	Phạm Thị Hoàng	Th. BĐ	_____12_____	A2-403	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_12 CLC		Toán 1	3	LT	L. Thanh Hải	Th. TĐ	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
10	OCHE220203_02 CLC		Hành chính	2	LT	Hoàng Minh Hoàng	Th. Ba	_____01_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
11	PHED110613_32 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Quân	Th. BĐ	____45_____	05SVD4	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
12	PHYS130902_05 CLC		Vật lý 1	3	LT	Phan Gia Anh Việt	Th. Hai	_____012_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
13	TEDG130120_02 CLC		Vẽ kỹ thuật 1	3	LT	Nguyễn Tr. Kim Quy	Th. BĐ	_____789_____	E1-405	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19158CL1A (Số S' : 18) - Khoa: n T ch B I E ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i k t c a d y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

K t t 1 Lữ t n d n t t tuần th nh B c a h c k8. C s c k t 1 k t i p (n t c) d n t t tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti t 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	CONE230156_01 CLC		M s y t nh v M ũ ng m s y t nh	3	LT	Hu nh Nam	Th T e	__345__	E1-504	_234567890123456_ (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_05 CLC		Anh v n 1	3	LT	Tr n Ho ng Linh	Th N m	__7890__	E2-104	__6789012345_ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_05 CLC		Anh v n 1	3	LT	Tr n Ho ng Linh	Th N m	__78901__	E2-104	__6_ (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENDR130123_13 CLC		V k: thu t 1	3	LT	H Ng c B n	Th S su	123__	E1-509	_234567890123456_ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GCHE130603_28 CLC		Ho s L ũ c ũ ng	3	LT	T ũ n ng Khoa	Th T e	__789__	E1-502	_234567890123456_ (28/08/2019->04/12/2019)
6	GELA220405_12 CLC		Ph p lu t L ũ c ũ ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th N m	12345__	A2-201	__7_ (12/12/2019->12/12/2019)
7	GELA220405_12 CLC		Ph p lu t L ũ c ũ ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th B y	__34__	A2-201	_234567890123456_ (31/08/2019->07/12/2019)
8	GEPR230255_01 CLC		n ũ c ũ ng v Q s n xu t in	3	LT	Ch J Qu c Long	Th Hai	__7890__	05CDIN	_234567890123456_ (26/08/2019->02/12/2019)
9	INPR130155_01C LC		N h p m n ng nh C ng ngh In	3	LT	Tr n Thanh H	Th Ba	12345__	A4-304	_234567890123_ (27/08/2019->12/11/2019)
10	MATH132401_07 CLC		Toán 1	3	LT	L Th Thanh H i	Th Hai	123__	E1-502	_234567890123456_ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHED110613_34 CLC		Gi s o d c th v h i 2	1	LT	Ph m n c H u	Th N m	__45__	05SVD	_234567890123456_ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19158CL1B (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (tên thật: Lê Văn Hùng)

Mã số sinh viên: M12345678901234567... (trong cột mã sinh viên của tờ thi)

Kiểm tra lý thuyết môn học: môn học, a học kỳ. Các kỹ năng (nội dung) của môn học: 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tên	Phòng	Tên học sinh
1	CONE230156_01 CLC		Môn học và Môn học	3	LT	Huỳnh Nam	Th	Tên	E1-504	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_05 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th	Năm	E2-104	6789012345 (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_05 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th	Năm	E2-104	6 (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENDR130123_13 CLC		Vết: thuật 1	3	LT	Hồ Ngọc Bích	Th	Sổ	E1-509	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	GCHE130603_28 CLC		Học Lý Công	3	LT	Tên Học Khoa	Th	Tên	E1-502	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
6	GELA220405_12 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th	Năm	A2-201	7 (12/12/2019->12/12/2019)
7	GELA220405_12 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Th	Bộ	A2-201	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	GEPR230255_01 CLC		Quốc Công và Quốc xuất	3	LT	Chị Quốc Long	Th	Hai	05CDIN	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	INPR130155_01C LC		Nhập môn ngành Công nghệ In	3	LT	Trần Thanh Hùng	Th	Ba	A4-304	234567890123 (27/08/2019->12/11/2019)
10	MATH132401_07 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Huyền	Th	Hai	E1-502	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHED110613_34 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Phạm Ngọc Hùng	Th	Năm	05SVD	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

H`c k8: 01 - Nłm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	CONE230156_02 CLC		Mỹ t'nh v' M'ng m'ng t'nh	3	LT	Cao Xu' Vĩ	Th S'şu	123_____	E1-407	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_29 CLC		Anh v'ln 1	3	LT	Nguy, n Ng' c Th'õ	Th T'ê	12_____	E2-113	_____678901234_____ (25/09/2019->20/11/2019)
3	EHQT130137_29 CLC		Anh v'ln 1	3	LT	Nguy, n Ng' c Th'õ	Th T'ê	_____012_____	A3-306	_____678901234_____ (25/09/2019->20/11/2019)
4	ENDR130123_15 CLC		V'k: thu' 1	3	LT	Nguy, n Tr' Kim Quy'õn	Th S'şu	_____012_____	E1-406	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GCHE130603_28 CLC		Ho'ş L'ĩ c'õng	3	LT	T'ĩ ñ Ing Khoa	Th T'ê	_____789_____	E1-502	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
6	GELA220405_12 CLC		Ph'şp lu'đ L'ĩ c'õng	2	LT	Nguy, n Minh Thu	Th N'şm	12345_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
7	GELA220405_12 CLC		Ph'şp lu'đ L'ĩ c'õng	2	LT	Nguy, n Minh Thu	Th B'ĩy	_34_____	A2-201	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	GEPR230255_03 CLC		ñ 'ĩ c'õng v'Qs'ñ xu'ĩ in	3	LT	Ch'J'Qu' c Long	Th Ba	_____7890_____	05CDIN	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	INPR130155_03C LC		Nh'đp m' n ng' nh C' ng ngh' In	3	LT	Nguy, n Long Giang	Th N'şm	12345_____	A2-103	_234567890123_____ (29/08/2019->14/11/2019)
10	MATH132401_32 CLC		Toán 1	3	LT	Ng' H u T'õn	Th N'şm	_____789_____	E1-502	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
11	PHED110613_27 CLC		Gi'şo d, c th'v'ch'ĩ 2	1	LT	ñ, Ho'ng Long	Th B'ĩy	_____01_____	05SVD6	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

H' c k8: 01 - Nłm h' c: 2019-2020

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩc̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
1	CONE230156_03 CLC		Mỹ t'nh v' M'ng m'ý t'nh	3	LT	Hu&nh Nam	Th_ B'ý	1234567890123456 _____789_____	E1-503	123456789012345678901234 _234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_05 CLC		Anh v'<n 1	3	LT	Tr'<n Ho'<ng Linh	Th_ N'<m	_____7890_____	E2-104	_____6789012345_____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_05 CLC		Anh v'<n 1	3	LT	Tr'<n Ho'<ng Linh	Th_ N'<m	_____78901_____	E2-104	_____6_____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENDR130123_14 CLC		V& k: thu&t 1	3	LT	Nguy_ n V'<n n o'<n	Th_ B'ý	_____012_____	E1-407	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
5	GCHE130603_29 CLC		Ho& L'<i c'<ng	3	LT	Lê Minh Tâm	Th_ N'<m	123_____	E1-502	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	GELA220405_13 CLC		Ph&p lu&t L'<i c'<ng	2	LT	Nguy_ n Th' Tuy'< Nga	Th_ Ba	_____78_____	A2-201	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	GELA220405_13 CLC		Ph&p lu&t L'<i c'<ng	2	LT	Nguy_ n Th' Tuy'< Nga	Th_ Ba	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (10/12/2019->10/12/2019)
8	GEPR230255_02 CLC		n' <i c'<ng vQs'n xu&i in	3	LT	Ch'<Qu' c Long	Th_ S'<u	1234_____	A3-401	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	INPR130155_02C LC		Nh&p m' n ng'<nh C' ng ngh' In	3	LT	Tr'<n Thanh H'<	Th_ T'<e	12345_____	A2-103	_234567890123_____ (28/08/2019->13/11/2019)
10	MATH132401_07 CLC		Toán 1	3	LT	L'< Th' Thanh H'<i	Th_ Hai	123_____	E1-502	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHED110613_34 CLC		Gi&o d_ c th&ch&i 2	1	LT	Ph'<m n_ c H&u	Th_ N'<m	_45_____	05SVD	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC LẬP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19158CL2B (Số S' : 16) - Khoa: ệ T chấT ệ ng cao

Tuần bđL ệ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

L-Q: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dñ n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 L ệ ti n dñ n t tuần th nhấ c, a h c k8. Cậ kĩ t 1 kJtiJp (nJi c) dñ n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	CONE230156_03 CLC		Mşy tnh v Mũng mşy tnh	3	LT	Hu8nh Nam	Th Bly	____789____	E1-503	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_05 CLC		Anh vln 1	3	LT	Trfn Ho ng Linh	Th Nlm	____7890____	E2-104	____6789012345____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_05 CLC		Anh vln 1	3	LT	Trfn Ho ng Linh	Th Nlm	____78901____	E2-104	____6____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENDR130123_14 CLC		Vk: thuđt 1	3	LT	Nguy n Vln ệ o n	Th Bly	____012____	E1-407	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
5	GCHE130603_29 CLC		Hoş L' c ệ ng	3	LT	Lê Minh Tâm	Th Nlm	123____	E1-502	_234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	GELA220405_13 CLC		Phşp luđt L' c ệ ng	2	LT	Nguy n Th TuyJ Nga	Th Ba	____78____	A2-201	_234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	GELA220405_13 CLC		Phşp luđt L' c ệ ng	2	LT	Nguy n Th TuyJ Nga	Th Ba	____78901____	A2-201	____7____ (10/12/2019->10/12/2019)
8	GEPR230255_02 CLC		ệ ệ c ệ ng vQsfn xuđin	3	LT	ChJQu c Long	Th Sşu	1234____	A3-401	_234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	INPR130155_02C LC		Nhđp m n ng nh C ng ngh In	3	LT	Trfn Thanh H	Th T-Đ	12345____	A2-103	_234567890123____ (28/08/2019->13/11/2019)
10	MATH132401_07 CLC		Toán 1	3	LT	L o Th Thanh Hđ	Th Hai	123____	E1-502	_234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHED110613_35 CLC		Gişo đ, c thVchđ 2	1	LT	Nguy n ệ c Th nh	Th Bly	____45____	05SVD3	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19149CL1A (Số S' : 20) - Khoa: ệ T chấIể ng cao

Tuần bđLữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i kĩ t c a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) đ n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n đ n t tuần th nhấ c a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) đ n t tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	DGED125716_06 CLC		Hnh hoũ- VEk: thuđt X@ đ ng	2	LT	Phũm Minh Shn	Th Hai	123_____	E1-501	_2345678901_____ (26/08/2019->28/10/2019)
2	EHQT130137_26 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phũm Th' Thợo Khanh	Th Nlm	1234_____	E2-104	_____6789012345_____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_26 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phũm Th' Thợo Khanh	Th Nlm	12345_____	E2-104	_____6_____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_23 CLC		Hoş Lũ cŕng	3	LT	Nguy n Vinh TiJh	Th Sşu	_____789_____	A2-402	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_17 CLC		Phşp luđt Lũ cŕng	2	LT	Nguy n Th' TuyJ Nga	Th Ba	_____90_____	A2-201	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_17 CLC		Phşp luđt Lũ cŕng	2	LT	Nguy n Th' TuyJ Nga	Th Sşu	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_01C LC		Nhđp m¹ n ng"nh CNKT CTXD	3	LT	Nguy n Trung Ki n	Th Hai	_____12_____	E1-409	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	ICET130117_01C LC		Nhđp m¹ n ng"nh CNKT CTXD	3	LT	Nguy n Trung Ki n	Th Sşu	12_____	E1-409	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132401_28 CLC		Toán 1	3	LT	Ng¹ H u T@n	Th Ba	123_____	A4-401	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_29 CLC		Gişo đ c thWchấ 1	1	LT	ệ, Ho"ng Long	Th Bly	__45_____	05SVD1	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	VBPR131085_01 CLC		Lđp tr³nh Visual Basic	3	LT	Nguy n Quang Ng c	Th Bly	_____7890_____	A4-101	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CL1B (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho mình tự học.

Kiểm tra 1 lần theo dõi tiến độ tự học theo học sinh, các kiểm tra 1 lần (nếu có) điền tự học theo 11, 21 các học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	DGED125716_06 CLC		Hành học - Vết: thuật Xếp đặt	2	LT	Phạm Minh Sơn	Thị Hai	123_____	E1-501	2345678901 (26/08/2019->28/10/2019)
2	EHQT130137_26 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Năm	1234_____	E2-104	6789012345 (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_26 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Năm	12345_____	E2-104	6 (05/12/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_23 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Vinh Tiến	Thị Sáu	_____789_____	A2-402	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_17 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Ba	_____90_____	A2-201	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_17 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Sáu	_____78901_____	A2-201	7 (13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT CTXD	3	LT	Nguyễn Trung Kiên	Thị Hai	_____12_____	E1-409	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
8	ICET130117_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT CTXD	3	LT	Nguyễn Trung Kiên	Thị Sáu	12_____	E1-409	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132401_28 CLC		Toán 1	3	LT	Ngô Hùng Tâm	Thị Ba	123_____	A4-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_30 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Hai	_____45_____	05SVD4	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
11	VBPR131085_01 CLC		Lập trình Visual Basic	3	LT	Nguyễn Quang Ngọc	Thị Bảy	_____7890_____	A4-101	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CL1C (Số S' : 21) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh, học kỳ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 1244, 1245, 1246, 1247, 1248, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 1257, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1287, 1288, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293, 1294, 1295, 1296, 1297, 1298, 1299, 1300, 1301, 1302, 1303, 1304, 1305, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321, 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1331, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1381, 1382, 1383, 1384, 1385, 1386, 1387, 1388, 1389, 1390, 1391, 1392, 1393, 1394, 1395, 1396, 1397, 1398, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, 1473, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1772, 1773, 1774, 1775, 1776, 1777, 1778, 1779, 1780, 1781, 1782, 1783, 1784, 1785, 1786, 1787, 1788, 1789, 1790, 1791, 1792, 1793, 1794, 1795, 1796, 1797, 1798, 1799, 1800, 1801, 1802, 1803, 1804, 1805, 1806, 1807, 1808, 1809, 1810, 1811, 1812, 1813, 1814, 1815, 1816, 1817, 1818, 1819, 1820, 1821, 1822, 1823, 1824, 1825, 1826, 1827, 1828, 1829, 1830, 1831, 1832, 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1838, 1839, 1840, 1841, 1842, 1843, 1844, 1845, 1846, 1847, 1848, 1849, 1850, 1851, 1852, 1853, 1854, 1855, 1856, 1857, 1858, 1859, 1860, 1861, 1862, 1863, 1864, 1865, 1866, 1867, 1868, 1869, 1870, 1871, 1872, 1873, 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879, 1880, 1881, 1882, 1883, 1884, 1885, 1886, 1887, 1888, 1889, 1890, 1891, 1892, 1893, 1894, 1895, 1896, 1897, 1898, 1899, 1900, 1901, 1902, 1903, 1904, 1905, 1906, 1907, 1908, 1909, 1910, 1911, 1912, 1913, 1914, 1915, 1916, 1917, 1918, 1919, 1920, 1921, 1922, 1923, 1924, 1925, 1926, 1927, 1928, 1929, 1930, 1931, 1932, 1933, 1934, 1935, 1936, 1937, 1938, 1939, 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, 1945, 1946, 1947, 1948, 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955, 1956, 1957, 1958, 1959, 1960, 1961, 1962, 1963, 1964, 1965, 1966, 1967, 1968, 1969, 1970, 1971, 1972, 1973, 1974, 1975, 1976, 1977, 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1983, 1984, 1985, 1986, 1987, 1988, 1989, 1990, 1991, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 21

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CL2C (Số S: 19) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh, học kỳ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 1244, 1245, 1246, 1247, 1248, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 1257, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1287, 1288, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293, 1294, 1295, 1296, 1297, 1298, 1299, 1300, 1301, 1302, 1303, 1304, 1305, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321, 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1331, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1381, 1382, 1383, 1384, 1385, 1386, 1387, 1388, 1389, 1390, 1391, 1392, 1393, 1394, 1395, 1396, 1397, 1398, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, 1473, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1772, 1773, 1774, 1775, 1776, 1777, 1778, 1779, 1780, 1781, 1782, 1783, 1784, 1785, 1786, 1787, 1788, 1789, 1790, 1791, 1792, 1793, 1794, 1795, 1796, 1797, 1798, 1799, 1800, 1801, 1802, 1803, 1804, 1805, 1806, 1807, 1808, 1809, 1810, 1811, 1812, 1813, 1814, 1815, 1816, 1817, 1818, 1819, 1820, 1821, 1822, 1823, 1824, 1825, 1826, 1827, 1828, 1829, 1830, 1831, 1832, 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1838, 1839, 1840, 1841, 1842, 1843, 1844, 1845, 1846, 1847, 1848, 1849, 1850, 1851, 1852, 1853, 1854, 1855, 1856, 1857, 1858, 1859, 1860, 1861, 1862, 1863, 1864, 1865, 1866, 1867, 1868, 1869, 1870, 1871, 1872, 1873, 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879, 1880, 1881, 1882, 1883, 1884, 1885, 1886, 1887, 1888, 1889, 1890, 1891, 1892, 1893, 1894, 1895, 1896, 1897, 1898, 1899, 1900, 1901, 1902, 1903, 1904, 1905, 1906, 1907, 1908, 1909, 1910, 1911, 1912, 1913, 1914, 1915, 1916, 1917, 1918, 1919, 1920, 1921, 1922, 1923, 1924, 1925, 1926, 1927, 1928, 1929, 1930, 1931, 1932, 1933, 1934, 1935, 1936, 1937, 1938, 1939, 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, 1945, 1946, 1947, 1948, 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955, 1956, 1957, 1958, 1959, 1960, 1961, 1962, 1963, 1964, 1965, 1966, 1967, 1968, 1969, 1970, 1971, 1972, 1973, 1974, 1975, 1976, 1977, 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1983, 1984, 1985, 1986, 1987, 1988, 1989, 1990, 1991, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 21

THẺ KHẺ A BILU LP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lp: 19149CL2A (SốS: 19) - Khoa: Kỹ Thuật Điện Cao

Tuần học: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã số học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ khóa học, hàng năm. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận thông tin 11, 21 của hàng năm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	DGED125716_08 CLC		Hành học - Vẽ kỹ thuật Xếp đặt	2	LT	Nguyễn Thị An Bình	Thị Hải	_____789_____	E1-510	_____2345678901_____ (26/08/2019->28/10/2019)
2	EHQT130137_26 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Lâm	1234_____	E2-104	_____6789012345_____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_26 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Lâm	12345_____	E2-104	_____6_____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_24 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Thị Bình Khôi	Thị Tề	_____345_____	A4-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Ba	_____78_____	PH5	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sầu	_____78901_____	A2-202	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_03C LC		Nhập môn ngành CNTT CTXD	3	LT	Trần Tuấn Kiệt	Thị Sầu	_____12_____	A4-304	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	ICET130117_03C LC		Nhập môn ngành CNTT CTXD	3	LT	Trần Tuấn Kiệt	Thị Bly	_____45_____	A2-304	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_29 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Hữu Tâm	Thị Sầu	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
10	PHED110513_31 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị Tề	_____01_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	VBPR131085_03 CLC		Lập trình Visual Basic	3	LT	Quách Thị Bình Hoàng	Thị Sầu	_____7890_____	A4-102	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ I KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CL2B (Số S: 21) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho mình để học.

Kiểm tra 1 lần theo dõi tiến độ học tập của học sinh. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) điền vào học tập 11, 21 của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiếp 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	DGED125716_08 CLC		Hành học - Vết: thuật Xếp đặt	2	LT	Nguyễn Thị An Bình	Thị Hai	_____789_____	E1-510	_____2345678901_____ (26/08/2019->28/10/2019)
2	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	_____7_____	A3-306	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
3	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	_____7890_____	A3-306	_____67890123456_____ (26/09/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_24 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Bình Khôi	Thị Thế	_____345_____	A4-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Ba	_____78_____	PH5	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sầu	_____78901_____	A2-202	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_03C LC		Nhập môn ngành CNKT CTXD	3	LT	Trần Tuấn Kiệt	Thị Sầu	_____12_____	A4-304	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	ICET130117_03C LC		Nhập môn ngành CNKT CTXD	3	LT	Trần Tuấn Kiệt	Thị Bly	_____45_____	A2-304	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_30 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Hữu Tâm	Thị Bly	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110513_31 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị Thế	_____01_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	VBPR131085_03 CLC		Lập trình Visual Basic	3	LT	Quách Bình Hoàng	Thị Sầu	_____7890_____	A4-102	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CL3A (Số S: 20) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mã số quê: 12345678901234567... (trong cột quê của bạn)

Kiểm tra và ghi tên họ và tên của bạn: 11, 21 của bạn.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ và tên
1	DGED125716_09 CLC		Hành nghề - Vẽ kỹ thuật Xếp dỡ	2	LT	Nguyễn Đình T	Thị Sáu	012	A306	2345678901 (30/08/2019->01/11/2019)
2	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	7	A3-306	7 (12/12/2019->12/12/2019)
3	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	7890	A3-306	67890123456 (26/09/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_25 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Văn Khôi	Thị Hai	789	A2-402	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Ba	78	PH5	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sáu	78901	A2-202	7 (13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_04C LC		Nhập môn ngành CNKT CTXD	3	LT	Phan Ngọc Hùng	Thị Bảy	1234	A4-203	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_30 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Văn Tâm	Thị Bảy	789	A4-401	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
9	PHED110513_31 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuy	Thị T	01	05SVD3	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	VBPR131085_04 CLC		Lập trình Visual Basic	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Ba	9012	A4-102	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Họ và tên: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19149CL3B (Số S: 19) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học đầu tiên của kỳ: tuần 0 (12/08/2019)

Chú ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra đầu tiên của kỳ học, học sinh cần kiểm tra 1 giờ (nội dung) để nhận thông tin 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	DGED125716_09 CLC		Hành học - Vẽ kỹ thuật Xếp đặt	2	LT	Nguyễn Đình T	Thị Sầu	_____012_____	A306	_____2345678901_____
										(30/08/2019->01/11/2019)
2	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	_____7_____	A3-306	_____7_____
										(12/12/2019->12/12/2019)
3	EHQT130137_27 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Lâm	_____7890_____	A3-306	_____67890123456_____
										(26/09/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_25 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Anh Khôi	Thị Hai	_____789_____	A2-402	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Ba	_____78_____	PH5	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
6	GELA220405_18 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sầu	_____78901_____	A2-202	_____7_____
										(13/12/2019->13/12/2019)
7	ICET130117_04C LC		Nhập môn ngành CNTT CTXD	3	LT	Phan Ngọc Hoàng	Thị Bý	1234_____	A4-203	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_30 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Hữu Tâm	Thị Bý	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
9	PHED110513_32 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Lâm	_____45_____	05SVD2	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
10	VBPR131085_04 CLC		Lập trình Visual Basic	3	LT	Nguyễn Hữu Trung	Thị Ba	_____9012_____	A4-102	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19124CLA1 (Số S' : 17) - Khoa: ệ T chBILU ể ng cao

Tuần bđL ể h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Là I: M i kĩ t c a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 L ể ti n d n t t tuần th nhBILU c a h c k8. Csc kĩ t 1 kJtiJp (nJti c) d n t t tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	ECON230206E_01CLC		Economics	3	LT	Nguy n Th Thanh Th½y	Th T-Đ	_____789_____	A3-401	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137E_03CLC		Academic English 1	3	LT	V» Th Thi n A n	Th Ba	123_____	E2-108	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
3	EHQT230237E_03CLC		Academic English 2	3	LT	L° Ph-Đng Anh	Th N-Đm	_____789_____	E2-107	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
4	GELA220405E_03CLC		General law	2	LT	V» Th M: H-Đng	Th S-Đu	_____01_____	A2-401	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	ệ Hg Bđ Ngoũ	Th Hai	_____012_____	E2-108	__34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
6	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	ệ Hg Bđ Ngoũ	Th T-Đ	123_____	A3-207	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
7	IELI130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Vĩ B nh Minh	Th Ba	_____789_____	E2-109	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th Ng n Vang	Th Ba	_____01_____	E2-107	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
9	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Ph-Đng Anh	Th T-Đ	_____01_____	A3-405	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th B-Đy	123_____	E2-101	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
11	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th S-Đu	_____789_____	E2-106	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	ệ inh Th Thanh H ng	Th N-Đm	_____01_____	E2-107	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
13	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr nh Th Giang Thanh	Th Hai	12_____	A3-207	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)

H`c k8: 01 - Nłm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti/đ	Phòng	Tuần h' c
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	IEWR130226_04 CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Th. Hai	_____78_____	E2-109	____34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
15	INMA130106E_0 1CLC		Introduction to Industrial Management (2+1)	3	LT	L° Trần Thị Diễm Trang	Th. Hai	____2345_____	E1-506	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
16	LLCT150105E_0 4CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Thị Thảo	Th. NLM	12345_____	A2-302	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
17	MATH132701E_0 1CLC		Economical Maths 1	3	LT	Trần Văn Nam	Th. TĐ	123_____	E1-511	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
18	PHED110513E_0 5CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Th. Ba	____45_____	05S12	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19124CLA2 (Số S: 22) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học đầu tiên: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã số học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra đầu tiên để nhận thông tin khóa học, a là cột 8. Các số từ 1 đến 10 (nội dung) để nhận thông tin 11, 21 và a là cột 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	ECON230206E_01CLC		Economics	3	LT	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thị Tế	_____789_____	A3-401	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137E_03CLC		Academic English 1	3	LT	Vũ Thị Thiệp An	Thị Ba	123_____	E2-108	____345678901234567____ (03/09/2019->10/12/2019)
3	EHQT230237E_03CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phụng Anh	Thị Lâm	_____789_____	E2-107	____345678901234567____ (05/09/2019->12/12/2019)
4	GELA220405E_03CLC		General law	2	LT	Vũ Thị M: Hằng	Thị Sầu	_____01_____	A2-401	____234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bệ Ngọc	Thị Hai	_____012_____	E2-108	____34567890123456____ (02/09/2019->02/12/2019)
6	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bệ Ngọc	Thị Tế	123_____	A3-207	____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
7	IELI130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Ba	_____789_____	E2-109	____345678901234567____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Ba	_____01_____	E2-107	____345678901234567____ (03/09/2019->10/12/2019)
9	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phụng Anh	Thị Tế	_____01_____	A3-405	____345678901234567____ (04/09/2019->11/12/2019)
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bội	123_____	E2-101	____345678901234567____ (07/09/2019->14/12/2019)
11	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Sầu	_____789_____	E2-106	____345678901234567____ (06/09/2019->13/12/2019)
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thị Lâm	_____01_____	E2-107	____345678901234567____ (05/09/2019->12/12/2019)
13	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	12_____	A3-207	____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19124CLA2 (Số: 22) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 15 (từ ngày 02/08/2019)

Quỹ: Mã số tài khoản 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập vào phần mềm.

Kiểm tra 15 phút để kiểm tra kiến thức, các kỹ năng (nội dung) để kiểm tra 11, 21 và các hạng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	IEWR130226_04 CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	_____78_____	E2-109	____34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
15	INMA130106E_0 1CLC		Introduction to Industrial Management (2+1)	3	LT	Lê Trần Thị Ngọc Trang	Thị Hai	____2345_____	E1-506	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
16	LLCT150105E_0 4CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Năm	12345_____	A2-302	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
17	MATH132701E_0 1CLC		Economical Maths 1	3	LT	Trần Văn Nam	Thị Trẻ	123_____	E1-511	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
18	PHED110513E_0 5CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Ba	____45_____	05S12	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19124CL1A (Số S' : 26) - Khoa: ệ T chấIỂ ng cao

Tuần bđLữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

L-Q: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dị n t cho m, t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti°n dị n t tuần th nhấ c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) dị n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	ECON240206_01 CLC		Kinh tJh c	4	LT	Nguy n Th' Thanh V@	Th T@	_____7890_____	A4-303	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_11 CLC		Anh vLn 1	3	LT	D@ng Th' Thanh Th½y	Th S\$u	1234_____	E2-111	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_11 CLC		Anh vLn 1	3	LT	D@ng Th' Thanh Th½y	Th S\$u	12345_____	E2-111	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_12 CLC		Ph\$ph luđt L'ũ c@ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th NŁm	12345_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_12 CLC		Ph\$ph luđt L'ũ c@ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th Bly	__34_____	A2-201	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	INMA130106_01 CLC		Nhđp m¹ n ng°nh Qułn Lĩ CN	3	LT	Nguy n Th' Thanh V@	Th Ba	_____12_____	A2-303	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	INMA130106_01 CLC		Nhđp m¹ n ng°nh Qułn Lĩ CN	3	LT	Nguy n Th' Thanh V@	Th Bly	_____01_____	E1-411	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_06 CLC		Nh ng nguy°n Lĩ ch błn CN M\$ç-L°nin	5	LT	Trfñ Th' Thło	Th Ba	12345_____	E1-503	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132701_01 CLC		To\$ñ kinh tJ1	3	LT	Hu8nh Thũ Li°m	Th Hai	123_____	A4-401	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_37 CLC		Gi\$o d, c thWchĩ2	1	LT	Phũm ệ c Hđu	Th T@	_____12_____	05SVD5	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19124CL1B (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Quỹ: Mã số tài khoản: 12345678901234567... (trong cột tài khoản để nhập cho môn học)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học tập, nghiệp vụ, các kỹ năng (nội dung) để nhập học tập, 11, 21 các hạng

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_01 CLC		Kinh tế học	4	LT	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thị Tân	_____7890_____	A4-303	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_11 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đặng Thị Thanh Thủy	Thị Sơn	1234_____	E2-111	_____6789012345_____
										(27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_11 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đặng Thị Thanh Thủy	Thị Sơn	12345_____	E2-111	_____6_____
										(06/12/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_12 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Lâm	12345_____	A2-201	_____7_____
										(12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_12 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Bình	___34_____	A2-201	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
6	INMA130106_01 CLC		Nhập môn ngoại ngữ Quốc tế CN	3	LT	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thị Ba	_____12_____	A2-303	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
7	INMA130106_01 CLC		Nhập môn ngoại ngữ Quốc tế CN	3	LT	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thị Bình	_____01_____	E1-411	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_06 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Ba	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132701_01 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Huỳnh Thị Lâm	Thị Hai	123_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_37 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Thị Tân	_____12_____	05SVD5	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19124CL1C (Số S: 26) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 15 (từ 08/08/2019)

Địa chỉ: Mã số tài khoản: 12345678901234567... (trong tài khoản này có các tài khoản).

Kiểm tra 1 lần theo dõi các tài khoản của các khóa. Các khóa 1 và 2 (các khóa) có các tài khoản 11, 21 và các khóa.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_03 CLC		Kinh tế học	4	LT	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thị Sáu	_____7890_____	A2-304	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Tươi	_____7890_____	A307	_____6789012345_____
										(25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Tươi	_____78901_____	A307	_____6_____
										(04/12/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_13 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Ba	_____78_____	A2-201	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_13 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Ba	_____78901_____	A2-201	_____7_____
										(10/12/2019->10/12/2019)
6	INMA130106_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Hai	_____01_____	A2-203	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
7	INMA130106_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Sáu	_____12_____	A2-304	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Thị Huệ	Thị Năm	12345_____	PH5	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_01 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Huỳnh Thị Liem	Thị Hai	123_____	A4-401	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_33 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Tổng Vi Long	Thị Ba	_____45_____	05SVD	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19124CL2C (Số S: 27) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh của phiếu)

Kiểm tra 1 lần theo nội dung của phiếu học sinh, các kiểm tra 1 lần (nếu có) của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_03 CLC		Kinh tế học	4	LT	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thị Sáu	7890	A2-304	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Tươi	7890	A307	6789012345 (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Tươi	78901	A307	6 (04/12/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Năm	78	A4-202	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Năm	78901	A2-201	7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	INMA130106_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Hai	01	A2-203	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
7	INMA130106_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị Sáu	12	A2-304	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Ngọc Hải	Thị Năm	12345	PH5	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_02 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Huỳnh Thị Liem	Thị Ba	123	A2-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110613_38 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Hai	12	05SVD2	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ I KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19124CL2A (Số S' : 27) - Khoa: ệ T ch B I E ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i kĩ t c a d y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n d n t tuần th nh B c a h c k8. C s c kĩ t 1 k J ti / p (n J ti c) d n t tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti J 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	ECON240206_04 CLC		Kinh t J h c	4	LT	V» Th' Xu B H h h	Th N l m	_____7890_____	A305	_____ 234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137_11 CLC		Anh v l n 1	3	LT	D h ng Th' Thanh Th y	Th S s u	1234_____	E2-111	_____ 6789012345 (27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_11 CLC		Anh v l n 1	3	LT	D h ng Th' Thanh Th y	Th S s u	12345_____	E2-111	_____ 6 (06/12/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_13 CLC		Ph s p lu t L i c h ng	2	LT	Nguy n Th' Tuy J Nga	Th Ba	_____78_____	A2-201	_____ 234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_13 CLC		Ph s p lu t L i c h ng	2	LT	Nguy n Th' Tuy J Nga	Th Ba	_____78901_____	A2-201	_____ 7 (10/12/2019->10/12/2019)
6	INMA130106_04 CLC		Nh d p m l n ng nh Qu n l l CN	3	LT	Nguy n Kh d e Hi J u	Th Ba	____45_____	A2-404	_____ 234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
7	INMA130106_04 CLC		Nh d p m l n ng nh Qu n l l CN	3	LT	Nguy n Kh d e Hi J u	Th S s u	_____01_____	A2-302	_____ 234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Nh ng nguy n l l ch b l n CN M s c-L n n	5	LT	o n n c Hi J u	Th N l m	12345_____	PH5	_____ 234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_02 CLC		To s n kinh t J 1	3	LT	Hu 8 nh Th h Li m	Th Ba	123_____	A2-401	_____ 234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110613_37 CLC		Gi s o d c th W ch h i 2	1	LT	Ph i m n c H d u	Th T e	_____12_____	05SVD5	_____ 234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KHẨU ABILUP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19124CL2B (Số: 27) - Khoa: Kỹ thuật Công nghệ cao

Tuần học: 15 (12/08/2019)

Quê: Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận học bổng.

Kiểm tra 15 phút để nhận học bổng, các kỹ thuật (nội dung) để nhận học bổng 11, 21 các hạng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	1234567890123456	Phòng	Tuần học
1	ECON240206_04 CLC		Kinh tế học	4	LT	Vũ Thị Xuân Hạnh	Thị Lâm		7890	A305	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137_11 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị Sầu	1234		E2-111	6789012345 (27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_11 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị Sầu	12345		E2-111	6 (06/12/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_13 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Ba		78	A2-201	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_13 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Ba		78901	A2-201	7 (10/12/2019->10/12/2019)
6	INMA130106_04 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Nguyễn Khắc Hải	Thị Ba		45	A2-404	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
7	INMA130106_04 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Quốc tế CN	3	LT	Nguyễn Khắc Hải	Thị Sầu		01	A2-302	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Lâm	12345		PH5	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_02 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Huỳnh Thị Liem	Thị Ba	123		A2-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110613_38 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Thị Thanh	Thị Hai	12		05SVD2	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19125CL1A (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số tài liệu 12345678901234567... (trong cột tài liệu) để nhận thông tin tài liệu.

Kiểm tra 1 lần theo dõi tiến độ tài liệu theo hình thức. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận thông tin 11, 21 của hình thức.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_07 CLC		Kinh tế học	4	LT	Vũ Thị Xuân Hạnh	Thị Ba	_____9012_____	A2-404	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị T-Đ	_____7890_____	A307	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị T-Đ	_____78901_____	A307	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	_____78_____	A4-202	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAC130107_01 CLC		Nhập môn ngôn ngữ KJtoán	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Hai	_____12_____	A305	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INAC130107_01 CLC		Nhập môn ngôn ngữ KJtoán	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Bly	_____45_____	A306	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Lâm	12345_____	PH5	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_03 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Thị T-Đ	123_____	A2-301	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_26 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị T-Đ	_____45_____	05SVD5	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN LẬP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19125CL1B (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (Mã số: 01/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số: 12345678901234567... (trong cột chức vụ của bạn để ghi rõ chức vụ).

Kiểm tra lần đầu tiên của bạn (Mã số: 11, 21 của bạn).

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_07 CLC		Kinh tế học	4	LT	Vũ Thị Xuân Hạnh	Thị Ba	_____9012_____	A2-404	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lê Mai Hương Trang	Thị Sáu	_____2_____	E2-103	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
3	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lê Mai Hương Trang	Thị Sáu	_____2345_____	E2-103	_____67890123456_____ (27/09/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Năm	_____78_____	A4-202	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Năm	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAC130107_01 CLC		Nhập môn tiếng Anh	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Hai	_____12_____	A305	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INAC130107_01 CLC		Nhập môn tiếng Anh	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Bảy	_____45_____	A306	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_07 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Nguyễn Thị Hương	Thị Năm	12345_____	PH5	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132701_03 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Thị Mười	123_____	A2-301	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_26 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Mười	_____45_____	05SVD5	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19125CL1C (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 15 (từ 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình tuấn.

Kiểm tra 15 phút để kiểm tra kiến thức, các kỹ năng (nội dung) điền cho mình tuấn 11, 21 các hạng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_09 CLC		Kinh tế học	4	LT	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thị Bình	1234_____	E1-409	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Thái	_____7890_____	A307	6789012345 (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_30 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Hoàng	Thị Thái	_____78901_____	A307	6 (04/12/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	_____78_____	A4-202	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	_____78901_____	A2-201	7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAC130107_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ KJto	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Lâm	_____45_____	E1-510	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	INAC130107_03 CLC		Nhập môn ngôn ngữ KJto	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Sầu	_____45_____	A306	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_12 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Từ Thị Thủy	Thị Ba	12345_____	A2-201	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132701_04 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Thị Bình	_____789_____	A209	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110613_27 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Bình	_____01_____	05SVD6	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19125CL2A (Số S' : 24) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho mình tự học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tự học theo nội dung, a học 8. Các kiểm tra 1 lần (nội dung) điền tự học theo 11, 21 của học 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_10 CLC		Kinh tế học	4	LT	Huỳnh Thị Xuân T	Th. Hai	7890	A4-303	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	L. Mai Hiên Trang	Th. Sáu	2	E2-103	7 (13/12/2019->13/12/2019)
3	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	L. Mai Hiên Trang	Th. Sáu	2345	E2-103	67890123456 (27/09/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Th. Năm	78	A4-202	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Th. Năm	78901	A2-201	7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAC130107_02 CLC		Nhập môn ngôn ngữ kJto	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Th. Hai	45	E1-502	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
7	INAC130107_02 CLC		Nhập môn ngôn ngữ kJto	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Th. T	12	A2-403	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
8	LLCT150105_08 CLC		Nh ngữ nguyên lý ch b h CN MSc-L nin	5	LT	Nguyễn c Hiên	Th. Sáu	78901	A2-202	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132701_03 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Th. T	123	A2-301	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_26 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Th. T	45	05SVD5	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19125CL2B (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Giáo dục Công dân

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (trong các tuần học) dạy các môn học sau đây.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ các môn học sau đây: 11, 21 các môn học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	ECON240206_10 CLC		Kinh tế vĩ mô	4	LT	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Thị Hải	_____7890_____	A4-303	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lê Mai Hương Trang	Thị Sơn	_____2_____	E2-103	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
3	EHQT130137_13 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lê Mai Hương Trang	Thị Sơn	_____2345_____	E2-103	_____67890123456_____ (27/09/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Lâm	_____78_____	A4-202	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	GELA220405_14 CLC		Pháp luật Việt Nam	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Lâm	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAC130107_02 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Anh	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Hải	_____45_____	E1-502	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INAC130107_02 CLC		Nhập môn ngôn ngữ Anh	3	LT	Nguyễn Quang Văn	Thị Thái	_____12_____	A2-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	LLCT150105_08 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Nguyễn Thị Hương	Thị Sơn	_____78901_____	A2-202	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132701_04 CLC		Toán kinh tế 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Thị Bình	_____789_____	A209	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110613_28 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Phạm Thị Hương	Thị Bình	_____45_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩc̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_01 CLC		Hình ảnh và kỹ thuật	4	LT	Hồ Ngọc Bích	Thị Sầu	_____78901_____	A4-101	_____234567890123456_____
2	EHQT130137_16 CLC		Ảnh vẽ 1	3	LT	Phan Văn Bình	Thị Bình	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____
3	EHQT130137_16 CLC		Ảnh vẽ 1	3	LT	Phan Văn Bình	Thị Bình	_____78901_____	E2-105	_____6_____
4	GCHE130603_09 CLC		Hồ sơ công	3	LT	Hồ Ngọc Bích	Thị Thanh	123_____	A4-303	_____234567890123456_____
5	INME130125_02 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Lê Hoàng Giang	Thị Hải	_____78901_____	A2-103	_____234567890123_____
6	LLCT120314_09 CLC		Tổng hợp Hồ Chí Minh	2	LT	Thị Ngọc Thanh	Thị Lâm	12_____	E1-503	_____234567890123456_____
7	MATH132401_16 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Ba	123_____	A4-202	_____234567890123456_____
8	MATH132901_07 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Văn Toàn	Thị Ba	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____
9	MHAP110127_01 CLC		TT Ngữ	1	TH	Phạm Minh Đức	Thị Hải	123_____	X-M5VD	_____7_____
10	MHAP110127_01 CLC		TT Ngữ	1	TH	Phạm Minh Đức	Thị Hải	123456_____	X-M5VD	_____23456_89_____
11	PHED110613_31 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Đức Thành	Thị Thanh	_____45_____	05SVD3	_____234567890123456_____
12	PHYS130902_09 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Văn Hoàng	Thị Thanh	_____789_____	PH5	_____234567890123456_____

THẺ KIỂM TRA HỌC SINH
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CL1B (Số Sĩ: 18) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của dãy 12345678901234567... (trong cột tuần học) điền cho môn tương ứng.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần 1 bài kiểm tra (1 tiết) (nếu có) điền tuần học 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Sĩ TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiết 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EDDG240120_01 CLC		Hình ảnh và kỹ thuật	4	LT	Hồ Ngọc Bình	Thị Sáu	_____78901_____	A4-101	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
2	EHQT130137_16 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Bảy	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
3	EHQT130137_16 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Bảy	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_10 CLC		Học Lịch sử	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Bảy	123_____	A4-402	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
5	INME130125_02 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Lê Hữu Giang	Thị Hai	_____78901_____	A2-103	_____234567890123_____ (26/08/2019->11/11/2019)
6	LLCT120314_09 CLC		Tổng hợp Hình học Minh	2	LT	Thị Ngọc Tăng	Thị Năm	12_____	E1-503	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	MATH132401_16 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Ba	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132901_07 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Văn Toàn	Thị Ba	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MHAP110127_02 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Hai	123_____	02XN2	_____3_____ (11/11/2019->11/11/2019)
10	MHAP110127_02 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Hai	123456_____	02XN2	_____012_4567_____ (21/10/2019->09/12/2019)
11	PHED110613_31 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Tươi	_____45_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
12	PHYS130902_09 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Văn Hoàng	Thị Tươi	_____789_____	PH5	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CL1C (Số: 18) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên và họ của sinh viên: (20/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d 12345678901234567... (trong cột tuấn h c) d n t cho m, t tuấn l .

Kĩ thuật 1 Lữ ti n d n t t tuấn th nh h c, a h c k8. C s c kĩ thuật 1 k/ t/ p (n/ t/ c) d n t t tuấn th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuấn h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_02 CLC		H nh h a v k: thu t	4	LT	Nguy n V n n	Th Hai	12345	A3-105	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_16 CLC		Anh v n 1	3	LT	Phan V B nh Minh	Th B y	7890	E2-105	6789012345 (28/09/2019->30/11/2019)
3	EHQT130137_16 CLC		Anh v n 1	3	LT	Phan V B nh Minh	Th B y	78901	E2-105	6 (07/12/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_10 CLC		Ho L c ng	3	LT	Hu nh Nguy n Anh Tu n	Th B y	123	A4-402	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
5	INME130125_03 CLC		Nh p m n C ng ngh k: thu t (CKM)	3	LT	L H i/ J i Giang	Th Ba	12345	A2-103	234567890123 (27/08/2019->12/11/2019)
6	LLCT120314_09 CLC		T t c ng H Ch Minh	2	LT	Th i Ng c T ng	Th N m	12	E1-503	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	MATH132401_14 CLC		Toán 1	3	LT	Tr ng V nh An	Th S u	345	A4-301	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132901_08 CLC		X s c s i Th ng k ng d ng	3	LT	Nguy n Ng c T	Th S u	789	E1-402	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MHAP110127_03 CLC		TT Ng u i	1	TH	D ng Huy Ho ng	Th Hai	789	02XN2	7 (30/09/2019->30/09/2019)
10	MHAP110127_03 CLC		TT Ng u i	1	TH	D ng Huy Ho ng	Th Hai	789012	02XN2	23456_89 (26/08/2019->14/10/2019)
11	PHED110613_31 CLC		Gi s o d c th v h i 2	1	LT	Nguy n n c Th nh	Th T t	45	05SVD3	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
12	PHYS130902_10 CLC		V d l i 1	3	LT	Tr nh Thi n Hu n	Th N m	345	A2-201	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐA MỨC LỚP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CL3B (Số Sĩ: 16) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần bắt đầu học: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của dãy 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn tự luận.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần 1 bài (nếu có) để nhận tuần học 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Sĩ TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EDDG240120_02 CLC		Hình ảnh và kỹ thuật	4	LT	Nguyễn Văn Ngọc	Thị Hai	12345_____	A3-105	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_17 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Ngân	Thị T-Đ	_____7890_____	E2-104	6789012345 (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_17 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Ngân	Thị T-Đ	_____78901_____	E2-104	6 (04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_32 CLC		Học Lý Công	3	LT	Trần Thị Tuyết Mai	Thị Hai	_____789_____	E1-502	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	INME130125_05 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Phạm Huy Tuấn	Thị Năm	_____7890_____	E1-406	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT120314_10 CLC		Tổng hợp Hình Ch² Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Thị T-Đ	12_____	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_18 CLC		Toán 1	3	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị Bý	_____789_____	A2-401	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132901_09 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thị Năm	123_____	A2-301	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	MHAP110127_08 CLC		TT Ngữ i	1	TH	Hồng Trần Ngọc	Thị Bý	123_____	X-M5VD	3 (16/11/2019->16/11/2019)
10	MHAP110127_08 CLC		TT Ngữ i	1	TH	Hồng Trần Ngọc	Thị Bý	123456_____	X-M5VD	012_4567 (26/10/2019->14/12/2019)
11	PHED110613_33 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Tiến Viêt Long	Thị Ba	___45_____	05SVD	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
12	PHYS130902_11 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Thị Hồng	Thị Ba	_____789_____	A2-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EDDG240120_03 CLC		Hình ảnh và kỹ thuật	4	LT	Nguyễn Thị Thanh	Thị Hải	_____78901_____	A4-101	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_16 CLC		Ảnh vẽ 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Bình	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
3	EHQT130137_16 CLC		Ảnh vẽ 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Bình	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
4	GCHE130603_10 CLC		Hồ sơ kỹ thuật	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Bình	123_____	A4-402	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
5	INME130125_04 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Phạm Huy Tuấn	Thị Hải	___45_____	E1-403	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
6	INME130125_04 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Phạm Huy Tuấn	Thị Lâm	_____12_____	E1-406	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_09 CLC		Tổng hợp Hình ảnh Minh	2	LT	Thị Ngọc Thanh	Thị Lâm	12_____	E1-503	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_17 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Sầu	123_____	A4-401	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132901_08 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Sầu	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
10	MHAP110127_04 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Ba	123_____	02XN2	_____3_____ (12/11/2019->12/11/2019)
11	MHAP110127_04 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Ba	123456_____	02XN2	_____012_4567_____ (22/10/2019->10/12/2019)
12	PHED110613_32 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Quân	Thị Bình	___45_____	05SVD4	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
13	PHYS130902_10 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị Nguyễn Huân	Thị Lâm	___345_____	A2-201	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CL2B (Số S: 16) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số đề thi 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn thi.

Kiểm tra 1 lần thi nhận thi nhữ, a h c k8. Các kiểm tra 1 lần thi (nhiệm vụ) để nhận thi 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_03 CLC		Hành a v k: thu	4	LT	Nguyễn n c T n	Thị Hai	78901	A4-101	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
2	EHQT130137_17 CLC		Anh v n 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cnh	Thị T e	7890	E2-104	6789012345 (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_17 CLC		Anh v n 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cnh	Thị T e	78901	E2-104	6 (04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_11 CLC		Học L c ng	3	LT	Huân Nguyễn n Anh Tu	Thị Hai	123	A2-302	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	INME130125_04 CLC		Nh m n C ng ngh k: thu (CKM)	3	LT	Phạm Huy Tu	Thị Hai	45	E1-403	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
6	INME130125_04 CLC		Nh m n C ng ngh k: thu (CKM)	3	LT	Phạm Huy Tu	Thị N m	12	E1-406	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_10 CLC		T e ng H Ch Minh	2	LT	Nguyễn Thị Ph e ng	Thị T e	12	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_17 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn L Thi	Thị S su	123	A4-401	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132901_09 CLC		X s c s i Th ng k ng d ng	3	LT	Nguyễn Ng c T	Thị N m	123	A2-301	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
10	MHAP110127_05 CLC		TT Ng i	1	TH	Phạm Qu Anh	Thị Ba	123	02XN2	7 (01/10/2019->01/10/2019)
11	MHAP110127_05 CLC		TT Ng i	1	TH	Phạm Qu Anh	Thị Ba	123456	02XN2	23456_89 (27/08/2019->15/10/2019)
12	PHED110613_32 CLC		Gi s o d c th h 2	1	LT	Nguyễn V n Qu n	Thị B y	45	05SVD4	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
13	PHYS130902_11 CLC		V d l 1	3	LT	L S n H i	Thị Ba	789	A2-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẪM ĐỊNH KẾ A B C D E F
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19143CL2C (Số S: 17) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh điền tên cho môn thi)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ thi học sinh cấp 3, cấp 1 (nếu có) điền tên thi 11, 21 cấp 3.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_04 CLC		Hình ảnh và kỹ thuật	4	LT	Trần Minh Trí	Thị Bình	_____78901_____	A3-102	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_17 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Thị Thái	_____7890_____	E2-104	_____6789012345_____
										(25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_17 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Thị Thái	_____78901_____	E2-104	_____6_____
										(04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_11 CLC		Học Lý thuyết	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Hai	123_____	A2-302	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
5	INME130125_03 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Lê Hữu Giang	Thị Ba	12345_____	A2-103	_____234567890123_____
										(27/08/2019->12/11/2019)
6	LLCT120314_09 CLC		Thiết kế đồ họa	2	LT	Thị Ngọc Trang	Thị Năm	12_____	E1-503	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
7	MATH132401_14 CLC		Toán 1	3	LT	Trần Văn An	Thị Sáu	_____345_____	A4-301	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132901_08 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Tiến	Thị Sáu	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
9	MHAP110127_06 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Ba	_____789_____	02XN2	_____3_____
										(12/11/2019->12/11/2019)
10	MHAP110127_06 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Nguyễn Văn Minh	Thị Ba	_____789012_____	02XN2	_____012_4567_____
										(22/10/2019->10/12/2019)
11	PHED110613_32 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Quân	Thị Bình	_____45_____	05SVD4	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)
12	PHYS130902_10 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị Ngọc Huệ	Thị Năm	_____345_____	A2-201	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)

THẪM ĐỊNH A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

L p: 19143CL3A (Số S' : 17) - Khoa: ệ T chấT ể ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lữ I: M i kĩ t c a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) đị n tĩ cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti°n đị n tĩ tuần th nhấ c a h c k8. Cậ kĩ t 1 kJti/p (nJi c) đị n tĩ tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EDDG240120_04 CLC		H³nh h à v£ k: thuđt	4	LT	Tr°ng Minh Tr²	Th Bĩy	_____78901_____	A3-102	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_17 CLC		Anh v£n 1	3	LT	Phũm Thĩ Kim Cnh	Th T°	_____7890_____	E2-104	____6789012345____ (25/09/2019->27/11/2019)
3	EHQT130137_17 CLC		Anh v£n 1	3	LT	Phũm Thĩ Kim Cnh	Th T°	_____78901_____	E2-104	____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_11 CLC		Hoş Lũ c°ng	3	LT	Hu°nh Nguy, n Anh Tuđt	Th Hai	123_____	A2-302	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	INME130125_05 CLC		Nhđp m¹ n C¹ ng ngh' k: thuđt (CKM)	3	LT	Phũm Huy Tu°n	Th N£m	_____7890_____	E1-406	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT120314_10 CLC		T°t°ng H° Ch² Minh	2	LT	Nguy, n Thĩ Ph°ng	Th T°	12_____	A2-201	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_17 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n L° Thi	Th S§u	123_____	A4-401	____234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132901_09 CLC		Xşc suđĩ Th' ng k° ng d, ng	3	LT	Nguy, n Ng c T.	Th N£m	123_____	A2-301	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	MHAP110127_07 CLC		TT Ngu i	1	TH	Ho' ng Tr' ng Ngh°	Th Bĩy	123_____	X-M5VD	____7_____ (05/10/2019->05/10/2019)
10	MHAP110127_07 CLC		TT Ngu i	1	TH	Ho' ng Tr' ng Ngh°	Th Bĩy	123456_____	X-M5VD	____23456_89_____ (31/08/2019->19/10/2019)
11	PHED110613_33 CLC		Gişo d, c thVchđĩ 2	1	LT	T' ng ViJ Long	Th Ba	____45_____	05SVD	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
12	PHYS130902_11 CLC		Vđĩ lĩ 1	3	LT	L° Shn H¶ĩ	Th Ba	_____789_____	A2-301	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19144CL1A (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mã số quê: a d e y 12345678901234567... (trong cột quê là địa chỉ cho mã số quê).

Kiểm tra 1 lần tên địa chỉ quê theo họ và tên của họ và tên. Các kiểm tra 1 lần (nội dung) địa chỉ quê theo họ và tên.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ và tên
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_05 CLC		Hành nghề và kỹ thuật	4	LT	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thị Ba	12345_____	A4-102	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_18 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Thị Lâm	_____7890_____	E2-110	6789012345 (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_18 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Thị Lâm	_____78901_____	E2-110	6 (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENMA220230_10 CLC		Vật lý và hóa học	2	LT	Nguyễn Ngọc Hải	Thị Sầu	_____78_____	A2-103	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_06 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thị Sầu	_____9012_____	E1-504	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
6	LLCT120314_10 CLC		Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Thị Tươi	12_____	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_18 CLC		Toán 1	3	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị Bưởi	_____789_____	A2-401	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132901_10 CLC		Xác suất Thống kê và ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thị Hai	_____012_____	A4-301	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	MHAP110127_10 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phụng	Thị Hai	123_____	02XN3	7 (30/09/2019->30/09/2019)
10	MHAP110127_10 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phụng	Thị Hai	123456_____	02XN3	23456_89 (26/08/2019->14/10/2019)
11	PHED110513_35 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Tống Văn Long	Thị Lâm	____45_____	05SVD4	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
12	PHYS130902_27 CLC		Vật lý 1	3	LT	Bà Thị Phụng	Thị Tươi	_____789_____	A4-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
13	SCDR130324_01 CLC		Kỹ thuật Vệ sinh	3	LT	Nguyễn Thị Uyên Uyên	Thị Bưởi	123_____	E1-310	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)

H' c k8: 01 - N' m h' c: 2019-2020

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_05 CLC		Hình học và kỹ thuật	4	LT	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	Thị Bà	12345_____	A4-102	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_18 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cảnh	Thị Nấm	_____7890_____	E2-110	_____6789012345 (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_18 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cảnh	Thị Nấm	_____78901_____	E2-110	_____6 (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENMA220230_10 CLC		Vật lý u học	2	LT	Nguyễn Ngọc Hải	Thị Sầu	_____78_____	A2-103	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_06 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	Thị Sầu	_____9012_____	E1-504	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
6	LLCT120314_10 CLC		Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Thị Tê	12_____	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_18 CLC		Toán 1	3	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị Bội	_____789_____	A2-401	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132901_10 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Tiên	Thị Hai	_____012_____	A4-301	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	MHAP110127_11 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phương	Thị Hai	123_____	02XN3	_____3 (11/11/2019->11/11/2019)
10	MHAP110127_11 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phương	Thị Hai	123456_____	02XN3	_____012_4567 (21/10/2019->09/12/2019)
11	PHED110513_20 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Bà	_____01_____	05SVD1	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
12	PHYS130902_27 CLC		Vật lý 1	3	LT	Bùi Thị Phương	Thị Tê	_____789_____	A4-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
13	SCDR130324_01 CLC		Kỹ thuật Vật lý học	3	LT	Nguyễn Thị Uyên Uyên	Thị Bội	123_____	E1-310	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CL2A (Số S' : 27) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 15 (từ ngày: 08/08/2019)

Địa điểm: M, i k t c, a d y 12345678901234567... (trong c t tu h h c) d n t cho m t tu h l .

K t t 1 L u t i n d n t t t u h t h n h i c, a h c k8. C s c k t t 1 k t i p (n j u c) d n t t t u h t h 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti t 1234567890123456	Phòng	Tu h h c 123456789012345678901234
1	EDDG240120_06 CLC		H nh h a v k: thu t	4	LT	Nguy n V n n o n	Th B y	12345_____	A4-102	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_18 CLC		Anh v n 1	3	LT	Ph m Th Kim C nh	Th N m	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_18 CLC		Anh v n 1	3	LT	Ph m Th Kim C nh	Th N m	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	ENMA220230_11 CLC		V d l i u h c	2	LT	Nguy n Ng c H	Th S su	_____90_____	A2-103	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_07 CLC		N h p m n C ng ngh k: thu t (CKM)	3	LT	Ho ng Trung Ki n	Th T e	_____12_____	A4-303	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
6	INME130125_07 CLC		N h p m n C ng ngh k: thu t (CKM)	3	LT	Ho ng Trung Ki n	Th S su	_____12_____	A2-403	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
7	LLCT120314_11 CLC		T e e ng H Ch M nh	2	LT	Nguy n Th Ph e ng	Th Hai	_____78_____	A4-201	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_19 CLC		To n 1	3	LT	Nguy n L Thi	Th Ba	_____789_____	A4-301	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132901_10 CLC		X s c s u i Th ng k ng d ng	3	LT	Nguy n Ng c T	Th Hai	_____012_____	A4-301	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	MHAP110127_12 CLC		TT Ng u i	1	TH	H Th Ph ng	Th Ba	123_____	02XN3	_____7_____ (01/10/2019->01/10/2019)
11	MHAP110127_12 CLC		TT Ng u i	1	TH	H Th Ph ng	Th Ba	123456_____	02XN3	_23456_89_____ (27/08/2019->15/10/2019)
12	PHED110513_20 CLC		Gi s o d c th h i 1	1	LT	n Ho ng Long	Th Ba	_____01_____	05SVD1	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
13	PHYS130902_13 CLC		V d l i 1	3	LT	L Sh n H i	Th N m	_345_____	E1-402	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19144CL2A (Số S' : 27) - Khoa: n T ch B I E ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i k t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n d n t tuần th nh h c, a h c k8. Csc kĩ t 1 k/ti/p (n/ju c) d n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Lo h HP	Tên CBGD	Th	Ti t 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
14	SCDR130324_02 CLC		K: thu đ V E ph s c	3	LT	Nguy n Th Uy n Uy n	Th B l y	_____789_____	A2-402	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CL2B (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Giáo dục Công dân

Tuần học: 15 (từ ngày 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã số khóa học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra 15 phút để nhận thông tin khóa học, a là hạng 8. Các khóa học 15 phút (nội dung) để nhận thông tin khóa học, 11, 21 là hạng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_06 CLC		Hành trình và kết quả	4	LT	Nguyễn Văn Ngọc	Thị Bình	12345_____	A4-102	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
2	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cương	Thị Sầu	1234_____	E2-110	6789012345 (27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cương	Thị Sầu	12345_____	E2-110	6 (06/12/2019->06/12/2019)
4	ENMA220230_11 CLC		Vật lý và hóa học	2	LT	Nguyễn Ngọc Hải	Thị Sầu	_____90_____	A2-103	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_07 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Thị Thương	_____12_____	A4-303	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
6	INME130125_07 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Thị Sầu	_____12_____	A2-403	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
7	LLCT120314_11 CLC		Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phương	Thị Hai	_____78_____	A4-201	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_19 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Ba	_____789_____	A4-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132901_11 CLC		Xác suất Thống kê và ứng dụng	3	LT	Tô Quốc Bảo	Thị Thương	123_____	A4-301	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	MHAP110127_13 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phương	Thị Ba	123_____	02XN3	3 (12/11/2019->12/11/2019)
11	MHAP110127_13 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Hồ Thị Phương	Thị Ba	123456_____	02XN3	012_4567 (22/10/2019->10/12/2019)
12	PHED110513_20 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Ba	_____01_____	05SVD1	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
13	PHYS130902_13 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Thị Hải	Thị Năm	_____345_____	E1-402	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19144CL2B (Số S' : 25) - Khoa: n T ch B I E ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i k t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n d n t tuần th nh h c, a h c k8. Csc kĩ t 1 k/ti/p (n/ju c) d n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	Ti/l 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
14	SCDR130324_02 CLC		K: thuđ V E phđc	3	LT	Nguy n Th Uy n Uy n	Th Bly	____789____	A2-402	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CL3A (Số S' : 25) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 15 (từ ngày: 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học: 12345678901234567... (trong cột mã số khóa học để nhận diện cho môn học).

Kiểm tra 15 phút để nhận diện môn học, thời gian: 15 phút (không tính thời gian nghỉ). Thời gian: 11, 21 và 31 tháng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_07 CLC		Hành vi và kỹ thuật	4	LT	Hồ Ngọc Bình	Th. TĐ	78901	A4-102	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Th. SĐ	1234	E2-110	6789012345 (27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Th. SĐ	12345	E2-110	6 (06/12/2019->06/12/2019)
4	ENMA220230_12 CLC		Vật lý và hóa học	2	LT	Nguyễn Ngọc Hải	Th. SĐ	12	A2-103	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_08 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Th. Ba	01	A2-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
6	INME130125_08 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Th. NĐ	12	A4-202	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_11 CLC		Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Th. Hai	78	A4-201	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_19 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Th. Ba	789	A4-301	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132901_11 CLC		Xác suất Thống kê và ứng dụng	3	LT	Tô Quốc Bảo	Th. TĐ	123	A4-301	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	MHAP110127_14 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Đặng Huy Hoàng	Th. Hai	123	02XN2	7 (30/09/2019->30/09/2019)
11	MHAP110127_14 CLC		TT Ngữ văn	1	TH	Đặng Huy Hoàng	Th. Hai	123456	02XN2	23456_89 (26/08/2019->14/10/2019)
12	PHED110513_21 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Th. TĐ	45	05SVD2	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
13	PHYS130902_13 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Thị Hải	Th. NĐ	345	E1-402	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CL3A (Số: 25) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Quê: Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận học bổng.

Kiểm tra 1 lần tiến độ nhận học bổng theo học, a học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nội) để nhận học bổng 11, 21 học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	SCDR130324_03 CLC		K: thuở về phở	3	LT	Nguyễn Thị Uyên Uyên	Thị Bình	_____012_____	A2-103	_____234567890123456_____
(31/08/2019->07/12/2019)										

THẺ KHẺ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CL3B (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số bài tập: 12345678901234567... (trong cột bài tập) để nhận bài tập về nhà.

Kiểm tra 1 lần theo dõi nhận bài tập về nhà, các bài kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận bài tập về nhà. 11, 21 các bài kiểm tra.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120_07 CLC		Hành vi và kỹ thuật	4	LT	Hồ Ngọc Bích	Th. TĐ	_____78901_____	A4-102	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
2	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Th. SĐ	1234_____	E2-110	_____6789012345_____
										(27/09/2019->29/11/2019)
3	EHQT130137_19 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Kim Cánh	Th. SĐ	12345_____	E2-110	_____6_____
										(06/12/2019->06/12/2019)
4	ENMA220230_12 CLC		Vật lý u học	2	LT	Nguyễn Ngọc H	Th. SĐ	_____12_____	A2-103	_____234567890123456_____
										(30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_08 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Th. Ba	_____01_____	A2-301	_____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
6	INME130125_08 CLC		Nhập môn Công nghệ kỹ thuật (CKM)	3	LT	Hoàng Trung Kiên	Th. NĐ	_____12_____	A4-202	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_11 CLC		Tổng hợp H ² Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Th. Hai	_____78_____	A4-201	_____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_20 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn L ^o Thi	Th. NĐ	123_____	A2-401	_____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132901_11 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Tổ Quốc Bô	Th. TĐ	123_____	A4-301	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
10	MHAP110127_15 CLC		TT Ngữ i	1	TH	Phạm Quỳnh Anh	Th. Hai	123_____	02XN1	_____7_____
										(30/09/2019->30/09/2019)
11	MHAP110127_15 CLC		TT Ngữ i	1	TH	Phạm Quỳnh Anh	Th. Hai	123456_____	02XN1	_____23456_89_____
										(26/08/2019->14/10/2019)
12	PHED110513_21 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Phạm Ngọc Hân	Th. TĐ	_____45_____	05SVD2	_____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
13	PHYS130902_14 CLC		Vật lý 1	3	LT	L ^o Sơn H	Th. B	123_____	A2-301	_____234567890123456_____
										(31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19144CL3B (Số S' : 24) - Khoa: n T ch B I E ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i k t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n d n t tuần th nh h c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) d n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ	Phòng	Tuần h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	SCDR130324_03 CLC		K: thuđ VÉ phđc	3	LT	Nguyễn Th Uy°n Uy°n	Th Bly	_____012_____	A2-103	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẪM ĐỊNH A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

L p: 19143CL3C (Số S' : 17) - Khoa: ệ T chấT ệ ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: M i kĩ t c a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) đị n tĩ cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti°n đị n tĩ tuần th nhấ c a h c k8. Cậ kĩ t 1 kJti/p (nJi c) đị n tĩ tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EDDG240120_08 CLC		H³nh h à v£ k: thuđt	4	LT	Tr°ng Minh Tr²	Th Ba	_____78901_____	A5102B	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_18 CLC		Anh v£n 1	3	LT	Phũm Th' Kim Cnh	Th N£m	_____7890_____	E2-110	____6789012345____ (26/09/2019->28/11/2019)
3	EHQT130137_18 CLC		Anh v£n 1	3	LT	Phũm Th' Kim Cnh	Th N£m	_____78901_____	E2-110	____6_____ (05/12/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_32 CLC		Hoş Lũ c°ng	3	LT	Trũh Th, y Tuy/J Mai	Th Hai	_____789_____	E1-502	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	INME130125_14 CLC		Nhđp m¹ n C¹ ng ngh' k: thuđt (CKM)	3	LT	Vĩ Quang Huy	Th Bĩy	____2345_____	NI ACADEMY	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	LLCT120314_15 CLC		T-et-é ng H° Ch² Minh	2	LT	Nguy n Th' Ph-ể ng	Th S§u	12_____	A2-201	____234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
7	MATH132401_33 CLC		Toán 1	3	LT	Mai V£n Duy	Th Hai	____012_____	E1-402	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132901_18 CLC		Xşc suĩĩ Th' ng k° ng d, ng	3	LT	Nguy n H° ng Nhung	Th Hai	123_____	A2-401	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MHAP110127_09 CLC		TT Ngu i	1	TH	Ho' ng Tr' ng Ngha	Th Bĩy	_____789_____	X-M5VD	____7_____ (05/10/2019->05/10/2019)
10	MHAP110127_09 CLC		TT Ngu i	1	TH	Ho' ng Tr' ng Ngha	Th Bĩy	_____789012_____	X-M5VD	____23456_89_____ (31/08/2019->19/10/2019)
11	PHED110613_33 CLC		Gişo d, c thVchĩĩ 2	1	LT	T' ng Vi/J Long	Th Ba	____45_____	05SVD	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
12	PHYS130902_25 CLC		Vđĩ lĩ 1	3	LT	Trũh Thi' n Hu°	Th S§u	____345_____	E1-402	____234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CLA1 (Số: 12) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên và họ của sinh viên: (20/08/2019)

Quê: M, số điểm: 12345678901234567... (trong số điểm sinh viên) điểm cho môn thi.

Kiểm 1 lần thi điểm sinh viên thi, số điểm, số điểm. Số điểm 1 lần thi (số điểm) điểm thi 11, 21 số điểm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên sinh viên
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120E_02CLC		Descriptive Geometry and Technical Drawing	4	LT	Mai Thị Ngọc	Thị Năm	12345	E1-409	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137E_05CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Bình	789	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
3	EHQT230237E_05CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Thanh	123	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bộ Ngoại	Thị Thanh	789	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Ba	789	E2-109	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Bình	45	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị Thanh	01	A3-405	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Sơn	012	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Sơn	789	E2-106	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Số Thị Chí M:	Thị Sơn	23	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
11	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	12	A3-207	7 (09/12/2019->09/12/2019)
12	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	78	E2-109	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
13	INME130125E_01CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Nguyễn Minh Phú	Thị Ba	45	A4-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

Hesck8: 01 - Nám h c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Loài: Mối kí t. c. a d<y 12345678901234567... (trong c. t tuởn h c) di n tữ cho m, t tuởn l .

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃i c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	INME130125E_0 1CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Nguyễn Minh Phương	Th. Sáu	___45_____	A4-404	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
15	LLCT150105E_0 5CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Thị Thị Thủy	Th. Hai	12345_____	A4-201	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
16	MATH132401E_0 3CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. Bảy	123_____	A4-304	_345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
17	PHED110513E_1 2CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Mạnh Hùng	Th. Ba	12_____	05SVD11	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19143CLA2 (Số S: 15) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 15 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số 12345678901234567... (trong cột mã số) để nhận chứng chỉ.

Kiểm tra 15 phút để nhận chứng chỉ, các kỹ năng (nội dung) để nhận chứng chỉ 11, 21 các hạng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120E_02CLC		Descriptive Geometry and Technical Drawing	4	LT	Mai Thị Ngọc	Thị Lâm	12345_____	E1-409	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137E_05CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Bình	_____789_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
3	EHQT230237E_05CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Thanh	123_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bộ Ngoại	Thị Thanh	_____789_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Ba	_____789_____	E2-109	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Bình	____45_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị Thanh	_____01_____	A3-405	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Sơn	_____012_____	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Sơn	_____789_____	E2-106	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Số Thị Chí M:	Thị Sơn	____23_____	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
11	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	12_____	A3-207	____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
12	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	_____78_____	E2-109	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
13	INME130125E_01CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Nguyễn Minh Phú	Thị Ba	____45_____	A4-401	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẨU A B C D E F
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19143CLA2 (Số S: 15) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên họ và họ: họ (12/08/2019)

Quê: Mã số quê, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột họ và họ) địa chỉ cho mã số quê.

Kiểm tra 1 lần từ địa chỉ quê và họ, địa chỉ 8. Các kiểm tra 1 lần từ quê và họ, địa chỉ 11, 21 và họ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ và họ
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	INME130125E_01CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Nguyễn Minh Phú	Thị Sáu	45	A4-404	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
15	LLCT150105E_05CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tổng Thư	Thị Hai	12345	A4-201	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
16	MATH132401E_03CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Bảy	123	A4-304	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
17	PHED110513E_12CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Minh Hoàng	Thị Ba	12	05SVD11	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19143CLA3 (SốS: 15) - Khoa: ệ T chấT ệ ng cao

Tuần bđ ệ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Là ệ: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dñ n tĩ cho m t tuần l .

Kĩ t 1 ệ ti°n dñ n tĩ tuần th nhấ c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) dñ n tĩ tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S TC	Loĩ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EDDG240120E_02CLC		Descriptive Geometry and Technical Drawing	4	LT	Mai ệ c ệ ã	Th Nlẽm	12345_____	E1-409	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137E_05CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th Kim Thu	Th Bly	____789_____	E2-106	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
3	EHQT230237E_05CLC		Academic English 2	3	LT	Phĩm Vĩn Khanh	Th T-ệ	123_____	E2-108	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	ệ Hg BŞ Ngoĩn	Th T-ệ	____789_____	E2-108	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Vĩ Bñnh Minh	Th Ba	____789_____	E2-109	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th Ngñ Vang	Th Bly	__45_____	E2-106	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Ph-ẻng Anh	Th T-ệ	____01_____	A3-405	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th Sşu	____012_____	E2-101	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th Sşu	____789_____	E2-106	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S Th Cĩ M:	Th Sşu	__23_____	E2-108	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
11	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trñnh Th Giang Thanh	Th Hai	12_____	A3-207	____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
12	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trñnh Th Giang Thanh	Th Hai	____78_____	E2-109	__34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
13	INME130125E_01CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	ệ Hg Minh Ph, ng	Th Ba	____45_____	A4-401	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19143CLA3 (Số S: 15) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên họ và họ đệm: Nguyễn Văn (12/08/2019)

Quê: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột sinh viên) để nhập vào phần này.

Kiểm tra 1 lần từ ngày nhập học đến hết năm học. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhập vào phần này 11, 21 và hết năm học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên 123456789012345678901234
14	INME130125E_01CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Nguyễn Minh Phương	Thị Sáu	45	A4-404	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
15	LLCT150105E_05CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tổng Thư Ký	Thị Hai	12345	A4-201	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
16	MATH132401E_03CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Bảy	123	A4-304	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
17	PHED110513E_12CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Minh Hoàng	Thị Ba	12	05SVD11	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ n tĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩc̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120E_02CLC		Descriptive Geometry and Technical Drawing	4	LT	Mai n. c n «i	Th. Nl	12345_____	E1-409	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137E_05CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th' Kim Thu	Th. Bly	_____789_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
3	EHQT230237E_05CLC		Academic English 2	3	LT	Phm Vln Khanh	Th. T	123_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IEL130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	n Hg B\$ Ngo	Th. T	_____789_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
5	IEL130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Vĩ Bnh Minh	Th. Ba	_____789_____	E2-109	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th' Ng Vang	Th. Bly	_____45_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Phng Anh	Th. T	_____01_____	A3-405	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. S\$u	_____012_____	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. S\$u	_____789_____	E2-106	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S' Th' Ci M:	Th. S\$u	_____23_____	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
11	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trnh Th' Giang Thanh	Th. Hai	12_____	A3-207	_____7 (09/12/2019->09/12/2019)
12	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trnh Th' Giang Thanh	Th. Hai	_____78_____	E2-109	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
13	INME130125E_02CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	n Hg Minh Ph, ng	Th. Nl	_____7890_____	E1-408	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BỊ QUẢN LÝ
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CLA1 (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 15 (Ngày: 08/12/2019)

Quản lý: Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho mượn tài liệu.

Kiểm tra 15 phút để nhận điểm thi học kỳ, a hàng 8. Các kiểm tra 15 phút (nội dung) để nhận thi 11, 21 hàng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_05CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tổng Thư ký	Thị Hai	12345_____	A4-201	234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
15	MATH132401E_03CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Bảy	123_____	A4-304	345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
16	PHED110513E_07CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Ba	12_____	05S12	234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EDDG240120E_02CLC		Descriptive Geometry and Technical Drawing	4	LT	Mai n. c n «i	Th. Nl	12345_____	E1-409	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
2	EHQT130137E_05CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th' Kim Thu	Th. Bly	_____789_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
3	EHQT230237E_05CLC		Academic English 2	3	LT	Phm Vln Khanh	Th. T	123_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IEL130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	n Hg B\$ Ngo	Th. T	_____789_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
5	IEL130226_04CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Vĩ Bnh Minh	Th. Ba	_____789_____	E2-109	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th' Ng Vang	Th. Bly	_____45_____	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_04CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Phng Anh	Th. T	_____01_____	A3-405	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. S\$u	_____012_____	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_04CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. S\$u	_____789_____	E2-106	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S' Th' Ci M:	Th. S\$u	_____23_____	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
11	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trnh Th' Giang Thanh	Th. Hai	12_____	A3-207	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
12	IEWR130226_04CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trnh Th' Giang Thanh	Th. Hai	_____78_____	E2-109	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
13	INME130125E_02CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	n Hg Minh Ph, ng	Th. Nl	_____7890_____	E1-408	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BỊ QUẢN LÝ
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19144CLA2 (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 15 (từ ngày 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình tự chọn.

Kiểm tra 15 phút tiến hành kiểm tra theo nội dung của bảng. Các kiểm tra 15 phút (nếu có) điền tự chọn theo 11, 21 của bảng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_05CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tổng Thư ký	Thị Hai	12345_____	A4-201	234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
15	MATH132401E_03CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Bảy	123_____	A4-304	345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
16	PHED110513E_07CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Ba	12_____	05S12	234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẺ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19109CL1A (Số S: 19) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số bài tập: 12345678901234567... (trong cột bài tập) để nhận bài tập về nhà.

Kiểm tra 1 lần theo dõi nhận bài tập về nhà, các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 1244, 1245, 1246, 1247, 1248, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 1257, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1287, 1288, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293, 1294, 1295, 1296, 1297, 1298, 1299, 1300, 1301, 1302, 1303, 1304, 1305, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321, 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1331, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1381, 1382, 1383, 1384, 1385, 1386, 1387, 1388, 1389, 1390, 1391, 1392, 1393, 1394, 1395, 1396, 1397, 1398, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, 1473, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1772, 1773, 1774, 1775, 1776, 1777, 1778, 1779, 1780, 1781, 1782, 1783, 1784, 1785, 1786, 1787, 1788, 1789, 1790, 1791, 1792, 1793, 1794, 1795, 1796, 1797, 1798, 1799, 1800, 1801, 1802, 1803, 1804, 1805, 1806, 1807, 1808, 1809, 1810, 1811, 1812, 1813, 1814, 1815, 1816, 1817, 1818, 1819, 1820, 1821, 1822, 1823, 1824, 1825, 1826, 1827, 1828, 1829, 1830, 1831, 1832, 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1838, 1839, 1840, 1841, 1842, 1843, 1844, 1845, 1846, 1847, 1848, 1849, 1850, 1851, 1852, 1853, 1854, 1855, 1856, 1857, 1858, 1859, 1860, 1861, 1862, 1863, 1864, 1865, 1866, 1867, 1868, 1869, 1870, 1871, 1872, 1873, 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879, 1880, 1881, 1882, 1883, 1884, 1885, 1886, 1887, 1888, 1889, 1890, 1891, 1892, 1893, 1894, 1895, 1896, 1897, 1898, 1899, 1900, 1901, 1902, 1903, 1904, 1905, 1906, 1907, 1908, 1909, 1910, 1911, 1912, 1913, 1914, 1915, 1916, 1917, 1918, 1919, 1920, 1921, 1922, 1923, 1924, 1925, 1926, 1927, 1928, 1929, 1930, 1931, 1932, 1933, 1934, 1935, 1936, 1937, 1938, 1939, 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, 1945, 1946, 1947, 1948, 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955, 1956, 1957, 1958, 1959, 1960, 1961, 1962, 1963, 1964, 1965, 1966, 1967, 1968, 1969, 1970, 1971, 1972, 1973, 1974, 1975, 1976, 1977, 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1983, 1984, 1985, 1986, 1987, 1988, 1989, 1990, 1991, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 218

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩc̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_01 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Ng' c ThĐo	Th_ Bly	____7890____	E2-109	____6789012345____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_01 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Ng' c ThĐo	Th_ Bly	____78901____	E2-109	____6____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_03 CLC		Ho\$ L\$ cGng	3	LT	Phan Th' Anh n' o	Th_ Ba	____789____	A4-403	_234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_01 CLC		Ph\$ p lu\$ đ L\$ cGng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ\$ Nga	Th_ N\$ m	12345_____	A2-301	____7____ (12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_01 CLC		Ph\$ p lu\$ đ L\$ cGng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ\$ Nga	Th_ N\$ m	____45_____	A2-301	_234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	GEMA230351_01 CLC		ThiJ\$ b' may CN v' bĐo tr3	3	LT	Nguy, n Ng' c Ch@	Th_ Hai	____7890____	06XCN	_234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INGT130251_01C LC		Nhđp m1 n ng' nh c1 ng ngh' may	3	LT	Tr\$ n Thanh H-Gng	Th_ S\$ u	____45_____	E1-504	_234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	INGT130251_01C LC		Nhđp m1 n ng' nh c1 ng ngh' may	3	LT	Tr\$ n Thanh H-Gng	Th_ Bly	____45_____	E1-510	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_03 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n L° Thi	Th_ T-E	123_____	A2-402	_234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	MATH132901_06 CLC		X\$ c suĐi Th' ng k°_ ng đ, ng	3	LT	Nguy, n Ng' c T_	Th_ S\$ u	123_____	A2-301	_234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHED110613_17 CLC		Gi\$ o đ, c thWchĐi 2	1	LT	PhĐm n_ c Hđu	Th_ N\$ m	____78_____	05SVD4	_234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
12	TEMA122851_01 CLC		Nguy°n li' u đ t	2	LT	Nguy, n Ph-C c Shn	Th_ Ba	____45_____	E1-511	_234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẪM ĐỊNH ÁNH SÁNG
Hàng số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19109CL2A (Số S: 18) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên đề tài: Đề tài hàng số: 0 (12/08/2019)

Địa chỉ: Mã số đề tài: 12345678901234567... (trong đề tài hàng số) để nhận cho mã đề tài.

Kiểm tra 1 lần để nhận để nhận đề tài hàng số. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận đề tài hàng số 11, 21 của hàng số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên hàng số 123456789012345678901234
1	EHQT130137_01 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Bình	_____7890_____	E2-109	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_01 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Bình	_____78901_____	E2-109	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_03 CLC		Học Lý Công	3	LT	Phan Thị Anh Ngọc	Thị Ba	_____789_____	A4-403	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_01 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	12345_____	A2-301	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_01 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Thị Lâm	_____45_____	A2-301	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	GEMA230351_02 CLC		Thị Bình máy CN và bộ tr	3	LT	Nguyễn Thị Huệ	Thị Hai	_____7890_____	06TBM1	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INGT130251_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ chuyên ngành	3	LT	Nguyễn Phụng Sơn	Thị Thanh	_____7890_____	A310	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_03 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Thanh	123_____	A2-402	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	MATH132901_06 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc Tâm	Thị Sầu	123_____	A2-301	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
10	PHED110613_17 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Phạm Ngọc Huệ	Thị Lâm	_____78_____	05SVD4	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
11	TEMA122851_02 CLC		Nguyên lý điện	2	LT	Nguyễn Tuấn Anh	Thị Ba	_____45_____	A3-408	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẪM ĐỊNH ÁNH SÁNG
Hàng số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19109CL2B (Số S: 19) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học thứ 10: tuần 0 (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d<y 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần để nhận diện nhận diện học sinh, a hàng số. Các kỹ thuật 1 kỹ thuật (nội dung) để nhận diện học sinh 11, 21 của hàng số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_01 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Thị Bình	_____7890_____	E2-109	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_01 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Thị Bình	_____78901_____	E2-109	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_04 CLC		Học Lý Công	3	LT	V> Th Thu Nh	Thị Hai	_234_____	A4-202	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
4	GELA220405_01 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Năm	12345_____	A2-301	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_01 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Năm	___45_____	A2-301	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	GEMA230351_02 CLC		Thị Bình máy CN và bộ tr	3	LT	Nguyễn Thị Nh H	Thị Hai	_____7890_____	06TBM1	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	INGT130251_02C LC		Nhập môn ngành công nghệ máy	3	LT	Nguyễn Phợc Sơn	Thị T	_____7890_____	A310	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_04 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Quang Huy	Thị Bình	123_____	A4-301	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132901_07 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Văn Toàn	Thị Ba	_____012_____	E1-402	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110613_18 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị Năm	_____78_____	05SVD3	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
11	TEMA122851_02 CLC		Nguyên lý u d t	2	LT	Nguyễn Tuấn Anh	Thị Ba	___45_____	A3-408	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

TH` I KHč A BIqU L, P
H` c k8: 01 - Nl̄m h` c: 2019-2020

L, p: 19110CL1A (SôS` : 27) - Khoa: n T chBilE ng cao

TuFh bđ Lfũ h` c k8: tuFh 0 (12/08/2019)

L-Q I: M, i kĩ t, c, a d«y 12345678901234567... (trong c, t tuFh h` c) d, n t, cho m, t tuFh l, .

Kĩ t, 1 Lfũ ti°n d, n t, tuFh th, nhBil c, a h` c k8. Cšc kĩ t, 1 kJtiJp (nJl c, ) d, n t, tuFh th, 11, 21 c, a h` c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S` TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th,	TiJ 1234567890123456	Phòng	TuFh h` c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_02 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Ng` c Thl̄o	Th, Sşu	____7890____	E2-103	____6789012345____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_02 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Ng` c Thl̄o	Th, Sşu	____78901____	E2-103	____6____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	INIT130185_01C LC		Nhđp m¹ n ng`nh CNTT	3	LT	Nguy, n n Eng` Quang	Th, Ba	1234____	A5-103	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	INPR130285_01C LC		Nhđp m¹ n lđp tr°nh	3	LT	Nguy, n Trfhn Thi` Vln	Th, T-e	____12____	E1-502	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	INPR130285_01C LC		Nhđp m¹ n lđp tr°nh	3	LT	Nguy, n Trfhn Thi` Vln	Th, Bly	____45____	A2-302	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	LLCT150105_15 CLC		Nh` ng nguy°n lĩ ch blln CN Mşc-L°nin	5	LT	Nguy, n Th` QuyJl	Th, Ba	____78901____	E1-503	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	MATH132401_04 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n Quang Huy	Th, Bly	123____	A4-301	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH143001_01 CLC		n ũ s` tuyJh t°nh v` cBil tr`c Lũ s`	4	LT	B`nh n, c Dllng	Th, Nl̄m	1234____	A4-401	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_18 CLC		Gişo d, c thVchBil 2	1	LT	Trfhn Vln TuyQ	Th, Nl̄m	____78____	05SVD3	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19110CL1B (Số S' : 25) - Khoa: T ch h i c ng cao

Tu f n b d l f u h c k8: tu f n 0 (12/08/2019)

L a i: M i k i t c a d y 12345678901234567... (trong c t tu f n h c) d i n t f cho m t tu f n l .

K i t 1 l f u t i n d i n t f tu f n th n h i c a h c k8. C s c k i t 1 k j t i j p (n j u c) d i n t f tu f n th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti f 1234567890123456	Phòng	Tu f n h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_02 CLC		Anh v l n 1	3	LT	Nguy n Ng c Th o	Th S su	_____7890_____	E2-103	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_02 CLC		Anh v l n 1	3	LT	Nguy n Ng c Th o	Th S su	_____78901_____	E2-103	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	INIT130185_01C LC		Nh d p m l n ng nh CNTT	3	LT	Nguy n n g ng Quang	Th Ba	1234_____	A5-103	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	INPR130285_01C LC		Nh d p m l n l d p tr nh	3	LT	Nguy n Tr f n Thi V l n	Th T e	_____12_____	E1-502	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	INPR130285_01C LC		Nh d p m l n l d p tr nh	3	LT	Nguy n Tr f n Thi V l n	Th B y	____45_____	A2-302	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	LLCT150105_15 CLC		Nh ng nguy n l i ch b l n CN M s c-L n n	5	LT	Nguy n Th Quy f	Th Ba	_____78901_____	E1-503	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	MATH132401_04 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy n Quang Huy	Th B y	123_____	A4-301	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH143001_01 CLC		n i s' tuy j n t nh v c b i tr c l i s'	4	LT	B nh n c D i ng	Th N l m	1234_____	A4-401	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_18 CLC		Gi s o d c th v h i 2	1	LT	Tr f n V l n Tuy Q	Th N l m	_____78_____	05SVD3	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

TH` I KHč A BIqU L_ P
H` c k8: 01 - Nl\_m h` c: 2019-2020

L_ p: 19110CL1C (Sqs` : 26) - Khoa: n T chBilE ng cao

TuFn bđ LfFu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

L-Q I: M_ i kĩ t_ c_ a d«y 12345678901234567... (trong c_ t tuFn h` c) di_ n t_ cho m_ t tuFn l_ .

Kĩ t_ 1 LfFu ti°n di_ n t_ tuFn th_ nhBil c_ a h` c k8. Csc kĩ t\_ 1 kJtiJp (nJl c\_) di\_ n t\_ tuFn th\_ 11, 21 c\_ a h` c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S` TC	Lo` HP	Tên CBGD	Th_	TiJ 1234567890123456	Phòng	TuFn h` c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_02 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy_ n Ng` c Thfo	Th_ Ssu	____7890____	E2-103	____6789012345____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_02 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy_ n Ng` c Thfo	Th_ Ssu	____78901____	E2-103	____6____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	INIT130185_02C LC		Nhđp m¹ n ng`nh CNTT	3	LT	Nguy_ n Trfn Thi Vln	Th_ Ba	12_____	A2-302	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	INIT130185_02C LC		Nhđp m¹ n ng`nh CNTT	3	LT	Nguy_ n Trfn Thi Vln	Th_ Nlm	____12____	A4-203	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INPR130285_02C LC		Nhđp m¹ n lđp tr°nh	3	LT	Nguy_ n Trfn Thi Vln	Th_ Nlm	____7890____	A113	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT150105_16 CLC		Nh_ ng nguy°n lĩ ch bln CN Msc-L°nin	5	LT	Trfn Ng` c Chung	Th_ T-e	____78901____	E1-503	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_05 CLC		Toán 1	3	LT	Phcm Vln HiW	Th_ Bly	____789____	A4-301	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH143001_01 CLC		n_ qĩ s` tuyJh t°nh v` cBil tr`c L`qĩ s`	4	LT	B`nh n_ c Dlng	Th_ Nlm	1234_____	A4-401	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_19 CLC		Gišo đ_ c thVchBil 2	1	LT	Phcm n_ c Hdu	Th_ Ba	____45____	05SVD1	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)

TH` I KHč A BIqU L, P
H` c k8: 01 - Nl̄m h` c: 2019-2020

L, p: 19110CL2A (Sqs` : 26) - Khoa: n T chBilE ng cao

TuFn bđLlFu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

L-Q I: M, i kĩ t, c, a d«y 12345678901234567... (trong c, t tuFn h` c) di n tĩ cho m, t tuFn l, .

Kĩ t, 1 LlFu ti°n di n tĩ tuFn th, nhBilc, a h` c k8. Csc kĩ t, 1 kJtiJp (nJl c ) di n tĩ tuFn th, 11, 21 c, a h` c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S` TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th,	TiJl 1234567890123456	Phòng	TuFn h` c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_03 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th` Tr` My	Th, Bly	1234_____	E2-109	____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_03 CLC		Anh vln 1	3	LT	Nguy, n Th` Tr` My	Th, Bly	12345_____	E2-109	____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	INIT130185_03C LC		Nhđp m¹ n ng`nh CNTT	3	LT	Trfn Nhđ Quang	Th, Nl̄m	____45_____	A4-403	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	INIT130185_03C LC		Nhđp m¹ n ng`nh CNTT	3	LT	Trfn Nhđ Quang	Th, Ssu	____12_____	A4-403	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	INPR130285_03C LC		Nhđp m¹ n lđp tr³nh	3	LT	Nguy, n Trfn Thi Vln	Th, T-e	____45_____	A2-402	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
6	INPR130285_03C LC		Nhđp m¹ n lđp tr³nh	3	LT	Nguy, n Trfn Thi Vln	Th, Ssu	____78_____	A4-404	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
7	LLCT150105_15 CLC		Nh` ng nguy°n lĩ chbĩh CN Msc-L°nin	5	LT	Nguy, n Th` QuyJl	Th, Ba	____78901_____	E1-503	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_10 CLC		Toán 1	3	LT	L° Th` Thanh Hlĩ	Th, Hai	____789_____	A4-401	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH143001_02 CLC		n ũ s` tuyJh t°nh v` cBil tr¼c Llũ s`	4	LT	V» Th` Vqn Anh	Th, Hai	1234_____	A4-301	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_19 CLC		Gišo d, c thWchBil2	1	LT	Phũm n, c Hđu	Th, Ba	____45_____	05SVD1	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19110CL2B (Số: 26) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mũi Lũy, xã An Lạc, huyện Cần Giờ, TP.HCM (trong quá trình học tập và sinh hoạt)

Kiểm tra và cấp thẻ: 11/08/2019 (theo quy định của trường)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
1	EHQT130137_03 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Trâm My	Thị Bly	1234_____	E2-109	_____6789012345 (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_03 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Trâm My	Thị Bly	12345_____	E2-109	_____6 (07/12/2019->07/12/2019)
3	INIT130185_03C LC		Nhóm môn ngữ văn CNTT	3	LT	Trần Nhật Quang	Thị Lâm	_____45_____	A4-403	_____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
4	INIT130185_03C LC		Nhóm môn ngữ văn CNTT	3	LT	Trần Nhật Quang	Thị Ssu	_____12_____	A4-403	_____234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	INPR130285_03C LC		Nhóm môn lập trình	3	LT	Nguyễn Trần Thị Văn	Thị Tê	_____45_____	A2-402	_____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
6	INPR130285_03C LC		Nhóm môn lập trình	3	LT	Nguyễn Trần Thị Văn	Thị Ssu	_____78_____	A4-404	_____234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
7	LLCT150105_16 CLC		Nhóm ngữ văn Lý lịch CN MSc-Lên	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Tê	_____78901_____	E1-503	_____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_10 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Hân	Thị Hai	_____789_____	A4-401	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH143001_02 CLC		Điểm tuyển sinh và cấp chứng chỉ	4	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị Hai	1234_____	A4-301	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_27 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Bly	_____01_____	05SVD6	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19110CL2C (Số: 26) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần để nhận điểm nhận học thi, nh ể, a h ể k8. Các kỹ thuật (nội dung) để nhận học thi 11, 21 ể, a h ể k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Ti/đ	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_03 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Tr My	Thị B y	1234_____	E2-109	_____6789012345 (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_03 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Tr My	Thị B y	12345_____	E2-109	_____6 (07/12/2019->07/12/2019)
3	INIT130185_02C LC		Nh ập m n ng nh CNTT	3	LT	Nguyễn Tr Thị Văn	Thị Ba	12_____	A2-302	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
4	INIT130185_02C LC		Nh ập m n ng nh CNTT	3	LT	Nguyễn Tr Thị Văn	Thị Năm	_____12_____	A4-203	_____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
5	INPR130285_02C LC		Nh ập m n lập tr nh	3	LT	Nguyễn Tr Thị Văn	Thị Năm	_____7890_____	A113	_____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT150105_16 CLC		Nh ng nguy n l ch b nh CN M c-L nin	5	LT	Tr Ng c Chung	Thị T e	_____78901_____	E1-503	_____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_05 CLC		Toán 1	3	LT	Ph Văn Hi i	Thị B y	_____789_____	A4-301	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH143001_02 CLC		ỹ s tuy nh tr nh v c b tr c L s i	4	LT	V Th V Anh	Thị Hai	1234_____	A4-301	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110613_19 CLC		Gi o d c th nh 2	1	LT	Ph n c H u	Thị Ba	_____45_____	05SVD1	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19151CL1A (Số S: 33) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (Mã số: 012/08/2019)

Quê: Mã số quê, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột tên học sinh) để nhập cho môn tự luận.

Kiểm tra 1 lần từ ngày nhập học đến hết năm học, mỗi năm 1 lần (nếu có) để nhập tự luận từ 11, 21 cột, địa chỉ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_26 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Anh Khôi	Thị Thanh	_____789_____	A2-402	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị Sầu	_____78_____	A2-201	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị Bình	12345_____	A2-202	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	ICET335046_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ năng	3	LT	Nguyễn Minh Tâm	Thị Hai	_____45_____	A4-302	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	ICET335046_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ năng	3	LT	Nguyễn Minh Tâm	Thị Thanh	_____45_____	A4-301	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	LLCT150105_10 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Từ Thị Thủy	Thị Hai	_____78901_____	A2-202	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132401_31 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Thị Bình	Thị Thanh	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_25 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Sầu	_____45_____	05SVD12	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHYS130902_21 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị Khánh Chi	Thị Ba	_____345_____	E1-502	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19151CL1B (Số S: 34) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên sinh viên: Lê Văn Hùng (tên thật: Lê Văn Hùng)

Mã sinh viên: M, mã kiểm tra: a d e y 12345678901234567... (trong cột kiểm tra của đề thi)

Kiểm tra 1 lần theo đề thi của trường, học kỳ 8. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) của trường: 11, 21 của học kỳ 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên 123456789012345678901234
1	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bảy	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bảy	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_02 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Anh Khôi	Thị Lâm	____345_____	A2-403	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Sầu	_____78_____	A2-201	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_19 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: H Công	Thị Bảy	12345_____	A2-202	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	ICET335046_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ năng	3	LT	Nguyễn Minh Tâm	Thị Hai	____45_____	A4-302	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	ICET335046_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ năng	3	LT	Nguyễn Minh Tâm	Thị Tê	____45_____	A4-301	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	LLCT150105_15 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Thị Quyên	Thị Ba	_____78901_____	E1-503	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132401_32 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Huệ Tâm	Thị Lâm	_____789_____	E1-502	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
10	PHED110613_25 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Sầu	____45_____	05SVD12	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHYS130902_21 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị Khánh Chi	Thị Ba	____345_____	E1-502	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KHÁCH A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19151CL2A (Số: 33) - Khoa: Kỹ Thuật Công nghệ cao

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Liên lạc: Mã số tài khoản 12345678901234567... (trong cột tài khoản học sinh)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tài khoản học sinh, hàng năm. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) định kỳ tài khoản học sinh 11, 21 của hàng năm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_27 CLC		Học Lý Công	3	LT	Tổng Kinh Khoa	Thị Ba	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Hai	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Hai	12345_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
6	ICET335046_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ Thuật H	3	LT	Nguyễn Trần Minh Nguyễn	Thị Ba	_____45_____	A4-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	ICET335046_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT và Kỹ Thuật H	3	LT	Nguyễn Trần Minh Nguyễn	Thị Năm	_____45_____	A4-303	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	LLCT150105_11 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Tổng Thư Thư	Thị T	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	MATH132401_06 CLC		Toán 1	3	LT	L» Thị Thanh H	Thị T	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_20 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Văn Tuy	Thị S	12_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHYS130902_22 CLC		Vật lý 1	3	LT	L» Thị T H	Thị Bình	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẾ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19151CL2B (Số S: 33) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số tài liệu 12345678901234567... (trong cột tài liệu) để nhận cho mượn tài liệu.

Kiểm tra 1 lần theo dõi nhận tài liệu theo hình thức. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận tài liệu theo hình thức 11, 21 của hình thức.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_04 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Bình	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	GCHE130603_27 CLC		Học Lý thuyết	3	LT	Tổng Hợp Khoa	Thị Ba	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý thuyết	2	LT	V» Thị M: Hợp	Thị Hai	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý thuyết	2	LT	V» Thị M: Hợp	Thị Hai	12345_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
6	ICET335046_02C LC		Nhập môn nghiên cứu CNKT và Kỹ thuật	3	LT	Nguyễn Trần Minh Nguyễn	Thị Ba	_____45_____	A4-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	ICET335046_02C LC		Nhập môn nghiên cứu CNKT và Kỹ thuật	3	LT	Nguyễn Trần Minh Nguyễn	Thị Năm	_____45_____	A4-303	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	LLCT150105_11 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Tổng Hợp Thuyết	Thị T	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	MATH132401_06 CLC		Toán 1	3	LT	L» Thị Thanh H	Thị T	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_20 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Văn Tuy	Thị S	12_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHYS130902_22 CLC		Vật lý 1	3	LT	L» Thị T H	Thị Bình	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19161CL1A (Số S' : 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Quê: Mã kiểm tra: a dcy 12345678901234567... (trong cột tuần học) điền cho môn tự luận.

Kiểm tra 1 lần trên diện tích tự luận theo hình thức, a học kỳ. Các kiểm tra 1 kết quả (nội dung) điền tự luận theo 11, 21 cột, a học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Ssu	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Ssu	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_29 CLC		Học Lý Công	3	LT	Lê Minh Tâm	Th. Nlm	123_____	E1-502	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. Hai	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. Hai	12345_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
6	IECE130564_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT sư phạm	3	LT	Nguyễn Ngọc Lâm	Th. Bly	_____7890_____	E1-408	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_11 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Msc-Lenin	5	LT	Tử Th' Th' y	Th. T e	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_08 CLC		Toán 1	3	LT	L° Th' Thanh H	Th. Ssu	123_____	E1-502	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	PHED110613_35 CLC		Giáo dục thể dục 2	1	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Th. Bly	___45_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHYS130902_23 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị N Hu	Th. Bly	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19161CL1B (Số S: 17) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột sinh viên) điền cho mình tuấn.

Kiểm tra 1 lần trên diện tích tuấn học, nhấc, a h c k8. Các kiểm tra 1 lần (nhiệm vụ) điền tuấn học 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_30 CLC		Học Lý Công	3	LT	Lê Minh Tâm	Thị Lâm	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Hai	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Hai	12345_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
6	IECE130564_01C LC		Nhập môn ngành CNTT-T-VT	3	LT	Nguyễn Ngọc Lâm	Thị Bý	_____7890_____	E1-408	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_11 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Tử Th: Th	Thị T	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_08 CLC		Toán 1	3	LT	L» Thị Thanh H	Thị Sầu	123_____	E1-502	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	PHED110613_35 CLC		Giáo dục thể dục 2	1	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Thị Bý	___45_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHYS130902_23 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị N Hu	Thị Bý	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHÁCH A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19161CL1C (Số S: 21) - Khoa: Kỹ Thuật Điện Cao

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số tài khoản: 12345678901234567... (trong cột tài khoản) để nhận tiền thưởng.

Kiểm tra 1 lần tiền để nhận tiền thưởng theo hình thức. Các khoản tiền 1 lần (nếu có) để nhận tiền thưởng theo 11, 21 và các khoản.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_06 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_06 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_30 CLC		Học Lễ Công	3	LT	Lê Minh Tâm	Thị Lâm	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lễ Công	2	LT	V» Thị M: H» Công	Thị Hai	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_20 CLC		Pháp luật Lễ Công	2	LT	V» Thị M: H» Công	Thị Hai	12345_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
6	IECE130564_04C LC		Nhập môn ngành CNKT Kỹ Thuật-VT	3	LT	Phan Văn Ca	Thị Bý	_____7890_____	D202	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_12 CLC		Nhà nguyên lý chính trị CN M»c-L»n	5	LT	Tử Th» Th»y	Thị Ba	12345_____	A2-201	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_34 CLC		Toán 1	3	LT	Mai Th» Thanh Hu»	Thị Hai	___345_____	E1-402	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110613_23 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Văn Giáp	Thị T»	_____78_____	05SVD13	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHYS130902_25 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị N Hu»	Thị Sầu	___345_____	E1-402	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19161CL2A (Số S' : 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Mã sinh viên: Mã sinh viên 12345678901234567... (trong cột tuần học) điền cho mình tuần học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần học 1 lần (nếu có) điền tuần học 11, 21 tuần học, mỗi tuần học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Ss	_____7890_____	E2-110	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_06 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Ss	_____78901_____	E2-110	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_30 CLC		Học Lý Công	3	LT	Lê Minh Tâm	Th. Nl	_____789_____	E1-402	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. TĐ	_____78_____	A2-201	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. Nl	_____78901_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	IECE130564_02C LC		Nhập môn ngành CNTT-T-VT	3	LT	Nguyễn Ng' L	Th. Ba	_____2345_____	A3-407	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	LLCT150105_11 CLC		Nh'ng nguyên lý ch' b' h' CN M'c-L' nin	5	LT	T' Th' Th' y	Th. TĐ	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132401_08 CLC		Toán 1	3	LT	L' Th' Thanh H' i	Th. Ss	123_____	E1-502	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	PHED110613_36 CLC		Gi' s' d' c th' v' h' i 2	1	LT	Nguyễn n' c Th' nh	Th. Hai	_____78_____	05SVD4	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_23 CLC		V' d' l' i 1	3	LT	Trần Thi' n Hu' n	Th. B' y	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti/đ	Phòng	Tuần h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_07 CLC		Anh vEn 1	3	LT	TrFh Ho`ng Linh	Th S`su	_2_____	E2-101	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
2	EHQT130137_07 CLC		Anh vEn 1	3	LT	TrFh Ho`ng Linh	Th S`su	_2345_____	E2-101	_____67890123456_____ (27/09/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_31 CLC		Ho\$ L`i c`ng	3	LT	Nguy n VEn D`ng	Th B`y	_____789_____	E1-402	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_21 CLC		Ph\$ps lu\$đ L`i c`ng	2	LT	V» Th' M: H`ng	Th T`e	_____78_____	A2-201	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_21 CLC		Ph\$ps lu\$đ L`i c`ng	2	LT	V» Th' M: H`ng	Th N`m	_____78901_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	IECE130564_02C LC		Nhđp m' n ng`nh CNKT ậ T-VT	3	LT	Nguy n Ng' L`m	Th Ba	_2345_____	A3-407	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
7	LLCT150105_15 CLC		Nh`ng nguy`n l`i ch b`n CN M\$ç-L`nin	5	LT	Nguy n Th' Quy/đ	Th Ba	_____78901_____	E1-503	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_09 CLC		Toán 1	3	LT	L` Th' Thanh H`i	Th N`m	123_____	A4-301	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_36 CLC		Gi\$so đ c thWchđ 2	1	LT	Nguy n ậ c Th`nh	Th Hai	_____78_____	05SVD4	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_23 CLC		Vđ l`i 1	3	LT	TrFh Thi' n Hu`n	Th B`y	123_____	A4-202	_234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19161CL3A (Số S' : 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Quê: Mã số sinh viên: 12345678901234567... (trong cột tuần học) điền cho mình tuần học.

Kiểm tra 1 lần theo điểm trung bình của học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) điền trung bình 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_07 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Sưu	2	E2-101	7 (13/12/2019->13/12/2019)
2	EHQT130137_07 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Th. Sưu	2345	E2-101	67890123456 (27/09/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_31 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Văn Dũng	Th. Bly	789	E1-402	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. T	78	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Th' M: H Công	Th. Năm	78901	A2-202	7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	IECE130564_03C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT sư phạm	3	LT	Phan Văn Ca	Th. Bly	2345	C302	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_12 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Tử Th' Th	Th. Ba	12345	A2-201	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_09 CLC		Toán 1	3	LT	L° Th' Thanh H	Th. Năm	123	A4-301	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_36 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Nguyễn Ngọc Thanh	Th. Hai	78	05SVD4	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_24 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị N Huệ	Th. Năm	012	E1-502	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC SINH
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19161CL3B (Số Sĩ: 18) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Điểm: Điểm kiểm tra, đánh giá 12345678901234567... (trong cột tuần học) để tính cho môn học.

Kiểm tra 1 lần tính điểm tính tuần học, mỗi học kỳ, các kiểm tra 1 lần tính tuần học 11, 21 học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Sĩ TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Ti/đ 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_07 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	2	E2-101	7 (13/12/2019->13/12/2019)
2	EHQT130137_07 CLC		Anh văn 1	3	LT	Trần Hoàng Linh	Thị Sầu	2345	E2-101	67890123456 (27/09/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_31 CLC		Học Lịch sử	3	LT	Nguyễn Văn Dũng	Thị Bội	789	E1-402	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Vũ Thị M: H	Thị T	78	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_21 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Vũ Thị M: H	Thị N	78901	A2-202	7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	IECE130564_03C LC		Nhập môn ngành CNKT Sư phạm	3	LT	Phan Văn Ca	Thị Bội	2345	C302	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_06 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Ba	12345	E1-503	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_09 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh H	Thị N	123	A4-301	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_21 CLC		Giáo dục thể dục	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Hai	12	05SVD1	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_24 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trần Thị N Huệ	Thị N	012	E1-502	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19110CL3A (Số: 26) - Khoa: Sư phạm Công nghệ

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (20/08/2019)

Quê: Mã số: 12345678901234567... (trong cột học sinh) để nhận học bổng.

Kiểm tra học sinh nhận học bổng, học sinh 8. Các kiểm tra (nội dung) để nhận học bổng: 11, 21 và học sinh 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_08 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị Ba	_____789_____	E2-113	_____67890123456_____
										(24/09/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_08 CLC		Anh Văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị Sáu	_____789_____	E2-104	_____6789_____
										(27/09/2019->18/10/2019)
3	INIT130185_04C LC		Nhóm môn ngữ văn CNTT	3	LT	Trần Nhật Quang	Thị Ba	____45_____	A2-304	____234567890123456_____
										(27/08/2019->03/12/2019)
4	INIT130185_04C LC		Nhóm môn ngữ văn CNTT	3	LT	Trần Nhật Quang	Thị Năm	_____12_____	A4-302	____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
5	INPR130285_04C LC		Nhóm môn lập trình	3	LT	Trần Cường Tuấn	Thị Năm	1234_____	PM4	____234567890123456_____
										(29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT150105_16 CLC		Nhóm nguyên lý chôn CN M&C-Latin	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Bảy	_____78901_____	E1-503	____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_10 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Huyền	Thị Hai	_____789_____	A4-401	____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH143001_03 CLC		Điểm số tuyển sinh vào trường THPT	4	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị Bảy	1234_____	A2-302	____234567890123456_____
										(28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110613_21 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Hai	12_____	05SVD1	____234567890123456_____
										(26/08/2019->02/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_08 CLC		Anh vEn 1	3	LT	DChng Th' Thanh Th¼y	Th Ba	_____789_____	E2-113	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_08 CLC		Anh vEn 1	3	LT	DChng Th' Thanh Th¼y	Th S§u	_____789_____	E2-104	_____6789_____ (27/09/2019->18/10/2019)
3	INIT130185_04C LC		Nhđp m¹ n ng" nh CNTT	3	LT	TrFn Nhđt Quang	Th Ba	___45_____	A2-304	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	INIT130185_04C LC		Nhđp m¹ n ng" nh CNTT	3	LT	TrFn Nhđt Quang	Th N£m	_____12_____	A4-302	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INPR130285_04C LC		Nhđp m¹ n lđp tr³nh	3	LT	TrFn C¹ ng T¼	Th N£m	1234_____	PM4	_234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	LLCT150105_16 CLC		Nh ng nguy°n lĩ ch b£n CN M§c-L°nin	5	LT	TrFn Ng c Chung	Th T-E	_____78901_____	E1-503	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	MATH132401_11 CLC		Toán 1	3	LT	L° Th' Thanh H¶i	Th Ba	123_____	A4-301	_234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH143001_03 CLC		¶ ¼ĩ s' tuy£n t³nh v" c b£i tr¼c L¼ĩ s'	4	LT	V» Th' V£n Anh	Th T-E	1234_____	A2-302	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110613_21 CLC		Gi§o d, c thWch£i 2	1	LT	TrFn Phong Vinh	Th Hai	12_____	05SVD1	_234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ THÔNG TIN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19119CL0A (Số S: 31) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên họ và họ đệm: (20/08/2019)

Quê: Mã số quê, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột họ và họ đệm) địa chỉ cho mã số họ và họ đệm.

Mã số 1 là mã số địa chỉ họ và họ đệm, địa chỉ họ và họ đệm. Các mã số 1 là mã số (mã số) địa chỉ họ và họ đệm. 11, 21 địa chỉ họ và họ đệm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ và họ đệm
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_10 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đặng Thị Thanh Thủy	Thị Ba	_____012_____	E2-111	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_10 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đặng Thị Thanh Thủy	Thị T-Đ	_____012_____	E2-103	_____6789_____ (25/09/2019->16/10/2019)
3	GCHE130603_06 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Sầu	_____789_____	A2-403	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Sầu	12345_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
5	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị B-Đ	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	ICET335064_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Mỹ tính	3	LT	Trần Ngọc Sơn	Thị Lâm	_____2345_____	A2-404	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT150105_06 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Ba	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_12 CLC		Toán 1	3	LT	Lê Thị Thanh Huyền	Thị T-Đ	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110613_24 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Tống Văn Long	Thị Sầu	_____45_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
10	PHYS130902_06 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Văn Hoàng	Thị Sầu	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN LẬP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19119CL0B (Số S: 30) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên đơn vị: Trường (12/08/2019)

Địa chỉ: Mã số đơn vị: 12345678901234567... (trong cột đơn vị) địa chỉ cho mã số đơn vị.

Kiểm tra 1 lần theo địa chỉ đơn vị trường học, mã số đơn vị. Các mã số 1 và 2 (nếu có) địa chỉ đơn vị trường học 11, 21 mã số đơn vị.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên đơn vị 123456789012345678901234
1	EHQT130137_10 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị Ba	_____012_____	E2-111	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_10 CLC		Anh văn 1	3	LT	Đông Thị Thanh Thủy	Thị T-Đ	_____012_____	E2-103	_____6789_____ (25/09/2019->16/10/2019)
3	GCHE130603_06 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Sầu	_____789_____	A2-403	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị Sầu	12345_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
5	GELA220405_11 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Minh Thu	Thị B-Đ	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	ICET335064_04C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Mỹ tính	3	LT	Phạm Văn Khoa	Thị T-Đ	___345_____	A211	_____3456789012_____ (04/09/2019->06/11/2019)
7	ICET335064_04C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Mỹ tính	3	LT	Phạm Văn Khoa	Thị Sầu	_____012_____	A4-303	_____3456789012_____ (06/09/2019->08/11/2019)
8	LLCT150105_06 CLC		Những nguyên lý chính trị CN M-Đ-L-Đ	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Ba	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132401_13 CLC		Toán 1	3	LT	Vũ Thị Văn Anh	Thị T-Đ	_____789_____	A2-401	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_24 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Tiến Sĩ Long	Thị Sầu	___45_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
11	PHYS130902_06 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lưu Thị Hằng	Thị Sầu	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẪI KHẾ A BILU L P
H c k8: 01 - Nl m h c: 2019-2020

L p: 19119CL0C (Sqs' : 30) - Khoa: ệ T chBilE ng cao

TuFn bđLfu h c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

L-Q I: M i kĩ t c a d«y 12345678901234567... (trong c t tuFn h c) di n t cho m t tuFn l .

Kĩ t 1 Lfu ti n di n t tuFn th nhBil c a h c k8. Csc kĩ t 1 kJtiJp (nJi c) di n t tuFn th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	TuFn h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_10 CLC		Anh vln 1	3	LT	D«ng Th' Thanh Th½y	Th Ba	_____012_____	E2-111	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
2	EHQT130137_10 CLC		Anh vln 1	3	LT	D«ng Th' Thanh Th½y	Th T-E	_____012_____	E2-103	_____6789_____ (25/09/2019->16/10/2019)
3	GCHE130603_02 CLC		Hoş Lũ c«ng	3	LT	ệ Hg ệ ³nh Kh¹ i	Th Nl m	__345_____	A2-403	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GELA220405_12 CLC		Phşp luđt Lũ c«ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th Nl m	12345_____	A2-201	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
5	GELA220405_12 CLC		Phşp luđt Lũ c«ng	2	LT	Nguy n Minh Thu	Th Bly	__34_____	A2-201	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
6	ICET335064_02C LC		Nhđp m¹ n ng"nh CNKT Mşy t²nh	3	LT	Phũm Vln Khoa	Th Hai	12_____	A305	__34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
7	ICET335064_02C LC		Nhđp m¹ n ng"nh CNKT Mşy t²nh	3	LT	Phũm Vln Khoa	Th Hai	__45_____	E1-511	__34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
8	LLCT150105_12 CLC		Nh ng nguy n lĩ ch bñh CN Mşc-L²nin	5	LT	TũTh' Th½y	Th Ba	12345_____	A2-201	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132401_33 CLC		Toán 1	3	LT	Mai Vln Duy	Th Hai	_____012_____	E1-402	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110613_23 CLC		Gişo đ c thWchBil 2	1	LT	ệ Hg Vln Gişp	Th T-E	_____78_____	05SVD13	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	PHYS130902_25 CLC		Vđt lĩ 1	3	LT	Trfñ Thi' n Hu«n	Th Sşu	__345_____	E1-402	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KIỂM TRA BILU LƯU P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CL1A (Số S' : 23) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Mã số: Mã số kiểm tra của đề thi 12345678901234567... (trong cột mã số của đề thi)

Kiểm tra 1 lần thi theo đề thi của học sinh. Các kiểm tra 1 lần thi (nội dung) của đề thi 11, 21 của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai HiQn Trang	Th. Nl	_2_____	E2-109	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
2	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai HiQn Trang	Th. Nl	_2345_____	E2-109	_____67890123456_____ (26/09/2019->05/12/2019)
3	GCHE130603_07 CLC		Học Lý c	3	LT	Hu8nh Nguy, n Anh Tu	Th. Bly	_____789_____	A2-302	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý c	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ Nga	Th. T	__34_____	A2-201	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý c	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ Nga	Th. T	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
6	IEET316345_01C LC		Nhập m ¹ n ng ^{nh} CNKT n ^í n - n ^í n t	3	LT	Nguy, n Th' Mi Sa	Th. Nl	_____12_____	A2-303	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	IEET316345_01C LC		Nhập m ¹ n ng ^{nh} CNKT n ^í n - n ^í n t	3	LT	Nguy, n Th' Mi Sa	Th. Ssu	__45_____	A4-304	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_08 CLC		Nh ng nguy ^o n lý ch b h CN Msc-L ^o nin	5	LT	n o ^o n n. c HiJ	Th. Ssu	_____78901_____	A2-202	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132401_13 CLC		Toán 1	3	LT	V» Th' VQn Anh	Th. T	_____789_____	A2-401	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_28 CLC		Giáo d, c thWh	1	LT	Ph m n. c Hdu	Th. Bly	__45_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_11 CLC		Vật lý 1	3	LT	L° Shn H	Th. Ba	_____789_____	A2-301	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ I KHẾ A BỊ QUẢN LÝ
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19142CL1B (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học đầu tiên: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh: 12345678901234567... (trong cột học sinh của bạn)

Kiểm tra đầu tiên của bạn trong tuần học này, a, b, c, d, e, f, g, h, i, j, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z, 11, 21 của bạn.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai Hi Tr	Th. N	2	E2-109	7 (12/12/2019->12/12/2019)
2	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai Hi Tr	Th. N	2345	E2-109	67890123456 (26/09/2019->05/12/2019)
3	GCHE130603_07 CLC		Học Lý	3	LT	Huân Ngu, n Anh Tu	Th. B	789	A2-302	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý	2	LT	Nguy, n Th. Tuy	Th. T	34	A2-201	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý	2	LT	Nguy, n Th. Tuy	Th. T	78901	A2-201	7 (11/12/2019->11/12/2019)
6	IEET316345_01C LC		Nhập môn ngữ văn CNKT	3	LT	Nguy, n Th. Mi Sa	Th. N	12	A2-303	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
7	IEET316345_01C LC		Nhập môn ngữ văn CNKT	3	LT	Nguy, n Th. Mi Sa	Th. S	45	A4-304	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
8	LLCT150105_08 CLC		Nh ngữ văn Lý ch b CN M	5	LT	o n c Hi	Th. S	78901	A2-202	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132401_13 CLC		Toán 1	3	LT	V» Th. V An	Th. T	789	A2-401	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110613_28 CLC		Giáo dục th	1	LT	Ph n c H	Th. B	45	05SVD2	234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_07 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguy, n L° V Thanh	Th. Hai	789	PH5	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ I KHẾ A BỊ QUẢN LÝ
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19142CL2A (Số S' : 25) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học tiếp theo của học kỳ: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã số khóa học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ khóa học, a học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nội dung) để nhận thông tin 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Ti/đ	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai Hi/Trang	Thị Lâm	_2_____	E2-109	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
2	EHQT130137_14 CLC		Anh văn 1	3	LT	L° Mai Hi/Trang	Thị Lâm	_2345_____	E2-109	_____67890123456_____ (26/09/2019->05/12/2019)
3	GCHE130603_08 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Hai	_____012_____	A2-302	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
4	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuy/Trang	Thị T-Đ	_____34_____	A2-201	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuy/Trang	Thị T-Đ	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
6	IEET316345_03C LC		Nhập môn ngành CNTT và CNTT	3	LT	V» Vi/Trang	Thị T-Đ	_____7890_____	A4-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	LLCT150105_09 CLC		Nhà nghiên cứu lý lịch CN MSc-L°nin	5	LT	Nguyễn Thị Hi/Trang	Thị B/Trang	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_15 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn L° Thi	Thị Lâm	_____789_____	A4-301	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_29 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Văn Tuy/Trang	Thị Ba	12_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHYS130902_08 CLC		Vật lý 1	3	LT	L° Vi/Trang	Thị S/Trang	_____789_____	A4-301	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC TẬP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CL2B (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Địa điểm: Môn kiểm tra: a d y 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn kiểm tra.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ kiểm tra học kỳ. Các kiểm tra 1 kỳ (nội) để nhận kiểm tra 11, 21 cột a học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_15 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Ba	_____7_____	E2-104	_____ 7_____ (10/12/2019->10/12/2019)
2	EHQT130137_15 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Ba	_____7890_____	E2-104	_____ 67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
3	GCHE130603_08 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị Hai	_____012_____	A2-302	_____ 234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
4	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị T-Đ	____34_____	A2-201	_____ 234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị T-Đ	_____78901_____	A2-201	_____ 7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
6	IEET316345_03C LC		Nhập môn ngành CNTT và CNTT	3	LT	Vũ Văn Công	Thị T-Đ	_____7890_____	A4-403	_____ 234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	LLCT150105_09 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Nguyễn Văn Hải	Thị B-Đ	12345_____	E1-503	_____ 234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_15 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Lâm	_____789_____	A4-301	_____ 234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_30 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Hai	____34_____	05SVD1	_____ 234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_08 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Văn Hùng	Thị S-Đ	_____789_____	A4-301	_____ 234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CL3A (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Mã số: Mã số kiểm tra, a d e y 12345678901234567... (trong cột kiểm tra) để nhận cho môn kiểm tra.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ kiểm tra theo học kỳ. Các kiểm tra 1 kỳ (nội bộ) để nhận kiểm tra 11, 21 cột a học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_15 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Ba	_____7_____	E2-104	_____7_____ (10/12/2019->10/12/2019)
2	EHQT130137_15 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Ba	_____7890_____	E2-104	_____67890123456_____ (24/09/2019->03/12/2019)
3	GCHE130603_09 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Thị T.Đ	123_____	A4-303	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuy. Nguyễn	Thị Hai	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
5	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuy. Nguyễn	Thị Lâm	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	IEET316345_04C LC		Nhập môn ngành CNTT và CNTT	3	LT	Vũ Văn Công	Thị Hai	_____7890_____	A4-203	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	LLCT150105_09 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Nguyễn Văn Hải	Thị B.Đ	12345_____	E1-503	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_15 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Lâm	_____789_____	A4-301	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110613_30 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Hai	__34_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_08 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Văn Hùng	Thị S.Đ	_____789_____	A4-301	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_15 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Ng' c Anh Trang	Th_ Ba	____7____	E2-104	____7____ (10/12/2019->10/12/2019)
2	EHQT130137_15 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Ng' c Anh Trang	Th_ Ba	____7890____	E2-104	____67890123456____ (24/09/2019->03/12/2019)
3	GCHE130603_09 CLC		Ho\$ L' cGng	3	LT	Hu8nh Nguy, n Anh Tu	Th_ T-e	123____	A4-303	_234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_16 CLC		Ph\$ p lu\$ t L' cGng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ_ Nga	Th_ Hai	____78901____	A2-201	____7____ (09/12/2019->09/12/2019)
5	GELA220405_16 CLC		Ph\$ p lu\$ t L' cGng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ_ Nga	Th_ N\$ m	12____	A2-201	_234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	IEET316345_04C LC		Nh\$ p m' n ng' nh CNKT n i' n - n i' n t	3	LT	V» ViJ_ C\$ ng	Th_ Hai	____7890____	A4-203	_234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	LLCT150105_09 CLC		Nh_ ng nguy°n lĩ ch bEn CN M\$ c-L°nin	5	LT	n o°n n_ c HiJ_	Th_ B\$ y	12345____	E1-503	_234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_16 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy, n L° Thi	Th_ Ba	123____	A4-202	_234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	PHED110613_30 CLC		Gi\$ o d_ c thWch\$ 2	1	LT	TrEn Phong Vinh	Th_ Hai	_34____	05SVD1	_234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHYS130902_09 CLC		V\$ t lĩ 1	3	LT	L-En Vi' t H\$ ng	Th_ T-e	____789____	PH5	_234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL1A (Số S' : 21) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 15 (từ 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình tuấn

Kiểm tra 15 phút để kiểm tra kiến thức, các kỹ năng (nội dung) điền cho mình tuần 11, 21 các hạng

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Th. T	_____7890_____	E2-101	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
2	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Th. T	_____78901_____	E2-101	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
3	GCHE130603_32 CLC		Học Lý Công	3	LT	Trần Thị Tuyết Mai	Th. Hai	_____789_____	E1-502	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
4	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Th. S	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Th. B	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	INAT130130_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trọng	Th. Hai	_____2345_____	CK_VD	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_20 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Th. Năm	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132901_12 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Văn Toàn	Th. Hai	_____012_____	E1-502	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110513_21 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Th. T	_____45_____	05SVD2	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHYS130902_14 CLC		Vật lý 1	3	LT	L° Sơn Hải	Th. B	123_____	A2-301	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL1B (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh, hàng năm. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) điền vào học sinh 11, 21 của hàng năm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị	_____7890_____	E2-101	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
2	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị	_____78901_____	E2-101	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
3	GCHE130603_15 CLC		Học Lý Công	3	LT	Học Minh Học	Thị	_____345_____	A4-403	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: Học	Thị	12_____	PH5	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V» Thị M: Học	Thị	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	INAT130130_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị	_____2345_____	CK_VD	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_20 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132901_12 CLC		Xác suất Thống kê, ứng dụng	3	LT	Nguyễn Văn Toàn	Thị	_____012_____	E1-502	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110513_22 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị	_____45_____	05SVD3	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
10	PHYS130902_14 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lê Thị Học	Thị	123_____	A2-301	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẪM ĐỊNH ÁNHƯ LẬP
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19145CL1C (SốS' : 21) - Khoa: ệt chấtlễ ng cao

Tuần bđlđ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã i kđ t c a dcy 12345678901234567... (trong c t tuần h c) địn tđ cho m t tuần l .

Kđ t 1 lđ tđ n địn tđ tuần th nhấ c a h c k8. Cđc kđ t 1 kđ tđ (nđ t c) địn tđ tuần th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	Tiđ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_20 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phan Vĩ Bnh Minh	Th TĐ	_____7890_____	E2-101	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
2	EHQT130137_20 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phan Vĩ Bnh Minh	Th TĐ	_____78901_____	E2-101	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
3	GCHE130603_15 CLC		Hođ Lũ cđng	3	LT	Hođng Minh Hđo	Th Sđu	___345_____	A4-403	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_22 CLC		Phđp luđt Lũ cđng	2	LT	V» Th' M: Hđng	Th Sđu	12_____	PH5	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_22 CLC		Phđp luđt Lũ cđng	2	LT	V» Th' M: Hđng	Th Bđy	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	INAT130130_02C LC		Nhđp m' n ng' nh CNKT ' t'	3	LT	Nguy n Vln Trđng	Th TĐ	___45_____	A2-301	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	INAT130130_02C LC		Nhđp m' n ng' nh CNKT ' t'	3	LT	Nguy n Vln Trđng	Th Nđm	_____12_____	A4-303	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_21 CLC		Toán 1	3	LT	L° Xuđn ệt	Th TĐ	123_____	A4-202	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	MATH132901_12 CLC		Xđc suđđĩ Th' ng k° ng đ ng	3	LT	Nguy n Vln Tođn	Th Hai	_____012_____	E1-502	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110513_22 CLC		Giđo đ c thđchđđ 1	1	LT	Trđh Vln Tuyđ	Th Nđm	___45_____	05SVD3	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
11	PHYS130902_15 CLC		Vđt lĩ 1	3	LT	L° Shn Hđĩ	Th Ba	_____012_____	A4-301	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẪM ĐỊNH ÁNHƯ LẬP
Hàng số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL2A (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học thứ 0 (12/08/2019)

Liên hệ: Mã kiểm tra duy nhất 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho mình tài liệu.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học nhằm kiểm tra hàng số. Các kiểm tra 1 lần/tuần (nếu có) để nhận tài liệu học tập 11, 21 của hàng số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Thái	_____7890_____	E2-101	_____6789012345_____ (25/09/2019->27/11/2019)
2	EHQT130137_20 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Thái	_____78901_____	E2-101	_____6_____ (04/12/2019->04/12/2019)
3	GCHE130603_15 CLC		Học Lý Công	3	LT	Học Minh Học	Thị Sáu	___345_____	A4-403	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V> Thị M: Học	Thị Sáu	12_____	PH5	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_22 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	V> Thị M: Học	Thị Bảy	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	INAT130130_03C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Thái	12_____	A2-304	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	INAT130130_03C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Năm	___45_____	E1-406	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_22 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Phụng Dung	Thị Hai	_____789_____	A2-401	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132901_13 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Hoàng Nhung	Thị Ba	___345_____	E1-402	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_23 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Bảy	___45_____	05SVD	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_16 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị Ba	_____789_____	A4-202	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - Nłm h`c: 2019-2020

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_21 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Thĩ Hi' p	Th. NEm	123_____	E2-110	_____678901234_____ (26/09/2019->21/11/2019)
2	EHQT130137_21 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Thĩ Hi' p	Th. Ssu	___45_____	E2-112	_____678901234_____ (27/09/2019->22/11/2019)
3	GCHE130603_16 CLC		Hoş Lũ cChng	3	LT	Ho"ng Minh Hfò	Th. Bfỷ	123_____	A2-403	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_22 CLC		Phşp luđt Lũ cChng	2	LT	V» Th' M: HChng	Th. Ssu	12_____	PH5	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	GELA220405_22 CLC		Phşp luđt Lũ cChng	2	LT	V» Th' M: HChng	Th. Bfỷ	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
6	INAT130130_03C LC		Nhđp m' n ng" nh CNKT ' t'	3	LT	Nguy, n VEn Trũng	Th. T-e	12_____	A2-304	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	INAT130130_03C LC		Nhđp m' n ng" nh CNKT ' t'	3	LT	Nguy, n VEn Trũng	Th. NEm	___45_____	E1-406	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_22 CLC		Toán 1	3	LT	Phan PhChng Dung	Th. Hai	_____789_____	A2-401	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132901_14 CLC		Xşc suBĩ Th' ng k° _ ng đ, ng	3	LT	Nguy, n H" ng Nhung	Th. T-e	_____789_____	A4-202	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110513_23 CLC		Gişo đ, c thWchĩ 1	1	LT	Trfñ Phong Vinh	Th. Bfỷ	___45_____	05SVD	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_16 CLC		Vđt lĩ 1	3	LT	Nguy, n L° V@n Thanh	Th. Ba	_____789_____	A4-202	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC SINH
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL2C (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Chức vụ: M, kiểm tra, đánh giá 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, học kỳ, các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận cho tuần học 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_21 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Lâm	123_____	E2-110	_____678901234 (26/09/2019->21/11/2019)
2	EHQT130137_21 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Sơn	___45_____	E2-112	_____678901234 (27/09/2019->22/11/2019)
3	GCHE130603_16 CLC		Học Lý học	3	LT	Học Minh Học	Thị Bình	123_____	A2-403	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý học	2	LT	V» Thị M: Học	Thị Hai	___34_____	A2-201	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý học	2	LT	V» Thị M: Học	Thị Lâm	12345_____	A2-202	_____7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_04C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Huỳnh Phước Sơn	Thị Hai	_____7890_____	A308	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_21 CLC		Toán 1	3	LT	L° Xuân	Thị Thanh	123_____	A4-202	_____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
8	MATH132901_13 CLC		Xác suất Thống kê học	3	LT	Nguyễn Hoàng Nhung	Thị Ba	___345_____	E1-402	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
9	PHED110513_22 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuy	Thị Lâm	___45_____	05SVD3	_____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
10	PHYS130902_15 CLC		Vật lý 1	3	LT	L° Sơn Học	Thị Ba	_____012_____	A4-301	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

THẪM ĐỊNH ÁNHƯNG
Hàng số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL3A (Số S: 21) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao
Tư vấn học sinh hàng số: 0 (12/08/2019)
Lời: Mời các bạn 12345678901234567... (trong các tư vấn học sinh) để nhận cho mình tư vấn.
Kể từ 1 tư vấn đến nhận tư vấn thì mỗi hàng số hàng số. Các kể từ 1 kết quả (nội) để nhận tư vấn thì 11, 21 hàng số hàng số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tư vấn học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_21 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Lâm	123_____	E2-110	_____678901234 (26/09/2019->21/11/2019)
2	EHQT130137_21 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Thị Hải	Thị Sơn	____45_____	E2-112	_____678901234 (27/09/2019->22/11/2019)
3	GCHE130603_16 CLC		Học Lý Công	3	LT	Hồng Minh Hoàng	Thị Bình	123_____	A2-403	____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị Hai	____34_____	A2-201	____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị Lâm	12345_____	A2-202	_____7 (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Thái	____45_____	A2-301	____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
7	INAT130130_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Lâm	_____12_____	A4-303	____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_22 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Hoàng Dung	Thị Hai	_____789_____	A2-401	____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132901_14 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Hoàng Nhung	Thị Thái	_____789_____	A4-202	____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHED110513_24 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Minh Hoàng	Thị Lâm	____45_____	05SVD1	____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
11	PHYS130902_16 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị Ba	_____789_____	A4-202	____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_21 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Tấ Hi' p	Th_ Nl_m	123_____	E2-110	_____678901234 (26/09/2019->21/11/2019)
2	EHQT130137_21 CLC		Anh vEn 1	3	LT	Nguy, n Tấ Hi' p	Th_ S_su	____45_____	E2-112	_____678901234 (27/09/2019->22/11/2019)
3	GCHE130603_17 CLC		Ho s L' c_ong	3	LT	Trfn Th' Nhung	Th_ Ba	_____789_____	A2-403	____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Ph s p lu t L' c_ong	2	LT	V» Th' M: H_ong	Th_ Hai	____34_____	A2-201	____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Ph s p lu t L' c_ong	2	LT	V» Th' M: H_ong	Th_ Nl_m	12345_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_04C LC		Nh p m' n ng' nh CNKT' t'	3	LT	Hu nh Ph_ c Shn	Th_ Hai	_____7890_____	A308	____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_23 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Ph_ong Dung	Th_ Nl_m	_____012_____	E1-402	____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132901_14 CLC		X s c su l' Th' ng k' _ ng d_ ng	3	LT	Nguy, n H' ng Nhung	Th_ T_e	_____789_____	A4-202	____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
9	PHED110513_24 CLC		Gi s o d_ c th Wch l' 1	1	LT	Trfn M'nh H' ng	Th_ Nl_m	____45_____	05SVD1	____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
10	PHYS130902_17 CLC		V d t l' 1	3	LT	Nguy, n L' V_ Thanh	Th_ T_e	____345_____	PH5	____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐA BẢNG LƯP
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL3C (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của dãy 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần 1 bài kiểm tra (nếu có) để nhận tuần học 11, 21 của năm học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiếp 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kí t	Thị Sầu	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kí t	Thị Sầu	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_17 CLC		Học Lý c Công	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Ba	_____789_____	A2-403	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý c Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Hai	__34_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lý c Công	2	LT	V» Thị M: H Công	Thị Năm	12345_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trùng	Thị T-Đ	__45_____	A2-301	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	INAT130130_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Trùng	Thị Năm	_____12_____	A4-303	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
8	MATH132401_21 CLC		Toán 1	3	LT	Lộ Xuân n ỹ	Thị T-Đ	123_____	A4-202	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
9	MATH132901_13 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Hồng Nhung	Thị Ba	__345_____	E1-402	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_23 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Bly	__45_____	05SVD	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_15 CLC		Vật lý 1	3	LT	Lộ Sơn Hữ	Thị Ba	_____012_____	A4-301	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐA BẢNG LỚP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL4A (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của dãy 12345678901234567... (trong cột tuần học) dùng để chọn môn thi.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ thi học sinh giỏi, các kiểm tra 1 lần (nếu có) dùng để thi 11, 21 của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiếp 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kỉ t	Thị Sầu	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kỉ t	Thị Sầu	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_17 CLC		Học Lịch sử	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Ba	_____789_____	A2-403	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	V> Thị M: H	Thị Hai	__34_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	V> Thị M: H	Thị Năm	12345_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_05C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Tr	Thị Năm	_23_____	CK_VD	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	INAT130130_05C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1 t	3	LT	Nguyễn Văn Tr	Thị Bảy	__45_____	E1-411	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_23 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Ph	Thị Năm	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132901_15 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc T	Thị Bảy	123_____	A4-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110513_24 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Minh H	Thị Năm	__45_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
11	PHYS130902_17 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị T	__345_____	PH5	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐA BẢNG LỚP
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CL4B (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần bắt đầu học kỳ: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của dãy 12345678901234567... (trong cột tuần học) dùng để cho máy tính.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ tuần học, mỗi tuần 1 lần (nếu có) dùng để tính điểm trung bình, 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lớp Quốc tế	Thị Sầu	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lớp Quốc tế	Thị Sầu	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	GCHE130603_18 CLC		Học Lịch sử	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Sầu	123_____	A4-302	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
4	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Vũ Thị M: H	Thị Hai	__34_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
5	GELA220405_23 CLC		Pháp luật Lịch sử	2	LT	Vũ Thị M: H	Thị Năm	12345_____	A2-202	_____7_____ (12/12/2019->12/12/2019)
6	INAT130130_05C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Năm	_23_____	CK_VD	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	INAT130130_05C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT 1	3	LT	Nguyễn Văn Trung	Thị Bảy	__45_____	E1-411	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
8	MATH132401_23 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Phụng Dung	Thị Năm	_____012_____	E1-402	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	MATH132901_15 CLC		Xác suất Thống kê ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc T	Thị Bảy	123_____	A4-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110513_25 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Hai	_____01_____	05SVD9	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHYS130902_17 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị T	__345_____	PH5	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19146CL1A (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ ngày: 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh (trong cột học sinh) để nhập vào phần mềm.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh, hàng năm. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhập vào phần mềm 11, 21 của hàng năm.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kí t	Thị Sầu	_____7890_____	E2-105	_____6789012345_____ (27/09/2019->29/11/2019)
2	EHQT130137_22 CLC		Anh văn 1	3	LT	Lộ Quốc Kí t	Thị Sầu	_____78901_____	E2-105	_____6_____ (06/12/2019->06/12/2019)
3	ENDR130123_09 CLC		Văn: thuật 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Tản	Thị Ba	_____789_____	A305	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GCHE130603_18 CLC		Học Lý Công	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Sầu	123_____	A4-302	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_09 CLC		Nhập môn Công nghệ: thuật (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị Nh	Thị Tề	_____12_____	A4-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
6	INME130125_09 CLC		Nhập môn Công nghệ: thuật (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị Nh	Thị Lâm	_____45_____	A2-203	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_14 CLC		Tổng Hợp H ² Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Thị Hai	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_24 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Phụng Dung	Thị Ba	_____012_____	E1-502	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132901_15 CLC		Xác suất Thống kê: ứng dụng	3	LT	Nguyễn Ngọc T.	Thị Bý	123_____	A4-401	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110513_25 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Hai	_____01_____	05SVD9	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHYS130902_18 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị Hai	_____345_____	A2-301	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19146CL1B (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên họ và họ chữ lót: (tên họ)

Quê: Mã số quê, địa chỉ 12345678901234567... (trong cột tên họ chữ lót) địa chỉ cho mã số quê.

Kiểm tra 1 lần tên họ chữ lót và họ chữ lót. Các kiểm tra 1 lần (nội dung) địa chỉ tên họ chữ lót 11, 21 và họ chữ lót.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên họ chữ
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____7890_____	E2-108	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____78901_____	E2-108	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_09 CLC		Văn: thứ 1	3	LT	Nguyễn Văn T	Thị Ba	_____789_____	A305	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GCHE130603_18 CLC		Học Lý thuyết	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Sáu	123_____	A4-302	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	INME130125_09 CLC		Nhập môn Công nghệ: thứ (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị	Thị T	_____12_____	A4-403	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
6	INME130125_09 CLC		Nhập môn Công nghệ: thứ (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị	Thị Năm	_____45_____	A2-203	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
7	LLCT120314_14 CLC		Tổng hợp H ² Minh	2	LT	Nguyễn Thị Ph	Thị Hai	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_24 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Ph	Thị Ba	_____012_____	E1-502	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	MATH132901_16 CLC		Xác suất Thống kê: ng d, ng	3	LT	Nguyễn H	Thị Năm	123_____	A4-201	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
10	PHED110513_25 CLC		Giáo dục thể	1	LT	Nguyễn Thanh B	Thị Hai	_____01_____	05SVD9	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
11	PHYS130902_18 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn L ^o V	Thị Hai	_____345_____	A2-301	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19146CL1C (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình tuấn

Kiểm tra 1 lần theo dõi tiến độ học tập (nếu có) điền vào tuần học 11, 21 của học kỳ

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____7890_____	E2-108	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____78901_____	E2-108	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_10 CLC		Văn: thực 1	3	LT	Nguyễn Văn Nguyễn	Thị Thanh	_____789_____	A2-304	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_19 CLC		Học Lý Công	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Năm	_____789_____	A4-403	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INME130125_13 CLC		Nhập môn Công nghệ: thực (CKM)	3	LT	Vũ Quang Huy	Thị Sáu	_____2345_____	NI ACADEMY	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
6	LLCT120314_14 CLC		Thực hành Hóa Học Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phụng	Thị Hai	_____12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_24 CLC		Toán 1	3	LT	Phan Phụng Dung	Thị Ba	_____012_____	E1-502	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132901_16 CLC		Xác suất Thống kê: ứng dụng	3	LT	Nguyễn Hoàng Nhung	Thị Năm	_____123_____	A4-201	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110513_26 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Tống Văn Long	Thị Thanh	_____45_____	05SVD4	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHYS130902_18 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Thị Hai	_____345_____	A2-301	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KHẨU A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19146CL2A (Số S: 25) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Địa chỉ: Mã số căn cước 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho mượn thẻ.

Kiểm tra 1 lần theo dõi nhận thẻ căn cước, a hàng 8. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận thẻ theo dõi 11, 21 của hàng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____7890_____	E2-108	_____6789012345_____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_23 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phan Nguyễn Huy Châu	Thị Bình	_____78901_____	E2-108	_____6_____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_11 CLC		Văn: thứ 1	3	LT	Nguyễn Văn Nguyễn	Thị Ba	_____012_____	A305	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GCHE130603_19 CLC		Học Lý Công	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị Lâm	_____789_____	A4-403	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INME130125_11 CLC		Nhóm môn Công nghệ: thứ (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị	Thị Hai	_____45_____	A4-303	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
6	INME130125_11 CLC		Nhóm môn Công nghệ: thứ (CKM)	3	LT	Nguyễn Trần Thị	Thị Bình	_____45_____	A4-304	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT120314_15 CLC		Tên Nguyễn Hoàng Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phong	Thị Sầu	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132401_25 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Lê Thị	Thị Sầu	_____789_____	E1-502	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132901_17 CLC		Xác suất Thống kê: giảng	3	LT	Nguyễn Hoàng Nhung	Thị Ba	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_27 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Tươi	_____45_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	PHYS130902_19 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Thị M: Lê	Thị Hai	_____012_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_23 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phan Nguy, n Huy Ch	Th Bly	____7890____	E2-108	____6789012345____ (28/09/2019->30/11/2019)
2	EHQT130137_23 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phan Nguy, n Huy Ch	Th Bly	____78901____	E2-108	____6____ (07/12/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_11 CLC		Vk: thut 1	3	LT	Nguy, n Vln n o'n	Th Ba	____012____	A305	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GCHE130603_19 CLC		Hoş L c Gng	3	LT	Trfn Th Nhung	Th Nlm	____789____	A4-403	____234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INME130125_11 CLC		Nhđp m ¹ n C ¹ ng ngh' k: thut (CKM)	3	LT	Nguy, n TrE ng Th nh	Th Hai	____45____	A4-303	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
6	INME130125_11 CLC		Nhđp m ¹ n C ¹ ng ngh' k: thut (CKM)	3	LT	Nguy, n TrE ng Th nh	Th Bly	____45____	A4-304	____234567890123456____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT120314_15 CLC		TtE ng H ² Ch ² Minh	2	LT	Nguy, n Th PhE ng	Th Ssu	12____	A2-201	____234567890123456____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132401_26 CLC		Toán 1	3	LT	Lai Vln Ph ⁴	Th Hai	____789____	A4-202	____234567890123456____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132901_17 CLC		Xsc su l i Th' ng k° ng d ng	3	LT	Nguy, n H ² ng Nhung	Th Ba	____789____	A4-401	____234567890123456____ (27/08/2019->03/12/2019)
10	PHED110513_27 CLC		Gişo d c thWh l 1	1	LT	Nguy, n Thanh B ³ nh	Th T-e	____45____	05SVD1	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	PHYS130902_20 CLC		Vdt l i 1	3	LT	Trfn Th Khşnh Chi	Th T-e	____901____	A4-301	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KIỂM TRA HỌC LẬP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19146CL2C (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Chức vụ: M. i. k. t. c. a. d. y. 12345678901234567... (trong cột chức vụ học sinh)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ học sinh, a. h. c. k. C. s. c. k. t. 1 k. j. t. p. (n. j. c.) định kỳ học sinh 11, 21 c. a. h. c. k.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_24 CLC		Anh văn 1	3	LT	Số Th. C. i. M:	Thị B. y	_____9_____	E2-103	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
2	EHQT130137_24 CLC		Anh văn 1	3	LT	Số Th. C. i. M:	Thị B. y	_____9012_____	E2-103	_____67890123456_____ (28/09/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_10 CLC		Văn: thu. t. 1	3	LT	Nguyễn Văn n. o. n	Thị T. e	_____789_____	A2-304	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GCHE130603_20 CLC		Học L. i. c. h. g	3	LT	Trần Thị Nhung	Thị N. m	_____012_____	A2-302	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INME130125_13 CLC		Nhập m. i. n. C. i. ng. ngh. i. k: thu. t. (CKM)	3	LT	Vũ Quang Huy	Thị S. u	_____2345_____	NI ACADEMY	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
6	LLCT120314_14 CLC		T. e. t. e. ng. H. o. Ch. i. Minh	2	LT	Nguyễn Thị Ph. e. ng	Thị Hai	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
7	MATH132401_25 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn L. o. Thi	Thị S. u	_____789_____	E1-502	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132901_16 CLC		X. s. c. su. i. i. Th. i. ng. k. o. ng. d. ng	3	LT	Nguyễn H. o. ng. Nhung	Thị N. m	123_____	A4-201	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
9	PHED110513_26 CLC		Gi. s. o. d. c. th. v. h. i. 1	1	LT	T. i. ng. Vi. j. Long	Thị T. e	_____45_____	05SVD4	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
10	PHYS130902_19 CLC		V. d. i. l. i. 1	3	LT	Nguyễn Thị M: L. i.	Thị Hai	_____012_____	PH5	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_24 CLC		Anh vln 1	3	LT	S' Th' Ci M:	Th. Bly	_____9_____	E2-103	_____7_____
2	EHQT130137_24 CLC		Anh vln 1	3	LT	S' Th' Ci M:	Th. Bly	_____9012_____	E2-103	_____67890123456_____
3	ENDR130123_12 CLC		Vk: thut 1	3	LT	H' Ng' c B' n	Th. Nlm	123_____	A4-304	_____234567890123456_____
4	GCHE130603_20 CLC		Hoş L' c Gng	3	LT	Trfn Th' Nhung	Th. Nlm	_____012_____	A2-302	_____234567890123456_____
5	INME130125_12 CLC		Nhđp m¹ n C¹ ng ngh¹ k: thut (CKM)	3	LT	Vĩ Quang Huy	Th. Hai	_____45_____	A4-402	_____234567890123456_____
6	INME130125_12 CLC		Nhđp m¹ n C¹ ng ngh¹ k: thut (CKM)	3	LT	Vĩ Quang Huy	Th. Bly	_____78_____	NI ACADEMY	_____234567890123456_____
7	LLCT120314_15 CLC		T'et'ng H' Ch² Minh	2	LT	Nguy, n Th' Ph'ng	Th. Ssu	12_____	A2-201	_____234567890123456_____
8	MATH132401_26 CLC		Toán 1	3	LT	Lai Vln Ph¼	Th. Hai	_____789_____	A4-202	_____234567890123456_____
9	MATH132901_18 CLC		Xşc suđĩ Th' ng k° _ ng đ, ng	3	LT	Nguy, n H' ng Nhung	Th. Hai	123_____	A2-401	_____234567890123456_____
10	PHED110513_27 CLC		Gişo đ, c th'chĩ 1	1	LT	Nguy, n Thanh B³nh	Th. T'e	____45_____	05SVD1	_____234567890123456_____
11	PHYS130902_20 CLC		Vđĩ 1	3	LT	Trfn Th' Khşnh Chi	Th. T'e	_____901_____	A4-301	_____234567890123456_____

THẺ KIỂM TRA ĐA MỨC LUYỆN P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19146CL3B (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Mã số đăng ký: 0 (12/08/2019)

Mã số: Mã số đăng ký: 12345678901234567... (trong cột mã số của đề thi)

Mã số: Mã số đăng ký: 12345678901234567... (trong cột mã số của đề thi)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_24 CLC		Anh văn 1	3	LT	Số Thi Chí M:	Thị Bly	_____9_____	E2-103	_____7_____ (14/12/2019->14/12/2019)
2	EHQT130137_24 CLC		Anh văn 1	3	LT	Số Thi Chí M:	Thị Bly	_____9012_____	E2-103	_____67890123456_____ (28/09/2019->07/12/2019)
3	ENDR130123_12 CLC		Vết: thuật 1	3	LT	Hồ Ng c B n	Thị Nlm	123_____	A4-304	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
4	GCHE130603_20 CLC		Học Lý cng	3	LT	Trình Thi Nhung	Thị Nlm	_____012_____	A2-302	_____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	INME130125_12 CLC		Nhập m n C ng ngh k: thuật (CKM)	3	LT	Vũ Quang Huy	Thị Hai	_____45_____	A4-402	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
6	INME130125_12 CLC		Nhập m n C ng ngh k: thuật (CKM)	3	LT	Vũ Quang Huy	Thị Bly	_____78_____	NI ACADEMY	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT120314_15 CLC		Tổng ng Hồ Ch Minh	2	LT	Nguyễn Thị Phng	Thị Ssu	12_____	A2-201	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
8	MATH132401_26 CLC		Toán 1	3	LT	Lai Văn Ph	Thị Hai	_____789_____	A4-202	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	MATH132901_18 CLC		Xác suất Th ng k ng d ng	3	LT	Nguyễn Hồ ng Nhung	Thị Hai	123_____	A2-401	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	PHED110513_28 CLC		Giáo d c thch	1	LT	Trình Văn Tuy	Thị Bly	_____45_____	5SVD11	_____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
11	PHYS130902_20 CLC		Vật lý 1	3	LT	Trình Thị Khnh Chi	Thị T	_____901_____	A4-301	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

H` c k8: 01 - Nłm h` c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_24 CLC		Anh vEn 1	3	LT	S' Th' Cí M:	Th. Bly	_____9_____	E2-103	_____7_____
2	EHQT130137_24 CLC		Anh vEn 1	3	LT	S' Th' Cí M:	Th. Bly	_____9012_____	E2-103	_____67890123456_____
3	ENDR130123_15 CLC		Vk: thuđ 1	3	LT	Nguy. n Tr' Kim Quy°n	Th. Ssu	_____012_____	E1-406	_____234567890123456_____
4	GCHE130603_21 CLC		Hoş L' c-ŋg	3	LT	Nguy. n VEn S. c	Th. Ba	__345_____	A2-302	_____234567890123456_____
5	INME130125_14 CLC		Nhđp m¹ n C¹ ng ngh¹ k: thuđ (CKM)	3	LT	Vİ Quang Huy	Th. Bly	_2345_____	NI ACADEMY	_____234567890123456_____
6	LLCT120314_14 CLC		T-ct-ŋg H° Ch² Minh	2	LT	Nguy. n Th' Ph-ŋg	Th. Hai	12_____	A2-201	_____234567890123456_____
7	MATH132401_25 CLC		Toán 1	3	LT	Nguy. n L° Thi	Th. Ssu	_____789_____	E1-502	_____234567890123456_____
8	MATH132901_17 CLC		Xşc suđĩ Th' ng k° _ ng đ, ng	3	LT	Nguy. n H° ng Nhung	Th. Ba	_____789_____	A4-401	_____234567890123456_____
9	PHED110513_26 CLC		Gişo đ, c thWhđ 1	1	LT	T' ng ViJ Long	Th. T-ŋ	__45_____	05SVD4	_____234567890123456_____
10	PHYS130902_19 CLC		Vđĩ lĩ 1	3	LT	Nguy. n Th' M: L'	Th. Hai	_____012_____	PH5	_____234567890123456_____

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19147CL1A (Số S: 22) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên họ và họ: 0 (12/08/2019)

Quê: Mã số 12345678901234567... (trong cột họ và họ) để nhận cho mã số.

Kiểm tra 1 lần để nhận diện từ họ và họ. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhận từ họ và họ. 11, 21 và các.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên họ và họ 123456789012345678901234
1	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	1234_____	E2-102	_____6789012345_____ (23/09/2019->25/11/2019)
2	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	12345_____	E2-102	_____6_____ (02/12/2019->02/12/2019)
3	GCHE130603_21 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Ba	____345_____	A2-302	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Hai	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
5	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Năm	12_____	A2-201	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	INTE130132_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Nhì	3	LT	Nguyễn Xuân Việt	Thị Bảy	_____7890_____	A109	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_10 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Tết Thị Thảo	Thị Hai	_____78901_____	A2-202	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_27 CLC		Toán 1	3	LT	Ngô Hoàng Tâm	Thị Bảy	123_____	E1-502	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	PHED110513_28 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị Bảy	____45_____	5SVD11	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19147CL1B (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 15 (từ 08/12/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột sinh viên) điền cho mình tự chọn.

Kiểm tra 15 phút điền tên tự chọn theo hình thức. Các kiểm tra 15 phút (nếu có) điền tự chọn theo 11, 21 cột hình thức.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	1234_____	E2-102	_____6789012345_____ (23/09/2019->25/11/2019)
2	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	12345_____	E2-102	_____6_____ (02/12/2019->02/12/2019)
3	GCHE130603_21 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Ba	____345_____	A2-302	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
4	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Hai	____78901_____	A2-201	_____7_____ (09/12/2019->09/12/2019)
5	GELA220405_16 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Năm	12_____	A2-201	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	INTE130132_01C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Nhì	3	LT	Nguyễn Xuân Việt	Thị Bảy	____7890_____	A109	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_10 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lênin	5	LT	Tết Thị Thảo	Thị Hai	____78901_____	A2-202	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_27 CLC		Toán 1	3	LT	Ngô Hoàng Tâm	Thị Bảy	123_____	E1-502	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	PHED110513_28 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Trần Văn Tuyet	Thị Bảy	____45_____	5SVD11	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19147CL2A (Số S' : 22) - Khoa: ệ T chấT ể ng cao

Tuần bđđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: M, i kĩ t c, a d<y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) d n t cho m t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti n d n t tuần th nhấ c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) d n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_25 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phũm Th' Thợo Khanh	Th. Hai	1234_____	E2-102	_____6789012345_____ (23/09/2019->25/11/2019)
2	EHQT130137_25 CLC		Anh vln 1	3	LT	Phũm Th' Thợo Khanh	Th. Hai	12345_____	E2-102	_____6_____ (02/12/2019->02/12/2019)
3	GCHE130603_22 CLC		Hoş L'ũ c Ờng	3	LT	Nguy n Vln S c	Th. T-Ơ	__345_____	E1-502	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_17 CLC		Phşp luđt L'ũ c Ờng	2	LT	Nguy n Th' TuyJ Nga	Th. Ba	_____90_____	A2-201	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_17 CLC		Phşp luđt L'ũ c Ờng	2	LT	Nguy n Th' TuyJ Nga	Th. Sşu	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
6	INTE130132_02C LC		Nhđp m' n ng' nh CNKT Nh' t	3	LT	ệ Hg H'ng Shn	Th. T-Ơ	_____7890_____	E1-504	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	LLCT150105_10 CLC		Nh ng nguy' n lĩ ch bĩn CN Mşc-L' nin	5	LT	TũTh' Th'ỷ	Th. Hai	_____78901_____	A2-202	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_27 CLC		Toán 1	3	LT	Ng' H u T Ờm	Th. Bĩy	123_____	E1-502	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
9	PHED110513_29 CLC		Gişo đ c thVchĩ 1	1	LT	ệ. Ho' ng Long	Th. Bĩy	__45_____	05SVD1	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19147CL2B (Số S: 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tuần học: 1 (từ 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình tuấn.

Kiểm tra 1 lần từ đầu đến cuối tuấn, nếu có lỗi, có lỗi từ 1 đến 10 (nếu có) điền từ đầu đến cuối, 11, 21 có lỗi.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	1234_____	E2-102	_____6789012345_____ (23/09/2019->25/11/2019)
2	EHQT130137_25 CLC		Anh văn 1	3	LT	Phạm Thị Thảo Khanh	Thị Hai	12345_____	E2-102	_____6_____ (02/12/2019->02/12/2019)
3	GCHE130603_22 CLC		Học Lý Công	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị T-Đ	____345_____	E1-502	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_17 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Ba	____90_____	A2-201	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_17 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thị Sầu	____78901_____	A2-201	____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
6	INTE130132_02C LC		Nhập môn ngôn ngữ CNKT Nhì	3	LT	Nguyễn Hoàng Sơn	Thị T-Đ	____7890_____	E1-504	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
7	LLCT150105_10 CLC		Nhà ngữ ngôn lý ch b h CN Msc-L nin	5	LT	Tết Thị Thảo	Thị Hai	____78901_____	A2-202	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
8	MATH132401_28 CLC		Toán 1	3	LT	Nguyễn Hoàng Tâm	Thị Ba	123_____	A4-401	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
9	PHED110513_29 CLC		Giáo dục thể chất 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Bly	____45_____	05SVD1	____234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)

THẺ KHẺ A B I Q U L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CL1C (Số S' : 23) - Khoa: Sư phạm Công nghệ cao

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Quê: Mã số quê: 12345678901234567... (trong cột quê học sinh điền mã số quê cho mình)

Kiểm tra 1 lần theo điểm trung bình của học sinh. Các kiểm tra 1 kỳ (năm) điền trung bình 11, 21 của học sinh.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tên học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_29 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Th. TĐ	12_____	E2-113	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
2	EHQT130137_29 CLC		Anh văn 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Th. TĐ	_____012_____	A3-306	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
3	GCHE130603_07 CLC		Học Lý Công	3	LT	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn	Th. BGY	_____789_____	A2-302	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
4	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Th. TĐ	__34_____	A2-201	_____234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
5	GELA220405_15 CLC		Pháp luật Lý Công	2	LT	Nguyễn Thị Tuyet Nga	Th. TĐ	_____78901_____	A2-201	_____7 (11/12/2019->11/12/2019)
6	IEET316345_02C LC		Nhập môn ngành CNKT phần - phần	3	LT	Nguyễn Nhân Bình	Th. Ba	_____12_____	A4-304	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
7	IEET316345_02C LC		Nhập môn ngành CNKT phần - phần	3	LT	Nguyễn Nhân Bình	Th. BGY	_____01_____	A4-304	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_08 CLC		Những nguyên lý chính trị CN Mác-Lenin	5	LT	Nguyễn Văn Hùng	Th. SĐ	_____78901_____	A2-202	_____234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
9	MATH132401_14 CLC		Toán 1	3	LT	Trần Văn An	Th. SĐ	__345_____	A4-301	_____234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
10	PHED110613_29 CLC		Giáo dục thể chất 2	1	LT	Trần Văn Tuyet	Th. Ba	12_____	05SVD2	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
11	PHYS130902_07 CLC		Vật lý 1	3	LT	Nguyễn Lê Văn Thanh	Th. Hai	_____789_____	PH5	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KHẺ A B I Q U L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19142CL2C (Số S' : 23) - Khoa: ệ T chấI ể ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

L-Q I: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dị n t cho m, t tuần l .

Kĩ t 1 Lữ ti°n dị n t tuần th nhấ c, a h c k8. Csc kĩ t 1 kJti/p (nJi c) dị n t tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137_29 CLC		Anh vLn 1	3	LT	Nguy, n Ng c Thfo	Th T-E	12_____	E2-113	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
2	EHQT130137_29 CLC		Anh vLn 1	3	LT	Nguy, n Ng c Thfo	Th T-E	_____012_____	A3-306	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
3	GCHE130603_08 CLC		Hoş L' c Ờng	3	LT	Hu8nh Nguy, n Anh Tuấ	Th Hai	_____012_____	A2-302	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
4	GELA220405_16 CLC		Phşp luđt L' c Ờng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ Nga	Th Hai	_____78901_____	A2-201	_____7 (09/12/2019->09/12/2019)
5	GELA220405_16 CLC		Phşp luđt L' c Ờng	2	LT	Nguy, n Th' TuyJ Nga	Th Nl m	12_____	A2-201	_____234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
6	IEET316345_02C LC		Nhđp m' n ng°nh CNKT ệ í n - ệ í n t	3	LT	Nguy, n Nh Ờ B' n	Th Ba	_____12_____	A4-304	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
7	IEET316345_02C LC		Nhđp m' n ng°nh CNKT ệ í n - ệ í n t	3	LT	Nguy, n Nh Ờ B' n	Th Bly	_____01_____	A4-304	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
8	LLCT150105_09 CLC		Nh ng nguy°n lĩ ch bly CN Mşc-L°nin	5	LT	ộ o°n ệ c HiJi	Th Bly	12345_____	E1-503	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
9	MATH132401_05 CLC		Toán 1	3	LT	Phũm VLn HiW	Th Bly	_____789_____	A4-301	_____234567890123456 (31/08/2019->07/12/2019)
10	PHED110613_29 CLC		Gişo d, c thWchấ2	1	LT	Trfñ VLn TuyQ	Th Ba	12_____	05SVD2	_____234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
11	PHYS130902_07 CLC		Vđt lĩ 1	3	LT	Nguy, n L° V Ờ Thanh	Th Hai	_____789_____	PH5	_____234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19147CL1C (Số S' : 24) - Khoa: n T chBilE ng cao

Tuần bđL: h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

L-Q: M, i kĩ t c, a d«y 12345678901234567... (trong c t tuần h c) dñ n tđ cho m, t tuần l .

Kĩ t 1 Lđu ti°n dñ n tđ tuần th nhBil c, a h c k8. Cđc kĩ t 1 kđiđp (nđi c) dñ n tđ tuần th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	LoBil HP	Tên CBGD	Th	Tiđ	Phòng	Tuần h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137_29 CLC		Anh vLn 1	3	LT	Nguy, n Ng c Thđo	Th TĐ	12_____	E2-113	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
2	EHQT130137_29 CLC		Anh vLn 1	3	LT	Nguy, n Ng c Thđo	Th TĐ	_____012_____	A3-306	_____678901234 (25/09/2019->20/11/2019)
3	GCHE130603_22 CLC		Hođ Lđi cĐng	3	LT	Nguy, n VLn S c	Th TĐ	__345_____	E1-502	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
4	GELA220405_17 CLC		Phđp luđt Lđi cĐng	2	LT	Nguy, n Th' Tuyđđ Nga	Th Ba	_____90_____	A2-201	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
5	GELA220405_17 CLC		Phđp luđt Lđi cĐng	2	LT	Nguy, n Th' Tuyđđ Nga	Th Sđu	_____78901_____	A2-201	_____7_____ (13/12/2019->13/12/2019)
6	INTE130132_03C LC		Nhđp m' n ng°nh CNKT Nh' t	3	LT	L° Minh Nh t	Th Bđy	_____7890_____	P. 03XN	__234567890123456_____ (31/08/2019->07/12/2019)
7	LLCT150105_12 CLC		Nh ng nguy°n lđ chbđh CN Mđc-L°nin	5	LT	TđTh' Thđy	Th Ba	12345_____	A2-201	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
8	MATH132401_33 CLC		Toán 1	3	LT	Mai VLn Duy	Th Hai	_____012_____	E1-402	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
9	PHED110513_35 CLC		Giđo đ, c thVchđđ 1	1	LT	T' ng Viđđ Long	Th Nđm	__45_____	05SVD4	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19142CLA1 (Số: 21) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 1 (từ 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số của bạn 12345678901234567... (trong cột mã số của bạn để ghi lại mã số của bạn).

Kiểm tra 1 lần theo dõi và tiến độ học tập của bạn. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để tiến độ học tập 11, 21 của bạn.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_01CLC		Academic English 1	3	LT	Vũ Thị Thiệp An	Thị Sầu	_____789_____	E2-107	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
2	EHQT230237E_01CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phạm Anh	Thị Tề	_____789_____	E2-105	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
3	GCHE130603E_01CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Trọng Sơn	Thị Bội	_____789_____	A2-103	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
4	IEET130145E_02CLC		Introduction to Electrical and Electronic Engineering	3	LT	Vũ Việt Cường	Thị Năm	____2345_____	E1-408	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	IEL1130126_01CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị Ba	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
6	IEL1130226_01CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Hải H	Thị Hai	_____789_____	E2-107	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
7	IERE130126_01CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Nguyễn Thị Bích Duyên	Thị Bội	____23_____	E2-110	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
8	IERE130226_01CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Thị Thanh H	Thị Hai	____01_____	E2-109	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
9	IESP130126_01CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Hai	123_____	E2-101	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	IESP130226_01CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Ba	____012_____	E2-101	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
11	IEWR130126_01CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Số Thị Cẩm M:	Thị Hai	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
12	LLCT150105E_01CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Văn Hải	Thị Sầu	12345_____	A2-302	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
13	MATH132401E_01CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Ba	123_____	E1-511	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CLA1 (Số S: 21) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 12/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập cho môn thể dục).

Kiểm tra 15 phút (để nhập điểm thi) và 1 giờ (để nhập điểm thi) 11, 21 và 31 giờ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_03CLC		Physical Education 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Thị Sáu	_____01_____	05SVD10	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
15	PHYS130902E_01CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Thị Lâm	_____012_____	A2-103	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19142CLA2 (Số S: 22) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 1 (từ 01/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (trong các tuần học) dạy các môn học.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ các môn học. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) dạy các môn học 11, 21 các môn học.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_01CLC		Academic English 1	3	LT	Vũ Thị Thiệp An	Th. Sầu	_____789_____	E2-107	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
2	EHQT230237E_01CLC		Academic English 2	3	LT	L° Ph°ng Anh	Th. T°	_____789_____	E2-105	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
3	GCHE130603E_01CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Tr°ng Sơn	Th. B°y	_____789_____	A2-103	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
4	IEET130145E_01CLC		Introduction to Electrical and Electronic Engineering	3	LT	V° Vi° C°ng	Th. T°	____2345_____	A3-208	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
5	IEL130126_01CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hi°	Th. Ba	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
6	IEL130226_01CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Hi° H°	Th. Hai	_____789_____	E2-107	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
7	IERE130126_01CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Nguyễn Thi° B°n D°n	Th. B°y	____23_____	E2-110	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
8	IERE130226_01CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Th° Thanh H°	Th. Hai	_____01_____	E2-109	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
9	IESP130126_01CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. Hai	123_____	E2-101	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	IESP130226_01CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. Ba	_____012_____	E2-101	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
11	IEWR130126_01CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S° Th° C° M:	Th. Hai	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
12	LLCT150105E_01CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	h° o°n h° c Hi°	Th. Sầu	12345_____	A2-302	____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
13	MATH132401E_01CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. Ba	123_____	E1-511	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19142CLA2 (Số S' : 22) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 08/08/2019)

Quê: Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận học bổng.

Kiểm tra 15 phút để nhận học bổng, a hạng 8. Các kiểm tra 15 phút (nội dung) để nhận học bổng 11, 21 hạng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_03CLC		Physical Education 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Th. Sg	_____01_____	05SVD10	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
15	PHYS130902E_01CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Th. Nl	_____012_____	A2-103	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19142CLA3 (Số: 20) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên và họ của sinh viên: (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d 12345678901234567... (trong cột chức vụ của sinh viên)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ của trường học, nh 1, a h 1 c k8. Các kỹ thuật (n) của sinh viên 11, 21 của h 1 c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Tên	Phòng	Tên h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_01CLC		Academic English 1	3	LT	Vũ Thị Thi n An	Th S s u	789	E2-107	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
2	EHQT230237E_01CLC		Academic English 2	3	LT	L° Ph ong Anh	Th T e	789	E2-105	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
3	GCHE130603E_01CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy n Tr c ng Sh n	Th B y	789	A2-103	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
4	IEET130145E_02CLC		Introduction to Electrical and Electronic Engineering	3	LT	V» Vi J C c ng	Th N m	2345	E1-408	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
5	IEL130126_01CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy n Trung Hi J u	Th Ba	789	E2-108	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
6	IEL130226_01CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguy n Th H i H	Th Hai	789	E2-107	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
7	IERE130126_01CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Nguy n Thi B i n D uy n	Th B y	23	E2-110	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
8	IERE130226_01CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Th Thanh H	Th Hai	01	E2-109	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
9	IESP130126_01CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th Hai	123	E2-101	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
10	IESP130226_01CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th Ba	012	E2-101	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
11	IEWR130126_01CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S Th C i M:	Th Hai	45	E2-106	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
12	LLCT150105E_01CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	n o n n c Hi J u	Th S s u	12345	A2-302	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
13	MATH132401E_01CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th Ba	123	E1-511	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐIỂM SỐ
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19142CLA3 (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 08/12/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã: 12345678901234567...) (trong cột điểm số) để nhập vào phần mềm.

Kiểm tra 15 phút (điểm số) để nhập vào phần mềm (nếu có) để nhập vào phần mềm 11, 21 cột, a và b.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_03CLC		Physical Education 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Th. Sg	_____01_____	05SVD10	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
15	PHYS130902E_01CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Th. Nl	_____012_____	A2-103	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẪM ĐỊNH KHẢO NGHIỆM
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19110CLA1 (Số S: 26) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Địa điểm: M, i kỳ t, c, a d<y 12345678901234567... (trong c, t tuần h, c) d, n t, cho m, t tuần l, .

Kĩ t, 1 l, 1 ti<n d, n t, t, tuần th, nh< c, a h, c k8. C<sc kĩ t, 1 k/ t, (n/ t, c) d, n t, t, tuần th, 11, 21 c, a h, c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti/ 1234567890123456	Phòng	Tuần h, c 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_02CLC		Academic English 1	3	LT	Tr<nh Ng< c Th<nh	Th, T<E	_____012_____	E2-106	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_02CLC		Academic English 2	3	LT	L< Ph<ng Anh	Th, N<m	123_____	A3-407	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
3	IELI130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy< n Trung Hi/ t,	Th, N<m	_____012_____	E2-108	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
4	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguy< n Trung Hi/ t,	Th, B<y	____45_____	E2-107	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
5	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th, S<u	_____789_____	E2-101	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th, B<y	_____789_____	E2-101	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
7	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	ệ inh Th' Thanh H<ng	Th, Ba	_____78_____	E2-110	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr<ng Th' Hoa	Th, Hai	_____78_____	E2-110	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
9	INIT130185E_03CLC		Introduction to Information Technology	3	LT	Nguy< n ệ <ng Quang	Th, Hai	_2345_____	A5-103	____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	INPR140285E_02CLC		Introduction to programming	3	LT	Nguy< n Tr<nh Thi V<n	Th, Hai	_____9012_____	A3-305	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
11	LLCT150105E_02CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	ệ H<ng Th' Minh Tu<nh	Th, Ba	12345_____	A4-201	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th, S<u	123_____	A2-203	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
13	PHED110513E_04CLC		Physical Education 1	1	LT	Tr<nh V<n Tuy<u	Th, T<E	____45_____	05SVD	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KHẾ A BILU LP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19110CLA2 (Số S: 27) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Mã số: Mã số khóa: 12345678901234567... (trong cột mã số khóa của bạn)

Mã số: Mã số khóa: 12345678901234567... (trong cột mã số khóa của bạn)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học sinh
1	EHQT130137E_02CLC		Academic English 1	3	LT	Trần Ngọc Thanh	Thị	012	E2-106	12345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_02CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phương Anh	Thị	123	A3-407	12345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
3	IELI130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị	012	E2-108	12345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
4	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị	45	E2-107	12345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
5	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị	789	E2-101	12345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
6	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị	789	E2-101	12345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thị	78	E2-110	12345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
8	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Hoa	Thị	78	E2-110	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
9	INIT130185E_01CLC		Introduction to Information Technology	3	LT	Nguyễn Thị Văn	Thị	9012	A3-301	1234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
10	INPR140285E_02CLC		Introduction to programming	3	LT	Nguyễn Thị Văn	Thị	9012	A3-305	1234567890123456 (02/09/2019->09/12/2019)
11	LLCT150105E_02CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Minh Tuấn	Thị	12345	A4-201	1234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị	123	A2-203	1234567890123456 (06/09/2019->13/12/2019)
13	PHED110513E_04CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Văn Tuấn	Thị	45	05SVD	1234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19110CLA3 (Số S: 26) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 0 (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 1 lần để nhận diện nhận thức, a h c k. Các kỹ thuật (nội dung) để nhận thức 11, 21, a h c k.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_02CLC		Academic English 1	3	LT	Trình Nguyễn Thanh	Th. T	012	E2-106	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_02CLC		Academic English 2	3	LT	L. Ph. Anh	Th. N	123	A3-407	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
3	IELI130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hi	Th. N	012	E2-108	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
4	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguyễn Trung Hi	Th. B	45	E2-107	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
5	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. S	789	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
6	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. B	789	E2-101	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh H	Th. B	78	E2-110	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
8	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr. Hoa	Th. H	78	E2-110	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
9	INIT130185E_02CLC		Introduction to Information Technology	3	LT	Trần Nhật Quang	Th. H	1234	E1-404	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
10	INPR140285E_02CLC		Introduction to programming	3	LT	Nguyễn Trần Thị V	Th. H	9012	A3-305	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
11	LLCT150105E_02CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Minh T	Th. B	12345	A4-201	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. S	123	A2-203	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
13	PHED110513E_10CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Mạnh H	Th. T	45	05SVD10	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ tĩ cĩ a d'ỹ 12345678901234567... (trong cĩ tũh h' c) dĩ nĩ cho mĩ tũh lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_02CLC		Academic English 1	3	LT	Trình Ngọc Thanh	Th. T-Đ	_____012_____	E2-106	_____ _345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_02CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Công Anh	Th. N-Đ	123_____	A3-407	_____ _345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
3	IEL1130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Th. N-Đ	_____012_____	E2-108	_____ _345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
4	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguyễn Trung Hải	Th. B-Đ	____45_____	E2-107	_____ _345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
5	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. S-Đ	_____789_____	E2-101	_____ _345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. B-Đ	_____789_____	E2-101	_____ _345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
7	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Th. Ba	_____78_____	E2-110	_____ _345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Hoa	Th. Hai	_____78_____	E2-110	_____ _345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
9	INIT130185E_02CLC		Introduction to Information Technology	3	LT	Trần Nhật Quang	Th. Hai	1234_____	E1-404	_____ _234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
10	INPR140285E_02CLC		Introduction to programming	3	LT	Nguyễn Trần Thị Văn	Th. Hai	_____9012_____	A3-305	_____ _345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
11	LLCT150105E_02CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Minh Tuấn	Th. Ba	12345_____	A4-201	_____ _234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. S-Đ	123_____	A2-203	_____ _345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
13	PHED110513E_10CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Mạnh Hùng	Th. T-Đ	____45_____	05SVD10	_____ _234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)

THẪM KHẢO A B C D E F
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19116CLA1 (Số S: 17) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên đề tài: Đề tài: 0 (12/08/2019)

Địa chỉ: Mã đề: 12345678901234567... (trong đề tài: đề tài: 0)

Kiểm tra: 1 Đề tài: 0 (12/08/2019) (12/08/2019) (12/08/2019)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên đề tài
1	EHQT130137E_03CLC		Academic English 1	3	LT	Vũ Thị Thiệp An	Thị Ba	123	E2-108	12345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_03CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phạm Anh	Thị Năm	789	E2-107	12345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
3	GCHE130603E_05CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Hai	345	A2-103	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
4	IELT130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hiên	Thị Năm	012	E2-108	12345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
5	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguyễn Trung Hiên	Thị Bảy	45	E2-107	12345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
6	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Sáu	789	E2-101	12345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
7	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Bảy	789	E2-101	12345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
8	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thị Ba	78	E2-110	12345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
9	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Hoa	Thị Hai	78	E2-110	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
10	INFT130150E_01CLC		Introduction to Food Technology (2+1)	3	LT	Trần Khánh Sơn	Thị Cửu	7890	A3-303	1234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
11	LLCT150105E_03CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị Cửu	12345	A4-401	1234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Sáu	123	A2-203	12345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
13	OCHE120450E_02CLC		Organic Chemistry	2	LT	Hoàng Minh Hòa	Thị Hai	12	A3-403	1234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19116CLA1 (Số S: 17) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 08/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập cho môn thể dục).

Kiểm tra 15 phút (để nhập điểm thi) và kiểm tra 1 giờ (để nhập điểm thi) 11, 21 và kiểm tra.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_05CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Ba	45	05S12	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
15	PHYS130902E_02CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Văn Chí	Thị Lâm	123	A2-203	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)

THẪI KHẾ A BILU L P
H c k8: 01 - N m h c: 2019-2020

L p: 19116CLA2 (S qS : 16) - Khoa: ệ T ch BILU ệ ng cao

Tu f n b d L f u h c k8: tu f n 0 (12/08/2019)

L a I: M i k i t c a d y 12345678901234567... (trong c t tu f n h c) d i n t f cho m t tu f n l .

K i t 1 L f u ti n d i n t f tu f n th nh BILU c a h c k8. C s c k i t 1 k J ti p (n J u c) d i n t f tu f n th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S TC	Lo ử HP	Tên CBGD	Th	Ti f 1234567890123456	Phòng	Tu f n h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_03CLC		Academic English 1	3	LT	V» Th Thi n A n	Th Ba	123_____	E2-108	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_03CLC		Academic English 2	3	LT	L o Ph ư ng Anh	Th N m	_____789_____	E2-107	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
3	GCHE130603E_05CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy n V ẽ n S c	Th Hai	__345_____	A2-103	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
4	IELI130126_02CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy n Trung Hi J u	Th N m	_____012_____	E2-108	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
5	IERE130226_02CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Nguy n Trung Hi J u	Th B ỹ	__45_____	E2-107	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
6	IESP130126_02CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th S ụ	_____789_____	E2-101	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
7	IESP130226_02CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th B ỹ	_____789_____	E2-101	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
8	IEWR130126_02CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	ệ inh Th Thanh H ư ng	Th Ba	_____78_____	E2-110	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
9	IEWR130226_02CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr ư ng Th Hoa	Th Hai	_____78_____	E2-110	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	INFT130150E_01CLC		Introduction to Food Technology (2+1)	3	LT	Tr ỉ nh Kh ẽ nh S hn	Th T ệ	_____7890_____	A3-303	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
11	LLCT150105E_03CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tr f n Th Th ị o	Th T ệ	12345_____	A4-401	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
12	MATH132401E_02CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th S ụ	123_____	A2-203	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
13	OCHE120450E_02CLC		Organic Chemistry	2	LT	Ho ẽ ng Minh H ị o	Th Hai	12_____	A3-403	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19116CLA2 (Số S: 16) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 01/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) điền cho mình tuần học).

Kiểm tra 15 phút (điền vào tuần học) hoặc kiểm tra 1 giờ (điền vào tuần học) 11, 21 cột hoặc kiểm tra.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_05CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Phong Vinh	Thị Ba	45	05S12	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
15	PHYS130902E_02CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Văn Chí	Thị Lâm	123	A2-203	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)

H' c k8: 01 - N' m h' c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃b̃ĩ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_04CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th' Kim Thu	Th Hai	123_____	E2-109	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
2	EHQT230237E_04CLC		Academic English 2	3	LT	L° Ph°ng Anh	Th Ba	_____789_____	E2-106	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_01CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy n Tr°ng Shn	Th B'ỹ	_____789_____	A2-103	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
4	ICET335064E_01CLC		Introduction to CET (2+1)	3	LT	Tr°ng Ng c Shn	Th S'ũ	1234_____	E1-406	__234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
5	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Ph°ng B'ĩ Ngo'ũ	Th Hai	_____012_____	E2-108	__34567890123456_____ (02/09/2019->02/12/2019)
6	IELI130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Ph°ng B'ĩ Ngo'ũ	Th T°	123_____	A3-207	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
7	IELI130226_03CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Vĩ B'nh Minh	Th N'ũm	123_____	E2-106	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th' Ng'ũ Vang	Th Ba	_____01_____	E2-107	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
9	IERE130226_03CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Th' Thanh H'	Th N'ũm	___45_____	E2-106	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th B'ỹ	123_____	E2-101	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
11	IESP130226_03CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th T°	_____012_____	E2-107	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Ph°ng Th' Thanh H'ũng	Th N'ũm	_____01_____	E2-107	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
13	IEWR130226_03CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr°ng Linh Trang	Th N'ũm	_____78_____	E2-108	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19119CLA1 (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Sư phạm
Tên sinh viên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)
Mã số sinh viên: 12345678901234567... (trong cột sinh viên để nhập cho môn học)
Kỳ thi: 1 lần thi để nhập môn học, a là mã số. Các kỳ thi 1 lần thi (nếu có) để nhập môn học 11, 21 là mã số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên sinh viên
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_03CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị	12345	A4-401	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
15	MATH132401E_01CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị	123	E1-511	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
16	PHED110513E_11CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Văn Tuấn	Thị	45	05SVD10	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
17	PHYS130902E_03CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị	789	A4-404	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)

THẺ KHẨU A BILINGUAL P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19119CLA2 (Số S: 20) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên và họ của sinh viên: (tên họ)

Mã số sinh viên: 12345678901234567... (trong cột mã số sinh viên)

Mã số môn học: 12345678901234567... (trong cột mã số môn học)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học
1	EHQT130137E_04CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Hai	1234567890123456	E2-109	123456789012345678901234
2	EHQT230237E_04CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Ba	1234567890123456	E2-106	123456789012345678901234
3	GCHE130603E_01CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Trần Ngọc Sơn	Thị Bội	1234567890123456	A2-103	123456789012345678901234
4	ICET335064E_01CLC		Introduction to CET (2+1)	3	LT	Trần Ngọc Sơn	Thị Sầu	1234567890123456	E1-406	123456789012345678901234
5	IEL130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Sơn	Thị Hai	1234567890123456	E2-108	123456789012345678901234
6	IEL130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Sơn	Thị Tươi	1234567890123456	A3-207	123456789012345678901234
7	IEL130226_03CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phan Văn Bình Minh	Thị Năm	1234567890123456	E2-106	123456789012345678901234
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Ba	1234567890123456	E2-107	123456789012345678901234
9	IERE130226_03CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Thị Thanh Hương	Thị Năm	1234567890123456	E2-106	123456789012345678901234
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bội	1234567890123456	E2-101	123456789012345678901234
11	IESP130226_03CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Tươi	1234567890123456	E2-107	123456789012345678901234
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị Năm	1234567890123456	E2-107	123456789012345678901234
13	IEWR130226_03CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Linh Trang	Thị Năm	1234567890123456	E2-108	123456789012345678901234

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19119CLA2 (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tên học sinh: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Chức vụ: Môn kiểm tra, đánh giá 12345678901234567... (trong cột học sinh) để nhận cho môn tự luận.

Kiểm tra 1 lần từ ngày nhận bài tự luận theo hình thức, a) hình thức. Các kiểm tra 1 lần/tuần (nếu có) để nhận bài tự luận 11, 21 của hình thức.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_03CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Thị Thảo	Thị	12345_____	A4-401	234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
15	MATH132401E_01CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị	123_____	E1-511	345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
16	PHED110513E_11CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Văn Tuấn	Thị	45_____	05SVD10	234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
17	PHYS130902E_03CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị	789_____	A4-404	345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)

THỜI KHÓA BIỂU
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19161CLA1 (Số S: 23) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 1 (từ 01/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra cuối năm để nhận thông tin khóa học, a học kỳ. Các khóa học 1 và 2 (nội dung) để nhận thông tin 11, 21 và học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_04CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Hai	123_____	E2-109	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
2	EHQT230237E_04CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phạm Anh	Thị Ba	_____789_____	E2-106	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_04CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Tê	_____789_____	A2-103	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IECE130564E_01CLC		Introduction to ECET (Kỹ Thuật)	3	LT	Trần Thu Hương	Thị Ba	1234_____	E1-408	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
5	IEL1130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thị Hai	_____012_____	E2-108	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
6	IEL1130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thị Tê	123_____	A3-207	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
7	IEL1130226_03CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phạm Văn Bình Minh	Thị Năm	123_____	E2-106	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Ba	_____01_____	E2-107	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
9	IERE130226_03CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Thị Thanh Hương	Thị Năm	_____45_____	E2-106	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bảy	123_____	E2-101	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
11	IESP130226_03CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Tê	_____012_____	E2-107	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị Năm	_____01_____	E2-107	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
13	IEWR130226_03CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Linh Trang	Thị Năm	_____78_____	E2-108	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẨU A B C D E F
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Là p: 19161CLA1 (Số S: 23) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ
Tuần học: 15 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra của bạn 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập cho máy tính.

Kiểm tra 15 phút tiến hành kiểm tra, a là c k8. Các kiểm tra 15 phút (nội dung) để nhập tuần học 11, 21 của a là c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_09CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Thị Tân	12345_____	A4-201	234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
15	MATH132401E_06CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Sơn	123_____	A4-404	345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
16	PHED110513E_06CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Hải	45_____	05S12	234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
17	PHYS130902E_03CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị Hải	789_____	A4-404	345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)

THỜI KHÓA BIỂU
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19161CLA2 (Số S: 19) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học: 1 (từ 02/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa 12345678901234567... (trong cột mã khóa) để nhận thông tin khóa.

Kiểm tra cuối năm để nhận thông tin khóa, các khóa 1 và 2 (nếu có) để nhận thông tin khóa 11, 21 và các khóa.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_04CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Hai	123_____	E2-109	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
2	EHQT230237E_04CLC		Academic English 2	3	LT	Lê Phạm Anh	Thị Ba	_____789_____	E2-106	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_04CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Tê	_____789_____	A2-103	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
4	IECE130564E_01CLC		Introduction to ECET (Kỹ Thuật)	3	LT	Trần Thu Hương	Thị Ba	1234_____	E1-408	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)
5	IEL1130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thị Hai	_____012_____	E2-108	34567890123456 (02/09/2019->02/12/2019)
6	IEL1130126_03CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thị Tê	123_____	A3-207	_____7_____ (11/12/2019->11/12/2019)
7	IEL1130226_03CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Phạm Văn Bình Minh	Thị Năm	123_____	E2-106	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
8	IERE130126_03CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Ba	_____01_____	E2-107	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
9	IERE130226_03CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Thị Thanh Hương	Thị Năm	_____45_____	E2-106	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
10	IESP130126_03CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bảy	123_____	E2-101	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
11	IESP130226_03CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Tê	_____012_____	E2-107	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
12	IEWR130126_03CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị Năm	_____01_____	E2-107	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
13	IEWR130226_03CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Linh Trang	Thị Năm	_____78_____	E2-108	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)

THẪM ĐỊNH KẾ A B C D E F G H I J K L M N O P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19161CLA2 (Số S: 19) - Khoa: Sư phạm Giáo dục

Tuần học: 15 (từ 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột số sinh viên) điền cho mình để kiểm tra.

Kiểm tra 15 phút cuối cùng của học kỳ. Các kiểm tra 15 phút (nếu có) điền để kiểm tra 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_09CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Thị Tân	12345_____	A4-201	234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
15	MATH132401E_06CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Sơn	123_____	A4-404	345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
16	PHED110513E_06CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị Hải	45_____	05S12	234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
17	PHYS130902E_03CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị Hải	789_____	A4-404	345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)

THẪM KHẢO BAN LUYỆN P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19145CLA1 (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học 1: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số bài tập: 12345678901234567... (trong cột bài tập) để nhận bài tập về nhà.

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ bài tập: 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91, 101, 111, 121, 131, 141, 151, 161, 171, 181, 191, 201, 211, 221, 231, 241, 251, 261, 271, 281, 291, 301, 311, 321, 331, 341, 351, 361, 371, 381, 391, 401, 411, 421, 431, 441, 451, 461, 471, 481, 491, 501, 511, 521, 531, 541, 551, 561, 571, 581, 591, 601, 611, 621, 631, 641, 651, 661, 671, 681, 691, 701, 711, 721, 731, 741, 751, 761, 771, 781, 791, 801, 811, 821, 831, 841, 851, 861, 871, 881, 891, 901, 911, 921, 931, 941, 951, 961, 971, 981, 991, 1001, 1011, 1021, 1031, 1041, 1051, 1061, 1071, 1081, 1091, 1101, 1111, 1121, 1131, 1141, 1151, 1161, 1171, 1181, 1191, 1201, 1211, 1221, 1231, 1241, 1251, 1261, 1271, 1281, 1291, 1301, 1311, 1321, 1331, 1341, 1351, 1361, 1371, 1381, 1391, 1401, 1411, 1421, 1431, 1441, 1451, 1461, 1471, 1481, 1491, 1501, 1511, 1521, 1531, 1541, 1551, 1561, 1571, 1581, 1591, 1601, 1611, 1621, 1631, 1641, 1651, 1661, 1671, 1681, 1691, 1701, 1711, 1721, 1731, 1741, 1751, 1761, 1771, 1781, 1791, 1801, 1811, 1821, 1831, 1841, 1851, 1861, 1871, 1881, 1891, 1901, 1911, 1921, 1931, 1941, 1951, 1961, 1971, 1981, 1991, 2001, 2011, 2021, 2031, 2041, 2051, 2061, 2071, 2081, 2091, 2101, 2111, 2121, 2131, 2141, 2151, 2161, 2171, 2181, 2191, 2201, 2211, 2221, 2231, 2241, 2251, 2261, 2271, 2281, 2291, 2301, 2311, 2321, 2331, 2341, 2351, 2361, 2371, 2381, 2391, 2401, 2411, 2421, 2431, 2441, 2451, 2461, 2471, 2481, 2491, 2501, 2511, 2521, 2531, 2541, 2551, 2561, 2571, 2581, 2591, 2601, 2611, 2621, 2631, 2641, 2651, 2661, 2671, 2681, 2691, 2701, 2711, 2721, 2731, 2741, 2751, 2761, 2771, 2781, 2791, 2801, 2811, 2821, 2831, 2841, 2851, 2861, 2871, 2881, 2891, 2901, 2911, 2921, 2931, 2941, 2951, 2961, 2971, 2981, 2991, 3001, 3011, 3021, 3031, 3041, 3051, 3061, 3071, 3081, 3091, 3101, 3111, 3121, 3131, 3141, 3151, 3161, 3171, 3181, 3191, 3201, 3211, 3221, 3231, 3241, 3251, 3261, 3271, 3281, 3291, 3301, 3311, 3321, 3331, 3341, 3351, 3361, 3371, 3381, 3391, 3401, 3411, 3421, 3431, 3441, 3451, 3461, 3471, 3481, 3491, 3501, 3511, 3521, 3531, 3541, 3551, 3561, 3571, 3581, 3591, 3601, 3611, 3621, 3631, 3641, 3651, 3661, 3671, 3681, 3691, 3701, 3711, 3721, 3731, 3741, 3751, 3761, 3771, 3781, 3791, 3801, 3811, 3821, 3831, 3841, 3851, 3861, 3871, 3881, 3891, 3901, 3911, 3921, 3931, 3941, 3951, 3961, 3971, 3981, 3991, 4001, 4011, 4021, 4031, 4041, 4051, 4061, 4071, 4081, 4091, 4101, 4111, 4121, 4131, 4141, 4151, 4161, 4171, 4181, 4191, 4201, 4211, 4221, 4231, 4241, 4251, 4261, 4271, 4281, 4291, 4301, 4311, 4321, 4331, 4341, 4351, 4361, 4371, 4381, 4391, 4401, 4411, 4421, 4431, 4441, 4451, 4461, 4471, 4481, 4491, 4501, 4511, 4521, 4531, 4541, 4551, 4561, 4571, 4581, 4591, 4601, 4611, 4621, 4631, 4641, 4651, 4661, 4671, 4681, 4691, 4701, 4711, 4721, 4731, 4741, 4751, 4761, 4771, 4781, 4791, 4801, 4811, 4821, 4831, 4841, 4851, 4861, 4871, 4881, 4891, 4901, 4911, 4921, 4931, 4941, 4951, 4961, 4971, 4981, 4991, 5001, 5011, 5021, 5031, 5041, 5051, 5061, 5071, 5081, 5091, 5101, 5111, 5121, 5131, 5141, 5151, 5161, 5171, 5181, 5191, 5201, 5211, 5221, 5231, 5241, 5251, 5261, 5271, 5281, 5291, 5301, 5311, 5321, 5331, 5341, 5351, 5361, 5371, 5381, 5391, 5401, 5411, 5421, 5431, 5441, 5451, 5461, 5471, 5481, 5491, 5501, 5511, 5521, 5531, 5541, 5551, 5561, 5571, 5581, 5591, 5601, 5611, 5621, 5631, 5641, 5651, 5661, 5671, 5681, 5691, 5701, 5711, 5721, 5731, 5741, 5751, 5761, 5771, 5781, 5791, 5801, 5811, 5821, 5831, 5841, 5851, 5861, 5871, 5881, 5891, 5901, 5911, 5921, 5931, 5941, 5951, 5961, 5971, 5981, 5991, 6001, 6011, 6021, 6031, 6041, 6051, 6061, 6071, 6081, 6091, 6101, 6111, 6121, 6131, 6141, 6151, 6161, 6171, 6181, 6191, 6201, 6211, 6221, 6231, 6241, 6251, 6261, 6271, 6281, 6291, 6301, 6311, 6321, 6331, 6341, 6351, 6361, 6371, 6381, 6391, 6401, 6411, 6421, 6431, 6441, 6451, 6461, 6471, 6481, 6491, 6501, 6511, 6521, 6531, 6541, 6551, 6561, 6571, 6581, 6591, 6601, 6611, 6621, 6631, 6641, 6651, 6661, 6671, 6681, 6691, 6701, 6711, 6721, 6731, 6741, 6751, 6761, 6771, 6781, 6791, 6801, 6811, 6821, 6831, 6841, 6851, 6861, 6871, 6881, 6891, 6901, 6911, 6921, 6931, 6941, 6951, 6961, 6971, 6981, 6991, 7001, 7011, 7021, 7031, 7041, 7051, 7061, 7071, 7081, 7091, 7101, 7111, 7121, 7131, 7141, 7151, 7161, 7171, 7181, 7191, 7201, 7211, 7221, 7231, 7241, 7251, 7261, 7271, 7281, 7291, 7301, 7311, 7321, 7331, 7341, 7351, 7361, 7371, 7381, 7391, 7401, 7411, 7421, 7431, 7441, 7451, 7461, 7471, 7481, 7491, 7501, 7511, 7521, 7531, 7541, 7551, 7561, 7571, 7581, 7591, 7601, 7611, 7621, 7631, 7641, 7651, 7661, 7671, 7681, 7691, 7701, 7711, 7721, 7731, 7741, 7751, 7761, 7771, 7781, 7791, 7801, 7811, 7821, 7831, 7841, 7851, 7861, 7871, 7881, 7891, 7901, 7911, 7921, 7931, 7941, 7951, 7961, 7971, 7981, 7991, 8001, 8011, 8021, 8031, 8041, 8051, 8061, 8071, 8081, 8091, 8101, 8111, 8121, 8131, 8141, 8151, 8161, 8171, 8181, 8191, 8201, 8211, 8221, 8231, 8241, 8251, 8261, 8271, 8281, 8291, 8301, 8311, 8321, 8331, 8341, 8351, 8361, 8371, 8381, 8391, 8401, 8411, 8421, 8431, 8441, 8451, 8461, 8471, 8481, 8491, 8501, 8511, 8521, 8531, 8541, 8551, 8561, 8571, 8581, 8591, 8601, 8611, 8621, 8631, 8641, 8651, 8661, 8671, 8681, 8691, 8701, 8711, 8721, 8731, 8741, 8751, 8761, 8771, 8781, 8791, 8801, 8811, 8821, 8831, 8841, 8851, 8861, 8871, 8881, 8891, 8901, 8911, 8921, 8931, 8941, 8951, 8961, 8971, 8981, 8991, 9001, 9011, 9021, 9031, 9041, 9051, 9061, 9071, 9081, 9091, 9101, 9111, 9121, 9131, 9141, 9151, 9161, 9171, 9181, 9191, 9201, 9211, 9221, 9231, 9241, 9251, 9261, 9271, 9281, 9291, 9301, 9311, 9321, 9331, 9341, 9351, 9361, 9371, 9381, 9391, 9401, 9411, 9421, 9431, 9441, 9451, 9461, 9471, 9481, 9491, 9501, 9511, 9521, 9531, 9541, 9551, 9561, 9571, 9581, 9591, 9601, 9611, 9621, 9631, 9641, 9651, 9661, 9671, 9681, 9691, 9701, 9711, 9721, 9731, 9741, 9751, 9761, 9771, 9781, 9791, 9801, 9811, 9821, 9831, 9841, 9851, 9861, 9871, 9881, 9891, 9901, 9911, 9921, 9931, 9941, 9951, 9961, 9971, 9981, 9991, 10001, 10011, 10021, 10031, 10041, 10051, 10061, 10071, 10081, 10091, 10101, 10111, 10121, 10131, 10141, 10151, 10161, 10171, 10181, 10191, 10201, 10211, 10221, 10231, 10241, 10251, 10261, 10271, 10281, 10291, 10301, 10311, 10321, 10331, 10341, 10351, 10361, 10371, 10381, 10391, 10401, 10411, 10421, 10431, 10441, 10451, 10461, 10471, 10481, 10491, 10501, 10511, 10521, 10531, 10541, 10551, 10561, 10571, 10581, 10591, 10601, 10611, 10621, 10631, 10641, 10651, 10661, 10671, 10681, 10691, 10701, 10711, 10721, 10731, 10741, 10751, 10761, 10771, 10781, 10791, 10801, 10811, 10821, 10831, 10841, 10851, 10861, 10871, 10881, 10891, 10901, 10911, 10921, 10931, 10941, 10951, 10961, 10971, 10981, 10991, 11001, 11011, 11021, 11031, 11041, 11051, 11061, 11071, 11081, 11091, 11101, 11111, 11121, 11131, 11141, 11151, 11161, 11171, 11181, 11191, 11201, 11211, 11221, 11231, 11241, 11251, 11261, 11271, 11281, 11291, 11301, 11311, 11321, 11331, 11341, 11351, 11361, 11371, 11381, 11391, 11401, 11411, 11421, 11431, 11441, 11451, 11461, 11471, 11481, 11491, 11501, 11511, 11521, 11531, 11541, 11551, 11561, 11571, 11581, 11591, 11601, 11611, 11621, 11631, 11641, 11651, 11661, 11671, 11681, 11691, 11701, 11711, 11721, 11731, 11741, 11751, 11761, 11771, 11781, 11791, 11801, 11811, 11821, 11831, 11841, 11851, 11861, 11871, 11881, 11891, 11901, 11911, 11921, 11931, 11941, 11951, 11961, 11971, 11981, 11991, 12001, 12011, 12021, 12031, 12041, 12051, 12061, 12071, 12081, 12091, 12101, 12111, 12121, 12131, 12141, 12151, 12161, 12171, 12181, 12191, 12201, 12211, 12221, 12231, 12241, 12251, 12261, 12271, 12281, 12291, 12301, 12311, 12321, 12331, 12341, 12351, 12361, 12371, 12381, 12391, 12401, 12411, 12421, 12431, 12441, 12451, 12461, 12471, 12481, 12491, 12501, 12511, 12521, 12531, 12541, 12551, 12561, 12571, 12581, 12591, 12601, 12611, 12621, 12631, 12641, 12651, 12661, 12671, 12681, 12691, 12701, 12711, 12721, 12731, 12741, 12751, 12761, 12771, 12781, 12791, 12801, 12811, 12821, 12831, 12841, 12851, 12861, 12871, 12881, 12891, 12901, 12911, 12921, 12931, 12941, 12951, 12961, 12971, 12981, 12991, 13001, 13011, 13021, 13031, 13041, 13051, 13061, 13071, 13081, 13091, 13101, 13111, 13121, 13131, 13141, 13151, 13161, 13171, 13181, 13191, 13201, 13211, 13221, 13231, 13241, 13251, 13261, 13271, 13281, 13291, 13301, 13311, 13321, 13331, 13341, 13351, 13361, 13371, 13381, 13391, 13401, 13411, 13421, 13431, 13441, 13451, 13461, 13471, 13481, 13491, 13501, 13511, 13521, 13531, 13541, 13551, 13561, 13571, 13581, 13591, 13601, 13611, 13621, 13631, 13641, 13651, 13661, 13671, 13681, 13691, 13701, 13711, 13721, 13731, 13741, 13751, 13761, 13771, 13781, 13791, 13801, 13811, 13821, 13831, 13841, 13851, 13861, 13871, 13881, 13891, 13901, 13911, 13921, 13931, 13941, 13951, 13961, 13971, 13981, 13991, 14001, 14011, 14021, 14031, 14041, 14051, 14061, 14071, 14081, 14091, 14101, 14111, 14121, 14131, 14141, 14151, 14161, 14171, 14181, 14191, 14201, 14211, 14221, 14231, 14241, 14251, 14261, 14271, 14281, 14291, 14301, 14311, 14321, 14331, 14341, 14351, 14361, 14371, 14381, 14391, 14401, 14411, 14421, 14431, 14441, 14451, 14461, 14471, 14481, 14491, 14501, 14511, 14521, 14531, 14541, 14551, 14561, 14571, 14581, 14591, 14601, 14611, 14621, 14631, 14641, 14651, 14661, 14671, 14681, 14691, 14701, 14711, 14721, 14731, 14741, 14751, 14761, 14771, 14781, 14791, 14801, 14811, 14821, 14831, 14841, 14851, 14861, 14871, 14881, 14891, 14901, 14911, 14921, 14931, 14941, 14951, 14961, 14971, 14981, 14991, 15001, 15011, 15021, 15031, 15041, 15051, 15061, 15071, 15081, 15091, 15101, 15111, 15121, 15131, 15141, 15151, 15161, 15171, 15181, 15191, 15201, 15211, 15221, 15231, 15241, 15251, 15261, 15271, 15281, 15291, 15301, 15311, 15321, 15331, 15341, 15351, 15361, 15371, 15381, 15391, 15401, 15411, 15421, 15431, 15441, 15451, 15461, 15471, 15481, 15491, 15501, 15511, 15521, 15531, 15541, 15551, 15561, 15571, 15581, 15591, 15601, 15611, 15621, 15631, 15641, 15651, 15661, 15671, 15681, 15691, 15701, 15711, 15721, 15731, 15741, 15751, 15761, 15771, 15781, 15791, 15801, 15811, 15821, 15831, 15841, 15851, 15861, 15871, 15881, 15891, 15901, 15911, 15921, 15931, 15941, 15951, 15961, 15971, 15981, 15991, 16001, 16011, 16021, 16031, 16041, 16051, 16061, 16071, 16081, 16091, 16101, 16111, 16121, 16131, 16141, 16151, 16161, 16171, 16181, 16191, 16201, 16211, 16221, 16231, 16241, 16251, 16261, 16271, 16281, 16291, 16301, 16311, 16321, 16331, 16341, 16351, 16361, 16371, 16381, 16391, 16401, 16411, 16421, 16431, 16441, 16451, 16461, 16471, 16481, 16491, 16501, 16511, 16521, 16531, 16541, 16551, 16561, 16571, 16581, 16591, 16601, 16611, 16621, 16631, 16641, 16651, 16661, 16671, 16681, 16691, 16701, 16711, 16721, 16731, 16741, 16751, 16761, 16771, 16781, 16791, 16801, 16811, 16821, 16831, 16841, 16851, 16861, 16871, 16881, 16891, 16901, 16911, 16921, 16931, 16941, 16951, 16961, 16971, 16981, 16991, 17001, 17011, 17021, 17031, 17041, 17051, 17061, 17071, 17081, 17091, 17101, 17111, 17121, 17131, 17141, 17151, 17161, 17171, 17181, 17191, 17201, 17211, 17221, 17231, 17241, 17251, 17261, 17271, 17281, 17291, 17301, 17311, 17321, 17331, 17341, 17351, 17361, 17371, 17381, 17391, 17401, 17411, 17421, 17431, 17441, 17451, 17461, 17471, 17481, 17491, 17501, 17511, 17521, 17531, 17541, 17551, 17561, 17571, 17581, 17591, 17601, 17611, 17621, 17631, 17641, 17651, 17661, 17671, 17681, 17691, 17701, 17711, 17721, 17731, 17741, 17751, 17761, 17771, 17781, 17791, 17801, 17811, 17821, 17831, 17841, 17851, 17861, 17871, 17881, 17891, 17901, 17911, 17921, 17931, 17941, 17951, 17961, 17971, 17981, 17991, 18001, 18011, 18021, 18031, 18041, 18051, 18061, 18071, 18081, 18091, 18101, 18111, 18121, 18131, 18141, 18151, 18161, 18171, 18181, 18191, 18201, 18211, 18221, 18231, 18241, 18251, 18261, 18271, 18281, 18291, 18301, 18311, 18321, 18331, 18341, 18351, 18361, 18371, 18381, 18391, 18401, 18411, 18421, 18431, 18441, 18451, 18461, 18471, 18481, 18491, 18501, 18511, 18521, 18531, 18541, 18551, 18561, 18571, 18581, 18591, 18601, 18611, 18621, 18631, 18641, 18651, 18661, 18671, 18681, 18691, 187

THẺ I KHẾ A BILU LP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19145CLA1 (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm

Tên họ và họ đệm: Lê Văn (12/08/2019)

Quê: Mã số quê: a d e y 12345678901234567... (trong cột tu học h c) để n t cho m t tu học l .

Kiểm 1 Lữ ti n đi n t tu học th nh h c, a h c k8. Các kiểm 1 k t i p (n t c) để n t tu học th 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti t 1234567890123456	Phòng	Tu học h c 123456789012345678901234
14	MATH132401E_0 4CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th N m	____789____	A2-103	__345678901234567____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_1 3CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Mạnh Hùng	Th N m	____01____	05SVD11	_234567890123456____ (29/08/2019->05/12/2019)
16	PHYS130902E_0 4CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Th T e	__345____	A2-203	__345678901234567____ (04/09/2019->11/12/2019)

TH' I KHč A BIqU L, P

H' c k8: 01 - NŁm h' c: 2019-2020

L_x p: 19145CLA2 (S_qS' : 22) - Khoa: n T ch B l l Ğ ng cao

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
1	EHQT130137E_06CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th' Kim Thu	Th. Hai	1234567890123456	E2-107	123456789012345678901234
2	EHQT230237E_06CLC		Academic English 2	3	LT	Ph°m Ng c Duy	Th. Bly	123	E2-107	123456789012345678901234
3	GCHE130603E_02CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy. n Tr°ng Shn	Th. Bly	123	A2-304	123456789012345678901234
4	IEL130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy. n Trung Hi/Ju	Th. Ssu	123	E2-107	123456789012345678901234
5	IEL130226_05CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	L° Th' Thanh H°	Th. T°	123	E2-109	123456789012345678901234
6	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th' Ng°n Vang	Th. Hai	12	E2-111	123456789012345678901234
7	IERE130226_05CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Ph°ng Anh	Th. Ba	123	E2-108	123456789012345678901234
8	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. Bly	123	E2-102	123456789012345678901234
9	IESP130226_05CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. Hai	123	E2-108	123456789012345678901234
10	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	°nh Th' Thanh H°ng	Th. T°	123	E2-108	123456789012345678901234
11	IEWR130226_05CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr°nh Th' Giang Thanh	Th. Hai	123	E2-103	123456789012345678901234
12	INAT130130E_01CLC		Introduction to Automotive Engineering	3	LT	Nguy. n VLn Tr°ng	Th. Ba	12345	E1-506	123456789012345678901234
13	LLCT150105E_06CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tr°nh Ng c Chung	Th. Nlm	12345	A2-303	123456789012345678901234

THẺ I KHẾ A BILU L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19145CLA2 (Số S' : 22) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (12/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (trong các môn học) dạy các môn Vật lý.

Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo các môn học, các bài kiểm tra, các bài thi (nếu có) để nhận xét và đánh giá.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Ti/đ	Phòng	Tên học sinh
14	MATH132401E_04CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Lâm	1234567890123456 _____789_____	A2-103	123456789012345678901234 ____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_13CLC		Physical Education 1	1	LT	Trần Minh Hùng	Thị Lâm	_____01_____	05SVD11	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
16	PHYS130902E_04CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị Tươi	____345_____	A2-203	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)

THẪM ĐỊNH A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19145CLA3 (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học 15: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận cho môn học.

Kiểm tra 15 phút để nhận điểm thi học kỳ, a h c k8. Các kiểm tra 15 phút (nội dung) để nhận thi 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_06CLC		Academic English 1	3	LT	Lê Thị Kim Thu	Thị Hai	_____012_____	E2-107	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
2	EHQT230237E_06CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Ngọc Duy	Thị Bìy	123_____	E2-107	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
3	GCHE130603E_02CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Trần Ngọc Sơn	Thị Bìy	_____012_____	A2-304	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
4	IELI130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hiên	Thị Sầu	123_____	E2-107	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
5	IELI130226_05CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Lê Thị Thanh Hương	Thị T-Đ	_____789_____	E2-109	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
6	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Hai	12_____	E2-111	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
7	IERE130226_05CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị Ba	_____01_____	E2-108	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bìy	_____789_____	E2-102	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
9	IESP130226_05CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Hai	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị T-Đ	_____01_____	E2-108	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
11	IEWR130226_05CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Giang Thanh	Thị Hai	____45_____	E2-103	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
12	INAT130130E_02CLC		Introduction to Automotive Engineering	3	LT	Đặng Tuấn Kiệt	Thị Ba	1234_____	E2-111	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
13	LLCT150105E_06CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Năm	12345_____	A2-303	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19145CLA3 (Số S' : 20) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng (Mã số sinh viên: 12345678901234567890)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số giảng viên: 12345678901234567890)

Kiểm tra 1 lần tính đến ngày thi cuối cùng, a học kỳ. Các kiểm tra 1 lần tính đến ngày thi 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tên họ và tên
14	MATH132401E_04CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Lâm	1234567890123456 _____789_____	A2-103	123456789012345678901234 ____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_08CLC		Physical Education 1	1	LT	Phạm Ngọc Hải	Thị Lâm	_____01_____	05SVD	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
16	PHYS130902E_04CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị Tươi	____345_____	A2-203	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P

Họ và tên: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19145CLA4 (Số S: 20) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên và họ của người học: 0 (12/08/2019)

Chức vụ: M, i kỹ thuật, a d 12345678901234567... (trong cột tu học h c) di n t cho m, t tu học l .

Kỹ thuật 1 Lữ hành di n t tu học th, nh h c, a h c k8. C 8 c kỹ thuật 1 k/lu (n/lu c) di n t tu học th, 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu học h c
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_06CLC		Academic English 1	3	LT	L° Th° Kim Thu	Th° Hai	_____012_____	E2-107	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
2	EHQT230237E_06CLC		Academic English 2	3	LT	Ph°m Ng° c Duy	Th° B°y	123_____	E2-107	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
3	GCHE130603E_02CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy° n Tr°ng Sh°n	Th° B°y	_____012_____	A2-304	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
4	IELI130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy° n Trung Hi/lu	Th° S°u	123_____	E2-107	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
5	IELI130226_05CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	L° Th° Thanh H°	Th° T°	_____789_____	E2-109	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
6	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th° Ng° Vang	Th° Hai	12_____	E2-111	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
7	IERE130226_05CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Ph°ng Anh	Th° Ba	_____01_____	E2-108	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
8	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th° B°y	_____789_____	E2-102	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
9	IESP130226_05CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th° Hai	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	°inh Th° Thanh H°ng	Th° T°	_____01_____	E2-108	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
11	IEWR130226_05CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr°nh Th° Giang Thanh	Th° Hai	____45_____	E2-103	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
12	INAT130130E_02CLC		Introduction to Automotive Engineering	3	LT	D°ng Tu°m T°ng	Th° Ba	1234_____	E2-111	____234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
13	LLCT150105E_06CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Tr°nh Ng° c Chung	Th° N°m	12345_____	A2-303	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19145CLA4 (Số S' : 20) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên họ và tên: Lê Văn Hùng

Mã số sinh viên: M, i mã số sinh viên 12345678901234567... (trong cột mã số sinh viên)

Mã số môn học: Mã số môn học 12345678901234567... (trong cột mã số môn học)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Ti	Phòng	Tên h c
14	MATH132401E_04CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Thị Lâm	1234567890123456 _____789_____	A2-103	123456789012345678901234 ____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_08CLC		Physical Education 1	1	LT	Phạm Văn Hùng	Thị Lâm	_____01_____	05SVD	____234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
16	PHYS130902E_04CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Quang Bình	Thị T	____345_____	A2-203	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)

THẺ KHẨU A BILU L P
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19146CLA1 (Số S: 23) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tên và họ của sinh viên: (tên họ)

Quê: Mã số sinh viên: 12345678901234567... (trong cột sinh viên của tờ khai)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ sinh viên theo học, a học k8. Các kiểm tra 1 lần (nội dung) định kỳ sinh viên 11, 21 của học k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tên học 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_07CLC		Academic English 1	3	LT	Huỳnh Hữu Dung	Thị Ba	_____012_____	E2-106	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_07CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Ba	123_____	E2-109	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_03CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Vinh Tiến	Thị Ba	_____789_____	A2-103	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bộ Ngoại	Thị T	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_06CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị S	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị B	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_06CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị S	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị S	_____012_____	E2-101	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_06CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị N	_____012_____	E2-106	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Số Tài Chính:	Thị S	__23_____	E2-108	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
11	INME130125E_03CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Phạm Bách Đạt	Thị T	__2345_____	NI ACADEMY	__234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
12	LLCT150105E_07CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Hai	12345_____	A2-402	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
13	MATH132401E_05CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Hai	_____789_____	A4-304	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19146CLA1 (Số S' : 23) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (từ ngày 08/08/2019)

Lưu ý: Mã số học sinh 12345678901234567... (trong cột học sinh) điền cho mình tự chọn.

Kiểm tra 15 phút nội dung kiến thức chuyên môn, các kỹ năng (nội dung) điền tự chọn 11, 21 các hạng.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_01CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Thị Hai	_____01_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
15	PHYS130902E_05CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Thị Lâm	_____789_____	A4-304	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19146CLA2 (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tên và họ của sinh viên: (tên họ)

Mã số sinh viên: 12345678901234567... (trong cột mã số của sinh viên)

Mã số môn học: 12345678901234567... (trong cột mã số của môn học)

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_07CLC		Academic English 1	3	LT	Huỳnh Hữu Dung	Thị Ba	012	E2-106	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_07CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Ba	123	E2-109	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_03CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Vinh Tiến	Thị Ba	789	A2-103	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bộ Ngoại	Thị T	789	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_06CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị S	789	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị B	45	E2-106	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_06CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị S	45	E2-106	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị S	012	E2-101	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_06CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị N	012	E2-106	345678901234567 (05/09/2019->12/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S. Thị Cẩm M:	Thị S	23	E2-108	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
11	INME130125E_03CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Phạm Bách Đạt	Thị T	2345	NI ACADEMY	234567890123456 (28/08/2019->04/12/2019)
12	LLCT150105E_07CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Hai	12345	A2-402	234567890123456 (26/08/2019->02/12/2019)
13	MATH132401E_05CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Hai	789	A4-304	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19146CLA2 (Số S: 24) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 01/08/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã số: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập cho mục tương ứng).

Kiểm tra 15 phút tiến hành kiểm tra theo nội dung, a) Mã số. Các kiểm tra 15 phút (nếu có) để nhập tuần học 11, 21 và a) Mã số.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_01CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Thị Hai	_____01_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
15	PHYS130902E_05CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Thị Lâm	_____789_____	A4-304	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẪI KHỎA BỎ LỖI
Hàng số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19146CLA3 (Số S: 22) - Khoa: Kỹ Thuật Công Nghệ

Tuần học thứ: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số tài liệu 12345678901234567... (trong cột tài liệu) để nhận cho môn học.

Kiểm tra cuối năm để nhận tài liệu theo hình thức. Các kiểm tra (nếu có) để nhận tài liệu theo hình thức 11, 21 và hình thức.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên 1234567890123456	Phòng	Tuần học 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_07CLC		Academic English 1	3	LT	Huỳnh Hữu Dung	Thị Ba	_____012_____	E2-106	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_07CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Ba	123_____	E2-109	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
3	GCHE130603E_03CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Vinh Tiến	Thị Ba	_____789_____	A2-103	____345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
4	IELI130126_04CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Bộ Ngoại	Thị Trẻ	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
5	IELI130226_06CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị Sầu	_____789_____	E2-108	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IERE130126_04CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Bội	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
7	IERE130226_06CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phương Anh	Thị Sầu	____45_____	E2-106	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
8	IESP130126_04CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Sầu	_____012_____	E2-101	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130226_06CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Năm	_____012_____	E2-106	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
10	IEWR130126_04CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Số Tài Chí M:	Thị Sầu	__23_____	E2-108	____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
11	INME130125E_04CLC		Introduction to Mechanical Engineering	3	LT	Phạm Bách Đông	Thị Năm	1234_____	NI ACADEMY	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
12	LLCT150105E_07CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Trần Ngọc Chung	Thị Hai	12345_____	A2-402	__234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
13	MATH132401E_05CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Hai	_____789_____	A4-304	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19146CLA3 (Số S: 22) - Khoa: Sư phạm Thể dục và Thể thao

Tuần học: 15 (Ngày: 08/12/2019)

Chức vụ: Giảng viên (Mã: 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập cho môn thể dục).

Kiểm tra 15 phút (để nhập tên giảng viên, học kỳ, Số kiểm tra 15 phút (nếu có) để nhập tuần học 11, 21 của học kỳ).

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	PHED110513E_01CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Ngọc Thảo	Thị Hai	_____01_____	05SVD1	_____234567890123456_____ (26/08/2019->02/12/2019)
15	PHYS130902E_05CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Thị Lâm	_____789_____	A4-304	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẪM ĐỊNH KHẢO SÁT

Học kỳ: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19147CLA1 (Số S: 20) - Khoa: Sư phạm Tiếng Anh

Tuần học: Tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã kiểm tra duy nhất 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhập vào phần mềm.

Kiểm tra 1 lần trên địa điểm thi, không có học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nếu có) để nhập vào phần mềm 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_08CLC		Academic English 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Tân	123_____	E2-107	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_08CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Hải	_____012_____	E2-106	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
3	GCHE130603E_05CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị Hải	__345_____	A2-103	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
4	GELA220405E_03CLC		General law	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị Sơn	_____01_____	A2-401	234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	IELI130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị Sơn	123_____	E2-107	345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
6	IELI130226_05CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Lê Thị Thanh Hương	Thị Tân	_____789_____	E2-109	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
7	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Hải	12_____	E2-111	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
8	IERE130226_05CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị Ba	_____01_____	E2-108	345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
9	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bình	_____789_____	E2-102	345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
10	IESP130226_05CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Hải	_____789_____	E2-108	345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
11	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị Tân	_____01_____	E2-108	345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
12	INTE130132E_01CLC		Introduction to thermal engineering technology (2+1)	3	LT	Nguyễn Hoàng Sơn	Thị Năm	1234_____	A3-303	234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
13	LLCT150105E_08CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Thị Ba	12345_____	A2-402	234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdt Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Loài: Mối kẻ t. c. a d^{cy} 12345678901234567... (trong c. t tu^h h c) di n t^l cho m. t tu^h l.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃i c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th. _____	Ti/Th 1234567890123456	Phòng	Tu/Th h c 123456789012345678901234
14	MATH132401E_04CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. NLM	____789____	A2-103	____345678901234567____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_02CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Th. TĐ	____45____	05S12	____234567890123456____ (28/08/2019->04/12/2019)
16	PHYS130902E_01CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Th. NLM	____012____	A2-103	____345678901234567____ (05/09/2019->12/12/2019)

THÔNG BÁO

Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lưu ý: 19147CLA2 (Số: 18) - Khoa: Ngoại ngữ

Tên: Lưu ý (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số 12345678901234567... (trong số 12345678901234567...)

Kiểm tra 1 lần theo định kỳ 1 lần/tuần (1 lần/tuần) 11, 21 và 31 tháng

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tên học
1	EHQT130137E_08CLC		Academic English 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị	123	E2-107	12345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_08CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị	012	E2-106	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
3	GCHE130603E_05CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Thị	345	A2-103	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
4	GELA220405E_03CLC		General law	2	LT	Vũ Thị M: Hoàng	Thị	01	A2-401	1234567890123456 (30/08/2019->06/12/2019)
5	IELI130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hi	Thị	123	E2-107	12345678901234567 (06/09/2019->13/12/2019)
6	IELI130226_05CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Lê Thị Thanh H	Thị	789	E2-109	12345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
7	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị	12	E2-111	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
8	IERE130226_05CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị	01	E2-108	12345678901234567 (03/09/2019->10/12/2019)
9	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị	789	E2-102	12345678901234567 (07/09/2019->14/12/2019)
10	IESP130226_05CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị	789	E2-108	12345678901234567 (02/09/2019->09/12/2019)
11	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh H	Thị	01	E2-108	12345678901234567 (04/09/2019->11/12/2019)
12	INTE130132E_01CLC		Introduction to thermal engineering technology (2+1)	3	LT	Nguyễn Hoàng Sơn	Thị	1234	A3-303	1234567890123456 (29/08/2019->05/12/2019)
13	LLCT150105E_08CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quy	Thị	12345	A2-402	1234567890123456 (27/08/2019->03/12/2019)

H`c k8: 01 - NŁm h`c: 2019-2020

TuFn bdu Lfu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Loài: Mối kẻ t. c. a d^{cy} 12345678901234567... (trong c. t tu^h h c) di n t^l cho m. t tu^h l.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ nh̃B̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc k̃ĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tũFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th.	Ti/Th 1234567890123456	Phòng	Tu/Th h c 123456789012345678901234
14	MATH132401E_04CLC		Calculus I	3	LT	Lê Công Nhân	Th. NLM	_____789_____	A2-103	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
15	PHED110513E_02CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Th. TĐ	____45_____	05S12	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
16	PHYS130902E_01CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Ngọc Giang	Th. NLM	_____012_____	A2-103	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẪI KHẾ A BILU L, P
Hết k8: 01 - Nắm hết c: 2019-2020

L, p: 19149CLA1 (SốS' : 17) - Khoa: ệt T chấT ể ng cao

Tuần bđ Lữ h c k8: tuần 0 (12/08/2019)

Lưu ý: M, i kĩ t, c, a d«y 12345678901234567... (trong c, t tuần h c) d, n t, cho m, t tuần l, .

Kĩ t, 1 Lữ ti°n d, n t, tuần th, nhấT, a h c k8. C8c kĩ t, 1 kJti/p (nJti c) d, n t, tuần th, 11, 21 c, a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loũ HP	Tên CBGD	Th	TiJ 1234567890123456	Phòng	Tuần h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_08CLC		Academic English 1	3	LT	Nguy, n Ng c Anh Trang	Th, T-Đ	123_____	E2-107	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_08CLC		Academic English 2	3	LT	Phũn Vln Khanh	Th, Hai	_____012_____	E2-106	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
3	GCHE130603E_03CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy, n Vinh TiJh	Th, Ba	_____789_____	A2-103	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
4	ICET130117E_01CLC		Introduction to Civil and Industrial Constructions	3	LT	Nguy, n Trung Ki°n	Th, Nắm	1234_____	A3-307	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	IELI130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy, n Trung HiJti	Th, S8u	123_____	E2-107	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IELI130226_06CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguy, n Trung HiJti	Th, S8u	_____789_____	E2-108	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
7	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	L° Th' Ng@ Vang	Th, Hai	12_____	E2-111	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
8	IERE130226_06CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L° Ph-@ng Anh	Th, S8u	__45_____	E2-106	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th, Bly	_____789_____	E2-102	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
10	IESP130226_06CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th, Nắm	_____012_____	E2-106	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
11	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	ệ inh Th' Thanh H8ng	Th, T-Đ	_____01_____	E2-108	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
12	IEWR130226_06CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr-@ng Th' Hoa	Th, Ba	_____01_____	E2-113	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
13	LLCT150105E_08CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguy, n Th' QuyJh	Th, Ba	12345_____	A2-402	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19149CLA1 (Số S' : 17) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tuần học: 15 (từ ngày 02/09/2019 đến 09/09/2019)

Lưu ý: Mã số sinh viên phải ghi đầy đủ 12 số (trong đó số đầu tiên là số của trường).

Kiểm tra 15 phút cuối kỳ (tổng kết) của học kỳ 8. Các bài kiểm tra 15 phút (nội dung) đã nêu trong đề cương, 11, 21 của học kỳ 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	MATH132401E_05CLC		Calculus I	3	LT	L' Thị Mai Trang	Thị Hai	_____789_____	A4-304	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
15	PHED110513E_02CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị T'ê	__45_____	05S12	_234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
16	PHYS130902E_05CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Nguyễn Giang	Thị Năm	_____789_____	A4-304	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU LP
Hạng 8: 01 - Năm học: 2019-2020

Lp: 19149CLA2 (SốS: 17) - Khoa: Kỹ Thuật Công nghệ cao

Tuần bắt đầu từ: 0 (12/08/2019)

Lưu ý: Mã số khóa học 12345678901234567... (trong cột mã khóa học) để nhận thông tin khóa học.

Kiểm tra đầu tiên để nhận thông tin khóa học, a là hạng 8. Các khóa học 1 và 2 (nội dung) để nhận thông tin 11, 21 và a là hạng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	EHQT130137E_08CLC		Academic English 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Thị Tế	123_____	E2-107	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
2	EHQT230237E_08CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Văn Khanh	Thị Hai	_____012_____	E2-106	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
3	GCHE130603E_03CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Vinh Tiến	Thị Ba	_____789_____	A2-103	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
4	ICET130117E_01CLC		Introduction to Civil and Industrial Constructions	3	LT	Nguyễn Trung Kiên	Thị Năm	1234_____	A3-307	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
5	IEL130126_05CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị Sáu	123_____	E2-107	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
6	IEL130226_06CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Thị Sáu	_____789_____	E2-108	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
7	IERE130126_05CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Lê Thị Ngọc Vang	Thị Hai	12_____	E2-111	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
8	IERE130226_06CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Phạm Anh	Thị Sáu	__45_____	E2-106	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
9	IESP130126_05CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Thị Bảy	_____789_____	E2-102	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
10	IESP130226_06CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Thị Năm	_____012_____	E2-106	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)
11	IEWR130126_05CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thị Tế	_____01_____	E2-108	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
12	IEWR130226_06CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Thị Hoa	Thị Ba	_____01_____	E2-113	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
13	LLCT150105E_08CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Thị Ba	12345_____	A2-402	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILU L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19149CLA2 (Số S' : 17) - Khoa: Sư phạm Vật lý

Tên sinh viên: Lê Văn Hùng (Mã số: 1234567890123456789)

Quê: Mã số: 1234567890123456789 (trong cột mã số sinh viên)

Kiểm tra 1 lần từ ngày đến ngày thi học kỳ, a học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nội bộ) đến ngày thi học kỳ 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiền 1234567890123456	Phòng	Tên học 123456789012345678901234
14	MATH132401E_05CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Hai	_____789_____	A4-304	____345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
15	PHED110513E_02CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Hoàng Long	Thị T-Đ	____45_____	05S12	____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
16	PHYS130902E_05CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Trần Nguyễn Giang	Thị N-Đ	_____789_____	A4-304	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

TH' I KHč A BIqU L, P

H' c k8: 01 - NŁm h' c: 2019-2020

L_x p: 19151CLA1 (S_qS' : 30) - Khoa: nT chBilE ng cao

TuFn bdt LFu h` c k8: tuFn 0 (12/08/2019)

Leĩ: Mĩ kĩ tĩ cĩ a dũy 12345678901234567... (trong cĩ tũy hĩ cĩ) dũ nĩ cho mĩ tũy lĩ.

Kĩ t̃ 1 L̃Fu ti°n dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ nhB̃l̃ c̃, a h̃ c k8. C̃sc Kĩ t̃ 1 k̃Jtĩp̃ (ñJu c̃) dĩ n t̃l̃ tuFh th̃ 11, 21 c̃, a h̃ c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tu
1	EHQT130137E_09CLC		Academic English 1	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh Trang	Th. Ba	123_____	E2-110	_____
2	EHQT230237E_09CLC		Academic English 2	3	LT	Phạm Ngọc Duy	Th. Bìy	_____789_____	E2-107	_____
3	GCHE130603E_04CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguyễn Văn Sĩ	Th. T-E	_____789_____	A2-103	_____
4	IEAC130046E_01CLC		Introduction to Automation and Control Engineering Technology (2+1)	3	LT	Nguyễn Trần Minh Nguyệt	Th. S&u	_____7890_____	A3-207	_____
5	IELI130126_01CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguyễn Trung Hải	Th. Ba	_____789_____	E2-108	_____
6	IELI130226_01CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguyễn Thị Hồng	Th. Hai	_____789_____	E2-107	_____
7	IERE130126_01CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Nguyễn Thị Bích Duyên	Th. Bìy	_____23_____	E2-110	_____
8	IERE130226_01CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	Lê Thị Thanh Hồng	Th. Hai	_____01_____	E2-109	_____
9	IESP130126_01CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th. Hai	123_____	E2-101	_____
10	IESP130226_01CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th. Ba	_____012_____	E2-101	_____
11	IEWR130126_01CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S. Thị Cẩm M:	Th. Hai	_____45_____	E2-106	_____
12	IEWR130226_01CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Linh Trang	Th. N&m	_____90_____	E2-103	_____
13	LLCT150105E_09CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Th. T-E	12345_____	A4-201	_____

THẺ I KHẾ A BILU L P
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19151CLA1 (Số S: 30) - Khoa: Sư phạm
Tư vấn học sinh (Mã số: 01) (12/08/2019)

Quỹ: Mã số tài khoản 12345678901234567... (trong cột tư vấn học sinh) để nhận tiền học phí.

Kiểm tra 1 lần tiến độ nhận tiền học phí theo học kỳ, a học kỳ. Các kiểm tra 1 lần (nộp) để nhận tiền học phí 11, 21 của học kỳ.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tên	Phòng	Tư vấn học sinh
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	MATH132401E_06CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị Sáu	123_____	A4-404	__345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
15	PHED110513E_09CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị Sáu	__45_____	05S12	_234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
16	PHYS130902E_02CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Văn Chí	Thị Năm	123_____	A2-203	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KHẺ A BILU L P
H c k8: 01 - N m h c: 2019-2020

L p: 19151CLA2 (S s' : 29) - Khoa: ệ T ch BILU ệ ng cao

Tu f n b d L f u h c k8: tu f n 0 (12/08/2019)

L a I: M i k i t c a d y 12345678901234567... (trong c t tu f n h c) d i n t f cho m t tu f n l .

K i t 1 L f u t i n d i n t f tu f n th nh BILU c a h c k8. C s c k i t 1 k J i u p (n J i c) d i n t f tu f n th 11, 21 c a h c k8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	S' TC	Lo ại HP	Tên CBGD	Th	Ti t 1234567890123456	Phòng	Tu f n h c 123456789012345678901234
1	EHQT130137E_09CLC		Academic English 1	3	LT	Nguy n Ng c Anh Trang	Th Ba	123_____	E2-110	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
2	EHQT230237E_09CLC		Academic English 2	3	LT	Ph ạm Ng c Duy	Th B y	____789_____	E2-107	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
3	GCHE130603E_04CLC		General Chemistry for Engineers	3	LT	Nguy n V ền S c	Th T ế	____789_____	A2-103	__345678901234567_____ (04/09/2019->11/12/2019)
4	IEAC130046E_02CLC		Introduction to Automation and Control Engineering Technology (2+1)	3	LT	Nguy n Minh T ạm	Th Ba	____45_____	A305	__234567890123456_____ (27/08/2019->03/12/2019)
5	IEAC130046E_02CLC		Introduction to Automation and Control Engineering Technology (2+1)	3	LT	Nguy n Minh T ạm	Th N m	____45_____	A3-305	__234567890123456_____ (29/08/2019->05/12/2019)
6	IELI130126_01CLC		Intensive English 1_Listening	3	LT	Nguy n Trung Hi J i	Th Ba	____789_____	E2-108	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
7	IELI130226_01CLC		Intensive English 2_Listening	3	LT	Nguy n Th' H i H "	Th Hai	____789_____	E2-107	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
8	IERE130126_01CLC		Intensive English 1_Reading	2	LT	Nguy n Thi B i ệ n Duy n	Th B y	_23_____	E2-110	__345678901234567_____ (07/09/2019->14/12/2019)
9	IERE130226_01CLC		Intensive English 2_Reading	2	LT	L ộ Th' Thanh H "	Th Hai	____01_____	E2-109	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
10	IESP130126_01CLC		Intensive English 1_Speaking	3	LT	MAJA CATLAK	Th Hai	123_____	E2-101	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
11	IESP130226_01CLC		Intensive English 2_Speaking	3	LT	Gustavo Adolfo Miranda Salgado	Th Ba	____012_____	E2-101	__345678901234567_____ (03/09/2019->10/12/2019)
12	IEWR130126_01CLC		Intensive English 1_Writing	2	LT	S' Th' C i M:	Th Hai	____45_____	E2-106	__345678901234567_____ (02/09/2019->09/12/2019)
13	IEWR130226_01CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Tr ần Linh Trang	Th N m	____90_____	E2-103	__345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ KIỂM TRA ĐƠN GIẢN
Mã số: 01 - Năm học: 2019-2020

Mã số: 19151CLA2 (Số S: 29) - Khoa: Sư phạm Sư phạm
Điểm bắt đầu: Mã số: 0 (12/08/2019)

Chú ý: Mã số kiểm tra của bạn 12345678901234567... (trong cột mã số của bạn để kiểm tra).

Kiểm tra 1 lần từ đầu đến cuối kiểm tra, không có bất kỳ sự gián đoạn nào (nếu có) để kiểm tra 11, 21 của bạn.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Thị	Tiêu	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
14	LLCT150105E_09CLC		Principles of Marxism - Leninism	5	LT	Nguyễn Thị Quý	Thị T	12345_____	A4-201	_____234567890123456_____ (28/08/2019->04/12/2019)
15	MATH132401E_06CLC		Calculus I	3	LT	Lê Thị Mai Trang	Thị S	123_____	A4-404	_____345678901234567_____ (06/09/2019->13/12/2019)
16	PHED110513E_09CLC		Physical Education 1	1	LT	Nguyễn Thanh Bình	Thị S	_____45_____	05S12	_____234567890123456_____ (30/08/2019->06/12/2019)
17	PHYS130902E_02CLC		Principles of Physics 1	3	LT	Nguyễn Văn Chí	Thị N	123_____	A2-203	_____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)

THẺ I KHẾ A BILUP
Hạng: 01 - Năm học: 2019-2020

Lớp: 19142CLAS (Số S: 0) - Khoa: Ngoại Ngữ

Tuần học: 10 (12/08/2019)

Quá trình: Mã số 12345678901234567... (trong cột tuần học) để nhận xét.

Kiểm tra 1 lần tiến độ nhận xét tuần học, a hàng 8. Các kiểm tra 1 kết quả (nội dung) để nhận xét tuần học 11, 21, a hàng 8.

TT	Mã LHP	NL	Tên HP	Số TC	Loại HP	Tên CBGD	Th	Ti	Phòng	Tuần học
								1234567890123456		123456789012345678901234
1	IEWR130226_01 CLC		Intensive English 2_Writing	2	LT	Trần Linh Trang	Th. Năm	_____90_____	E2-103	____345678901234567_____ (05/09/2019->12/12/2019)